

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG
NĂM 2021**

Hậu Giang, tháng 12 năm 2021

CÁC TỪ VIẾT TẮT

AUN:	ASEAN University Network (mạng lưới các trường đại học hàng đầu của khu vực Đông Nam Á)
VC:	Viên chức
CĐCĐ:	Cao đẳng Cộng đồng
CNTT:	Công nghệ thông tin
CTCT:	Công tác chính trị
GDNN:	Giáo dục nghề nghiệp
HĐ:	Hội đồng
HSSV:	Học sinh, sinh viên
KĐCL:	Kiểm định chất lượng
KTX:	Ký túc xá
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
QCCTNB:	Quy chế chi tiêu nội bộ
TDTT:	Thể dục thể thao
TKĐ:	Tự kiểm định
VSEP:	Vietnam Skill Employment Project (Dự án Kỹ năng nghề nghiệp Việt Nam)

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG

1. Thông tin chung về trường

Tên trường (tiếng Việt và tiếng Anh):

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG

HAU GIANG COMMUNITY COLLEGE

Tên viết tắt: CĐCĐHG

Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy Ban Nhân dân(UBND) tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Đường 19/8, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Số điện thoại liên hệ: 02933870190, số fax: 02933876175

E-mail: hgcc@hgcc.edu.vn

Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Năm 2005 là Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.

Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 2006

Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất: Năm 2009

Loại hình trường đào tạo: Công lập: ☒

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển nhà trường

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được thành lập vào năm 2005, theo Quyết định số: 4128/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/8/2005 của Bộ Giáo dục và Đào Tạo, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang đã từng bước hoạt động và phát triển không ngừng và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cuối năm 2005 UBND tỉnh Hậu Giang có Công văn số 2837/UBND, ngày 13/12/2005 về việc ủy quyền cho Sở GD&ĐT Hậu Giang quản lý trường CĐCĐ Hậu Giang về 04 mặt:

1. Quản lý công tác tổ chức-cán bộ của Trường
2. Quản lý về Kế hoạch đào tạo của Trường
3. Kiểm tra công tác thu, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính
4. Chỉ đạo về công tác xây dựng cơ bản của Trường.

Đến cuối năm 2011 khi có Thông tư số **47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV**, ngày 19/10/2011 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ ra đời; thì UBND tỉnh Hậu Giang có công văn số **1192/UBND-TH**, ngày **30/7/2012** về việc chuyển Trường CĐCĐ Hậu Giang từ trực thuộc UBND tỉnh thành trực thuộc sở Giáo dục và Đào tạo.

Đến cuối năm 2015 UBND tỉnh Hậu Giang có Công văn số: **1658/UBND-TH**, ngày 06/10/2015 về việc chuyển trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang từ trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đến đầu năm 2017 Bộ Lao động Thương binh Xã hội có Công văn 205/BLĐTBXH, ngày 18/01/2017 bàn giao chức năng quản lý nhà nước về Giáo dục nghề nghiệp đối với các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp từ Bộ GD&ĐT sang Bộ LĐTB-XH. Riêng ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học vẫn trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đầu tháng 3 năm 2020 Bộ Lao động Thương binh Xã hội có Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. Trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang, quản lý nhà nước thuộc Bộ Lao động Thương binh Xã hội .

2.2. Thành tích nổi bật

Trong 16 năm qua, bằng sự nỗ lực phấn đấu không ngừng nhà trường đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc.

Đối với tập thể: nhiều năm liên được công nhận Tập thể Lao động xuất sắc, được tặng nhiều bằng khen của UBND tỉnh Hậu Giang, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Công an, Thủ tướng Chính phủ; Biểu tượng vàng “nguồn nhân lực Việt Nam” do Hội đồng TW Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam công nhận; bằng khen của BCH Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam.

Đối với cá nhân: Huân chương hạng Nhì: 01, Huân chương Lao động hạng Ba: 04; Nhà giáo ưu tú: 01, Giáo viên dạy giỏi toàn quốc: 04 và nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Hậu Giang. Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019 đạt 03 Giải Ba được tặng Bằng khen của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

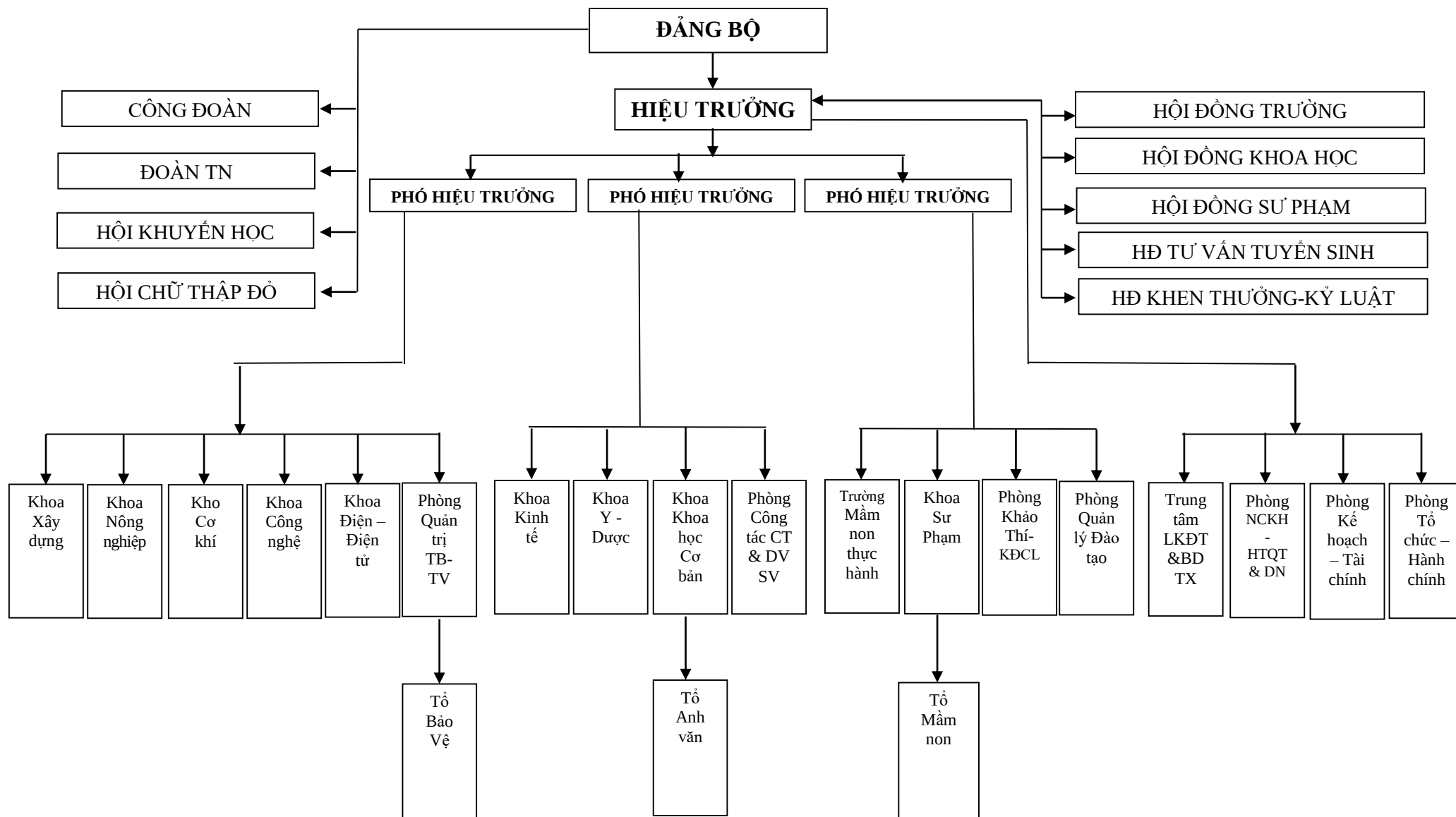
3.1. Cơ cấu tổ chức

Trường hiện có 18 Phòng, khoa chức năng gồm:

- Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Phòng Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế và Doanh nghiệp.
- Phòng Công tác chính trị và Dịch vụ sinh viên.
- Phòng Khảo thí - Kiểm định chất lượng.
- Phòng Kế hoạch-Tài chính.
- Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện.
- Phòng Quản lý Đào tạo.
- Trung tâm Liên kết đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên.
- Khoa Sư phạm.
- Khoa Khoa học Cơ bản.
- Khoa Y - Dược.
- Khoa Kinh tế.

- Khoa Nông nghiệp.
- Khoa Điện - Điện tử.
- Khoa Xây dựng.
- Khoa Cơ khí.
- Khoa Công nghệ.
- Trường Mầm non thực hành.

**** Sơ đồ tổ chức:***



3.2. Nhân sự

- Tổng số Viên chức, người lao động: **207** người, nữ **101**. Viên chức trong biên chế là **181**. Trong đó (Ban Giám hiệu: **04** người; lãnh đạo phòng khoa chức năng: **37** người; giảng viên: **111** người; giáo viên dạy mầm non thực hành: **03** người; viên chức hành chính: **26** người; nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68: **26** người).

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tiến sĩ: **01**, Chuyên khoa I: **02**, CKII: **01**, Thạc sĩ: **88** (đang nghiên cứu sinh: **07**); Đại học: **88** (đang học Thạc sĩ: **06**); Trung cấp: **03**; Trình độ chưa qua đào tạo: 24 người làm bảo vệ và tạp vụ.

- Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Đảng bộ có: **09** chi bộ trực thuộc, với: **163** đảng viên, nữ: **80**, dự bị: **09**.

- Công đoàn có: **14** tổ công đoàn, với: **207** đoàn viên, nữ: **101**.

- Đoàn Thanh niên: **360**; nữ: **237** (trong đó đoàn viên là viên chức: **04**, còn lại là học sinh sinh viên).

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo

4.1. Nghề đào tạo:

Các ngành nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp):

a) Tại trụ sở chính: Đường 19 tháng 8, ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Tiếng Anh	6220206	30	Cao đẳng
2	Tài chính - Ngân hàng	6340202	30	Cao đẳng
3	Kế toán	6340301	30	Cao đẳng
4	Dịch vụ thú y	5640201	30	Cao đẳng
5	Quản trị văn phòng	6340403	30	Cao đẳng
6	Quản trị kinh doanh	6340404	30	Cao đẳng
7	Tin học ứng dụng	6480205	30	Cao đẳng
8	Dược	6720201	60	Cao đẳng
		5720201	30	Trung cấp
9	Điều dưỡng	6720301	60	Cao đẳng
		5720301	30	Trung cấp
10	Thiết kế và quản lý Website	5480215	30	Trung cấp
11	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	35	Trung cấp
12	Quản trị mạng máy tính	5480209	35	Trung cấp
13	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	5540108	50	Trung cấp
14	Máy thời trang	5540205	35	Trung cấp
15	Thú y	5640101	30	Trung cấp

16	Y sỹ	5720101	90	Trung cấp
17	Kế toán doanh nghiệp	5340302	35	Trung cấp
18	Kế toán hành chính sự nghiệp	5340307	30	Trung cấp

b) Tại địa điểm đào tạo: Đường 19 tháng 8, ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (địa điểm đào tạo 1)

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ ô tô	6510216	35	Cao đẳng
		5510216	35	Trung cấp
2	Cắt gọt kim loại	5520121	30	Trung cấp
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa KK	5520205	30	Trung cấp
4	Điện Công nghiệp	6520227	30	Cao đẳng
		5520227	35	Trung cấp
5	Kỹ thuật xây dựng	6580201	30	Cao đẳng
		5580201	60	Trung cấp
6	Quản lý đất đai	5850102	15	Trung cấp

c) Tại địa điểm đào tạo: Khu vực 4, phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (địa điểm đào tạo 2)

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Kế toán doanh nghiệp	5340302	20	Trung cấp
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	30	Trung cấp
3	Quản trị mạng máy tính	5480209	30	Trung cấp
4	Cắt gọt kim loại	5520121	30	Trung cấp
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	30	Trung cấp
6	Quản lý đất đai	5850102	15	Trung cấp

4.2. Quy mô đào tạo

- Phương thức tổ chức đào tạo

Theo niên chế

Có

☒

Không

☐

Theo tích lũy tín chỉ

☒
☐

- Hình thức tổ chức đào tạo

Chính quy tập trung

Có

☒

Không

☐

Vừa làm vừa học

☒
☐

Từ xa

☐
☐

Liên kết đào tạo với nước ngoài

☐
☐

Liên kết đào tạo trong nước

☒
☐

Trình độ đào tạo	Khóa 14 Tuyển sinh năm 2019	Khóa 15 Tuyển sinh năm 2020	Khóa 16 Tuyển sinh năm 2021
Cao đẳng	577	521	193
Trung cấp	167	192	289
Tổng cộng	744	713	482 <i>(tính đến 12/11/2021)</i>

Tổng số học sinh, sinh viên (tính đến tháng 11/2021): 1.239 HSSV.

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất, thư viện

- Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 338.493,8
- Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
 - + Nơi làm việc: 5.281 Nơi học: 33.356 Nơi vui chơi giải trí: 2.444
- Diện tích phòng học (tính bằng m²): Tổng diện tích phòng học: 30.337.
- Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 6.388 cuốn
- Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 4.396 cuốn.
- Tổng số máy tính của trường:
- Dành cho hệ thống văn phòng: 80
- Dành cho sinh viên học tập: 120

5.2. Tài chính

- Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 3 năm gần đây:
 - + Năm 2019: 13.475.000.000 đồng.
 - + Năm 2020: 39.352.671.171 đồng.
 - + Năm 2021: 26.717.000.000 đồng.
- Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm gần đây:
 - + Năm 2019: 3.850.000.000 đồng.
 - + Năm 2020: 3.881.200.000 đồng.
 - + Năm 2021: 3.301.660.000 đồng.

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG

1. Đặt vấn đề

Hiện nay với xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội phát triển kinh tế - xã hội cho tất cả các nước nói chung, trong đó có Việt Nam nói riêng.

Ở nước ta hiện nay Đảng và Nhà nước chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

Hậu Giang là tỉnh ở trung tâm châu thổ sông Mê Kông, thành phố tỉnh lỵ Vị Thanh cách thành phố Hồ Chí Minh 240km về phía Tây Nam theo các tuyến quốc lộ, thủy lộ quốc gia; cách thành phố Cần Thơ 60km theo quốc lộ 61 và chỉ cách 40km theo đường nối thành phố Vị Thanh – Thành phố Cần Thơ với qui mô 4 làn xe cơ giới bê tông nhựa.

Xác định vị trí địa lý của Hậu Giang là trung tâm tiểu vùng Tây Sông Hậu, cửa ngõ của Bắc bán đảo Cà Mau, có lợi thế đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, nhiều vị lãnh đạo cơ quan Trung ương đến thăm, khảo sát thực tế và đã khẳng định vai trò, vị trí kinh tế của tỉnh mới Hậu Giang đối với khu vực châu thổ sông Mê Kông, đồng thời hoạch định chiến lược phát triển tương lai nhằm vực dậy kinh tế vùng đất Tây sông Hậu.

Dựa vào thế tiền sông, hậu lộ của hệ thống giao thông thủy sông Hậu, cầu Cần Thơ và các trục lộ chính đi qua, tỉnh Hậu Giang đã xây dựng Khu đô thị Công nghiệp sông Hậu quy mô diện tích 3.275 ha; Cụm công nghiệp Tân Phú Thạnh quy mô diện tích 201 ha; Cụm công nghiệp Vị Thanh quy mô diện tích 53 ha; Cụm công nghiệp Ngã Bảy qui mô diện tích 25 ha. Hiện các Khu – Cụm công nghiệp trên địa bàn đã thu hút nhiều nhà đầu tư đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước lấp kín địa bàn.

Từ đó đòi hỏi Tỉnh phải có nguồn nhân lực lớn, có tay nghề để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Vì vậy trong những năm tới cần phấn đấu tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề hàng năm; giảm tỷ lệ lao động trong nông nghiệp...

Từ tình hình thực tế và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, Nhà trường phải nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, nhu cầu xã hội và người học.

Như chúng ta biết, tự kiểm định là quá trình trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác làm cơ sở để trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đã quy định.

Tự kiểm định (TKĐ) không chỉ tạo cơ sở cho đánh giá ngoài mà là cơ sở nhằm tìm ra được những ưu điểm, những mặt còn tồn tại, thực trạng nhà trường và đề ra được các kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể.

Đối với trường Cao đẳng Cộng đồng (CĐCĐ) Hậu Giang, ngay từ những năm đầu thành lập, nhà trường luôn xác định chất lượng đào tạo là yếu tố căn bản và quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Do đó vào các năm 2009 và năm 2012 nhà trường đã hai lần thực hiện tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Các năm 2017, 2018, 2019, 2020 nhà trường tiếp tục thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để đánh giá toàn diện các hoạt động của nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng cho phù hợp với bộ tiêu chuẩn do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

Thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp năm 2021. Đây là dịp Nhà trường tiếp tục tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả tự đánh giá và đánh giá bên ngoài, lãnh đạo các cấp trong Nhà trường sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đạt được, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp thời gian tới.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

2.1.1. Quy trình tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá theo quy trình được quy định tại Mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.1.2. Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2.1.3. Hướng dẫn đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

2.2. Mục đích tự đánh giá

- Nhằm xác định mức độ đạt của trường theo bộ tiêu chí đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.
- Nâng cao nhận thức của viên chức, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

nghề nghiệp của nhà trường theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì các tiêu chí, tiêu chuẩn đạt được, đưa ra các giải pháp, kế hoạch khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, từ đó tạo điều kiện cho chất lượng giáo dục nghề nghiệp tại nhà trường ngày càng hoàn thiện và bền vững.

- Giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường.

- Làm cơ sở cho người học lựa chọn trường và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Quá trình thực hiện tự đánh giá phải thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường

- Đánh giá trung thực, khách quan hiện trạng của nhà trường theo nội dung bộ tiêu chí.

- Báo cáo kết quả tự đánh giá theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai rộng rãi trong toàn trường.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Sử dụng phương pháp thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.

3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

Mẫu 3.1. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt chuẩn chất lượng
	Tổng điểm	100	97
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định	1	1
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	16
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết		
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết	1	1
	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	1	0
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	1	1
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	15
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy		
	Tiêu chuẩn 8:Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo	1	1
	Tiêu chuẩn 9:Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 10:Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo	1	1
	Tiêu chuẩn 11:Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 13:Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	1	1
	Tiêu chuẩn 14:Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý	1	1
	Tiêu chuẩn 15:Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ	1	1
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	13
	Tiêu chuẩn 1:Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 2:100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3:Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 4:Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có		
	Tiêu chuẩn 5:Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 6:Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 7:Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học	1	0
	Tiêu chuẩn 10:Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 11:100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức	1	1
	Tiêu chuẩn 12:Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 13:Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	0
	Tiêu chuẩn 15:Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	1	1
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	15
	Tiêu chuẩn 1:Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có		
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành,	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường		
	Tiêu chuẩn 10:Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 11:Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 12:Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng	1	1
	Tiêu chuẩn 13:Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in	1	1
	Tiêu chuẩn 14:Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học	1	1
	Tiêu chuẩn 15:Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo	1	1
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 1:Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 2:Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 3:Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn	1	1
	Tiêu chuẩn 5:Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	1
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1:Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai	1	1
	Tiêu chuẩn 2:Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3:Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 4:Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5:Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 6:Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường	1	1
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	9
	Tiêu chuẩn 1:Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2:Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3:Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập		
	Tiêu chuẩn 4:Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	1	1
	Tiêu chuẩn 5:Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học	1	1
	Tiêu chuẩn 6:Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	1	1
	Tiêu chuẩn 7:Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường	1	1
	Tiêu chuẩn 8:Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng	1	1
9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 1:Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 3:Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 6:Trường có tỷ lệ 80% người học cóviệc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp	1	1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

1. Mở đầu:

Trường cao đẳng cộng đồng Hậu Giang là trường cao đẳng công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có hoạt động giáo dục và đào tạo đa cấp, đa ngành với chương trình và kế hoạch đào tạo mềm dẻo phục vụ nhu cầu học tập đa dạng của cộng đồng, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý theo đúng quy định Điều lệ trường cao đẳng; hoạt động tuân thủ nghiêm túc trên cơ sở mục tiêu, sứ mạng nhà trường đề ra và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Phân công, phân cấp đúng chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các cá nhân, đơn vị được cụ thể hóa trong: “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang”. Tất cả viên chức quản lý đều thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ được giao. Tổ chức đoàn thể thực hiện và phát huy đầy đủ, có tác dụng, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của nhà trường.

2. Những điểm mạnh:

Hằng năm, nhà trường thường xuyên rà soát, sắp xếp lại các vị trí việc làm cho phù hợp tình hình thực tế; điều chuyển giáo viên dạy thiếu giờ về làm việc hành chính tại các phòng chức năng.

Trường bổ nhiệm đầy đủ viên chức quản lý các phòng, khoa chức năng ổn định đi vào hoạt động. Thành lập đầy đủ các Hội đồng tư vấn, Hội đồng trường theo quy định. Sắp xếp, phân công đội ngũ đúng chuyên môn, nghiệp vụ. Ban hành mới, rà soát, bổ sung, sửa đổi đầy đủ, kịp thời các Quy chế, quy định để quản lý mọi hoạt động nhà trường theo đúng chức năng nhiệm vụ. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách có liên quan đến viên chức và người Lao động.

Năm 2021 Trường CĐCD Hậu Giang đã ban hành quyết định số 490/QĐ-CĐCD, ngày 11 tháng 10 năm 2021 của trường CĐCD Hậu Giang về Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện rà soát vị trí việc làm, sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy phòng, khoa chức năng thuộc trường CĐCD Hậu Giang.

Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được giao đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong các Quy chế, Quy định của nhà trường ban hành; làm căn cứ pháp lý trong quản lý, điều hành, kiểm tra và xử phạt khi vi phạm.

Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh các quy chế, quy định và cơ cấu tổ chức nhà trường theo hoạt động thực tế.

Phát huy được sức mạnh của tập thể trong kiểm tra, giám sát, thực hiện tập trung dân chủ, công khai, minh bạch các hoạt động của nhà trường trên trang Webs của nhà trường.

Lưu trữ đầy đủ các minh chứng làm cơ sở trong đánh giá, kiểm định chất lượng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế nhất định; sẽ được nhà trường rà soát, điều chỉnh, khắc phục và kiện toàn trong thời gian tới. Bên cạnh đó nhà trường sẽ thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động để phát huy được nguồn nhân lực hiện có và để nhà trường ngày càng phát triển.

3. Những tồn tại:

Tổ chức lấy ý kiến của viên chức của viên chức và người Lao động phòng, khoa chức năng về các lĩnh vực bằng văn bản chưa đầy đủ, chưa kịp thời.

Các Hội đồng hoạt động hiệu quả chưa cao.

Việc thực hiện tuyển sinh hằng năm chưa đạt chỉ tiêu được giao.

Chưa tổ chức lấy ý kiến các đồng chí Trưởng phòng, khoa chức năng và giảng viên về hoạt động của nhà trường bằng văn bản.

Đội ngũ nhà giáo thừa, thiếu cục bộ.

Công tác thanh tra, pháp chế hoạt động chưa đi vào chiều sâu. Chưa rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Các cán bộ chủ chốt của trường chưa được đào tạo qua lớp kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Hằng năm, tổ chức lấy ý kiến của viên chức và người Lao động về các lĩnh vực bằng văn bản kịp thời, đầy đủ như hướng dẫn.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhà trường theo quy định.

Tiến hành rà soát lại vị trí việc làm để có sự phân công đúng chuyên môn, nghiệp vụ cho từng CBVC; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thỉnh giảng đảm bảo hoạt động của nhà trường.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, pháp chế trong nhà trường.

Củng cố, kiện toàn lại cơ cấu, tổ chức bộ máy cho phù hợp với từng giai đoạn hoạt động thực tế.

Điều chỉnh và triển khai thực hiện các quy trình của phòng, kế hoạch xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường

Có kế hoạch cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo kiểm định viên chất lượng giáo dục và giáo dục nghề nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm triển khai tốt văn bản chỉ đạo của Trung ương và Chương trình của Tỉnh ủy Hậu Giang đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp UBND tỉnh xây dựng Đề án sáp nhập và báo cáo hiệu quả đề án sau sáp nhập [1.1.01]; được Bộ LĐTB&XH thống nhất sáp nhập 02 Trường Trung cấp vào Trường CĐCD Hậu Giang [1.1.02]; trên cơ sở phát triển nguồn nhân lực của địa phương Trường được giao đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển tỉnh nhà [1.1.03], [1.1.04], [1.1.05]; Trường Tổ chức khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp để điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội [1.1.06]. Trường xây dựng mục tiêu sứ mạng phù hợp với chức năng nhiệm vụ và được đăng trên website của trường [1.1.07].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Quyết định số 2068/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011-2020 xác định mục tiêu tổng quát phát triển nhân lực: Đảm bảo yêu cầu phát triển nhân lực, thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng theo chuẩn quốc gia và từng bước tiến tới chuẩn khu vực (quốc tế); Xây dựng nguồn lực đã qua đào tạo và bồi dưỡng nhân tài trọng tâm và định hướng phát triển chiến lược của công tác đào tạo phát triển nhân lực. Đồng thời, phương hướng phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020 xác định giai đoạn 2016 – 2020 đào tạo lao động hệ dạy nghề: khoảng 70.243 người (trong đó: dạy nghề dưới 3 tháng và sơ cấp nghề là 64.350 người, đào tạo trung cấp nghề là 5.303 người, đào tạo cao đẳng nghề là 590 người) [1.1.03]

Trong 11 chỉ tiêu chủ yếu Chương trình Thực hiện chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang có 02 chỉ tiêu liên quan đến việc làm và đào tạo nghề: (1) Tạo việc làm trong 5 năm cho 75.000 lao động (bình quân mỗi năm 15.000 lao động. Trong đó, có 250 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. (2) Đào tạo nghề cho 33.488 lao động (trong đó, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề là 3.488 lao động; dạy nghề cho lao động nông thôn là 30.000 lao động) [1.2.01].

Nhằm đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu sử dụng lao động ở các ngành nghề, nhà trường căn cứ vào kết quả nhu cầu lao động của địa phương để đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 [1.2.02], [1.1.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Bộ LĐTB&XH thống nhất sáp nhập 02 Trường Trung cấp vào Trường CĐCD Hậu Giang [1.1.02]; bộ máy tổ chức của Trường gồm 18 các phòng, khoa chức năng các đơn vị thuộc Trường [1.3.01] để quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Trường theo quy định.

Công tác quản lý của trường thực hiện theo chế độ thủ trưởng và dựa vào qui chế dân chủ cơ sở, đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm một phần theo quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [1.3.02]. Trường CĐCD Hậu Giang được phép của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH thống nhất cho mở 02 khối ngành sức khỏe và đào tạo giáo viên [1.1.04], [1.1.05].

Trên cơ sở Thông tư 47/2016/TT- BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về điều lệ trường Trường đã xây dựng Quy chế tổ chức hoạt động của Trường [1.3.03].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện, điều chỉnh (nếu) cần thiết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế, hằng năm Trường rà soát các văn bản quản lý của trường khi có thay đổi nhân sự, bổ sung, thay thế để ban hành bổ sung kịp thời, đảm bảo phù hợp, đúng với chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ.

Đầu tháng 3 năm 2020 Bộ Lao động Thương binh Xã hội có Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.

Trường ban hành các văn bản như: Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang [1.3.03], Quy chế đào tạo [1.4.01], Quy chế chi tiêu nội bộ [1.3.02]; thành lập Hội đồng Trường để định hướng các hoạt động của Trường [1.4.02] và hoạt động công khai, minh bạch qua quy chế dân chủ [1.4.03] .

Nhằm rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy và nhân sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đảng bộ trường đã xây dựng chương trình số 13-CTr/ĐU ngày 06/10/2021 của Đảng ủy Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang thống nhất cho chủ trương về việc chỉ đạo rà soát vị trí việc làm, sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy các phòng khoa chức năng và định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức quản lý [1.4.04].

Trường CĐCD Hậu Giang ban hành quyết định số: 490/QĐ-CĐCD, ngày 11 tháng 10 năm 2021 của trường CĐCD Hậu Giang về Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện rà soát vị trí việc làm, sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy phòng, khoa chức năng thuộc trường CĐCD Hậu Giang [1.4.05].

Tất cả các văn bản đều được đăng tải công khai trên website của trường và được gửi đến từng đơn vị trong trường để làm căn cứ thực hiện.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ phận các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phòng, khoa, bộ phận các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường theo đúng quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang [1.3.03]; Trường tổ chức đào tạo các ngành nghề theo giấy phép đăng ký hoạt động GDNN do Tổng cục GDNN cấp [1.1.04].

Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường [1.5.01]; tạo được sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc giữa các phòng khoa chức năng với nhau và phát triển theo định hướng của Trường, các phòng, khoa tổ chức đánh giá hiệu quả làm việc của các phòng, khoa để từ đó có động lực đưa Trường ngày càng phát triển [1.5.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Quyết định thành lập Hội đồng Trường [1.4.02] các Hội đồng tư vấn để giúp Trường hoạt động tốt như: Hội đồng tuyển sinh, Ban tư vấn tuyển sinh [1.6.01].

Trường hoạt động theo Quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường [1.3.03], xây dựng quy chế làm việc của giảng viên để tạo động lực cho giảng viên phát triển [1.6.02].

Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường [1.5.01]; Với sự lãnh đạo của Ban Giám hiệu và sự nỗ lực của tập thể viên chức nhà trường đã đạt thành tích thi đua xuất sắc năm học 2020 - 2021:

+ Danh hiệu Lao động tiên tiến: **206/209** cá nhân, **đạt 98,6%**. (Có 03 cá nhân không đủ điều kiện xét)

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: **22** cá nhân.

+ Giấy khen cấp trường: **05** tập thể và **23** cá nhân.

+ Danh hiệu Lao động tập thể tiên tiến: **18** tập thể.

*** Trình cấp trên xem xét khen thưởng:**

+ Danh hiệu Lao động tập thể xuất sắc: **09** tập thể.

+ Bằng khen của UBND tỉnh: **01** thể và **12** cá nhân.

- Năm 2021, tập thể trường CĐCD Hậu Giang đạt hạng Nhì trong Khối thi đua Khối các cơ quan khác [1.6.03].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có thành lập phòng Khảo thí-kiểm định chất lượng thực hiện chức năng, nhiệm vụ về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng của trường [1.7.01, 1.3.03]. Công tác báo cáo tổng kết công tác hàng năm của các phòng, khoa, bộ môn, các đơn vị trực thuộc trường và của toàn trường được thực hiện hàng năm [1.7.02, 1.5.01].

Năm 2021, nhà trường đã ban hành kế hoạch và tiến hành kiểm tra các quy trình đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội [1.7.04]. Đã tiến hành kiểm và có báo cáo đầy đủ [1.7.05]. Trường đã có quyết định ban hành Chính sách chất lượng; Mục tiêu chất lượng; Sổ tay chất lượng và Hệ thống các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng của trường CĐCD Hậu Giang [1.7.06].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện chức năng đánh giá đảm bảo chất lượng (ĐBCL) trong nhà trường theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng; Phòng Khảo thí - KĐCL được thành lập nhằm chuyên trách công tác khảo thí -KĐCL của trường [1.7.01]. Chức năng và nhiệm vụ của phòng Khảo thí - KĐCL được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường [1.3.03].

Hằng năm, phòng Khảo thí - KĐCL đều báo cáo tổng kết hoạt động, trong đó có báo cáo về công tác của phòng kiểm định chất lượng [1.7.02] và báo cáo tổng kết công tác của trường cũng đều được thực hiện hàng năm [1.5.01].

Hằng năm, phòng Khảo thí - KĐCL đều tham mưu với Ban Giám hiệu xây dựng kế hoạch, thực hiện và tổng hợp hoàn thành báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN của nhà trường và nộp báo cáo theo quy định [1.8.01].

Hằng năm, Phòng Khảo thí - KĐCL luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và được tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua như: Tập thể lao động xuất sắc, bằng khen của UBND tỉnh Hậu Giang, Bằng khen Thủ Tướng Chính phủ [1.8.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng ủy Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang là tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang, Đảng bộ hiện tại có 09 Chi ủy Chi bộ trực thuộc, với **164** đảng viên (trong đó, nữ **81** đồng chí; dự bị **09** đồng chí); Ủy viên BCH Đảng bộ **13** đồng chí; Cấp ủy viên Chi bộ trực thuộc Đảng ủy **42** đồng chí.

Đảng ủy Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được chuẩn y theo Quyết định số 4291-QĐ/ĐUK ngày 06/7/2015 của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh Hậu Giang và

Quyết định số 424-QĐ/ĐUK ngày 04/6/2020 của Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang [1.9.01]

Cấp ủy các Chi bộ trực thuộc được kiện toàn, sáp nhập, đổi tên, đặt tên và thành lập các Chi bộ trực thuộc Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang [1.9.02]

Hàng năm, Cấp ủy phối hợp với lãnh đạo cơ quan, đơn vị đề ra Nghị quyết công tác năm sao cho phù hợp với cơ quan, đơn vị để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các mặt hoạt động chuyên môn, chính trị của nhà trường [1.9.03]

Đảng ủy Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang thường xuyên, định kỳ tổ chức báo cáo tổng kết, quý, năm để đánh giá những mặt làm được, những mặt chưa làm được nhằm có biện pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển của nhà trường [1.5.01], [1.9.04], [1.9.05], và kết quả hoạt động của đảng bộ [1.9.06].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường gồm có: tổ chức Công đoàn (trong đó có Ban Nữ công quần chúng), tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức Chính trị Xã hội khác [1.3.03, 1.10.01].

Hàng năm, Công đoàn, Đoàn trường đều có ban hành kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể [1.10.02].

Hàng năm, Công đoàn trường đều tham mưu thực hiện và báo cáo kết quả hoạt động các chương trình, phong trào góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường như: hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, phong trào thi đua hai giỏi: “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” và “Nam chia sẻ công tác, san sẻ việc nhà cùng nữ giới” [1.10.03].

Các hoạt động nổi bật của Đoàn thanh niên là công tác tình nguyện tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, công tác này được đoàn trường quan tâm thường xuyên định kỳ. Hàng năm, Đoàn thanh niên đều thực hiện báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên [1.10.04]. Với các hoạt động sôi nổi đó, năm 2020 Đoàn trường nhận được bằng khen của Ban Thường vụ tỉnh đoàn Hậu Giang với danh hiệu Đơn vị xuất sắc [1.10.05].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định; có thành lập hệ thống thanh tra, pháp chế như: Thanh tra nhân dân hoạt động trực thuộc công đoàn trường; Bộ phận Thanh tra, pháp chế thuộc Phòng Tổ chức - Hành chính, thành lập Đoàn kiểm tra giám sát các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý đào tạo [1.11.01]

Hàng năm, Bộ phận Thanh tra, pháp chế có xây dựng kế hoạch thanh, giám sát các hoạt động của nhà trường [1.11.02]; chủ yếu tổ chức giám sát các kỳ thi học phần, học kỳ, tốt nghiệp; chưa tổ chức Thanh tra hết các lĩnh vực trong nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ quy định. Hàng năm, rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

- Phối hợp phòng Khảo thí - Kiểm định chất lượng kiểm tra, giám sát các Hội đồng thi Học kỳ các lớp trung cấp và cao đẳng hệ chính quy của trường. Khi tổ chức thanh tra đều ghi đầy đủ biên bản khi làm việc và báo cáo kết quả lại cho tập thể nhà Trường.

- Năm 2021 có thực hiện **01** cuộc kiểm tra, giá sát nội bộ của trường: Tự Kiểm tra - Thanh tra luật về Giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021 [1.11.02].

- Triển khai đến **44** người phải kê khai minh bạch tài sản năm 2020 (đối tượng là BGH và lãnh đạo phòng, khoa chức năng). Đã niêm yết công khai và Báo cáo về Thanh tra tỉnh Hậu Giang đúng quy định [1.11.03]. Có Quy định về công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực hoạt động của nhà trường [1.11.04].

Nhìn chung bộ phận Thanh tra, pháp chế chủ yếu tổ chức giám sát các kỳ thi học phần, học kỳ, tốt nghiệp; chưa tổ chức Thanh tra hết các lĩnh vực trong nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ quy định. Hàng năm, rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ các văn bản thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng như: Ban hành quy định về việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho viên chức người lao động [1.12.01], báo cáo đầy đủ việc thực hiện chế độ chính sách cho viên chức của Trường [1.12.02]; các chế độ ưu đãi, [1.12.03], thâm niên của đội ngũ nhà giáo [1.12.04]; phụ cấp chức vụ của viên chức quản lý,...

Trường thực hiện công khai, minh bạch và đúng quy định về việc thực hiện công tác quy hoạch [1.12.05], công tác cử viên chức đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ [1.12.06] đầy đủ, kịp thời, chính xác.

Trường thực hiện tốt các chế độ như: nghỉ thai sản, nuôi con nhỏ, đau ốm, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tăng lương thường xuyên, trước hạn [1.12.07].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

1. Mở đầu:

Tự kiểm định là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng trường Đại học, Cao đẳng nói chung và Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang nói riêng. Để đạt được mục tiêu trong chiến lược phát triển, trường cần nhiều yếu tố khác

nhau, trong đó hoạt động đào tạo là một trong những yếu tố đóng vai trò then chốt, góp phần phát triển nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của trường. Hiện nay, các hoạt động đào tạo của trường phát huy tính tích cực của sinh viên, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo toàn diện, các hoạt động đào tạo của trường được tổ chức đa ngành, đa lĩnh vực theo các phương thức và bậc học đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên và thị trường lao động. Phương pháp giảng dạy của các giáo viên, giảng viên ngày càng được đa dạng, tiếp cận được với các phương pháp giảng dạy tiên tiến, phù hợp.

Trong quá trình tìm hiểu trường theo từng giai đoạn, qui trình phát triển, bên cạnh những điểm mạnh chủ lực, trường còn có những tồn tại cần được cải tiến, khắc phục theo từng yêu cầu của mỗi tiêu chí trong hoạt động đào tạo cũng như có định hướng cho việc đề ra các kế hoạch hành động.

2. Những điểm mạnh:

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang đã đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, tạo nhiều điều kiện cho người học, góp phần đào tạo nguồn nhân lực thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trường đã áp dụng các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu đối với từng ngành nghề đào tạo. Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. Trường đã có hướng dẫn riêng về công tác tuyển sinh, cụ thể hóa quy định tuyển sinh tại Thông tư. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng học kỳ, môn học phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (nếu có). Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện và năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Bên cạnh đó, trường cũng đã tích cực triển khai ý kiến chỉ đạo của cấp trên về thực hiện đổi mới phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính công bằng khách quan và sự phù hợp trong kiểm tra đánh giá, đáp ứng mục tiêu đào tạo từng học phần, môn học đồng thời tăng khả năng tự học, làm chủ quá trình học tập của sinh viên. Có hệ thống sổ sách và cơ sở dữ liệu giúp lưu giữ kết quả học tập của người học rõ hơn, đầy đủ, chính xác và an toàn.

3. Những tồn tại:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị nhìn chung chưa đủ đáp ứng cho tất cả giảng viên, giáo viên khi cần thiết áp dụng phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy (nhất là tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến hết sức phức tạp trong thời gian qua)

Công tác kiểm tra, giám sát nhà giáo việc thực hiện quy chế đào tạo, quy định về thực hiện hồ sơ, sổ sách; công tác dự giờ, thao giảng chưa thực hiện thường xuyên (do dịch covid-19 diễn biến phức tạp nên chưa trực tiếp thực hiện kiểm tra trong thời gian qua)

Việc giảng dạy mô đun thực hành chưa thực hiện được (do dịch covid-19 nên không tập trung học sinh để giảng dạy trực tiếp được)

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tăng cường đầu tư trang thiết bị đáp ứng cho tất cả giảng viên, giáo viên khi cần thiết áp dụng phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát nhà giáo việc thực hiện quy chế đào tạo, quy định về thực hiện hồ sơ, sổ sách; các Khoa chủ động thực hiện dự giờ, thao giảng (nhất là việc dạy học trực tuyến trong thời gian qua), đồng thời xây dựng kế hoạch dạy các mô đun thực hành một cách linh hoạt sau khi tập trung học tập trực tiếp.

Trường sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý đào tạo, đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập, thông báo và tổng hợp báo cáo. Cập nhật thường xuyên tình hình học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp để kịp thời điều chỉnh, đa dạng hóa loại hình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương.

Tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy qua phiếu điều tra.

Thiết lập kênh liên lạc với học sinh, sinh viên ra trường hiệu quả hơn cho việc điều tra thông kê có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo vào thời gian thích hợp. Trong một chu kỳ kiểm định, trường sẽ lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, doanh nghiệp một lần về các mặt, trong đó có cả việc đánh giá chất lượng học sinh, sinh viên, trong công việc thực tế. Trên cơ sở đó, nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh lại nội dung chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, ngành nghề đào tạo để tăng số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay và phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	0
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Tính đến năm học 2021 - 2022, Trường có tổng cộng 29 ngành đào tạo (gồm 12 ngành đào tạo ở trình độ Cao đẳng; 17 ngành đào tạo trình độ Trung cấp). Cụ thể như sau:

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo
I/ Trình độ đào tạo Cao đẳng gồm 12 ngành, nghề			
1	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng
2	Tài chính - Ngân hàng	6340202	Cao đẳng
3	Kế toán	6340301	Cao đẳng
4	Quản trị văn phòng	6340403	Cao đẳng
5	Quản trị kinh doanh	6340404	Cao đẳng
6	Tin học ứng dụng	6480205	Cao đẳng
7	Dịch vụ thú y	6640201	Cao đẳng
8	Dược	6720201	Cao đẳng
9	Điều dưỡng	6720301	Cao đẳng
10	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng
11	Điện Công nghiệp	6520227	Cao đẳng
12	Kỹ thuật xây dựng	6580201	Cao đẳng
II/ Đào tạo trình độ Trung cấp gồm 17 ngành, nghề			
1	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp
2	Kế toán hành chính sự nghiệp	5340307	Trung cấp
3	Thiết kế và quản lý Website	5480215	Trung cấp
4	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	Trung cấp
5	Quản trị mạng máy tính	5480209	Trung cấp
6	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	5540108	Trung cấp
7	Máy thời trang	5540205	Trung cấp
8	Thú y	5640101	Trung cấp
9	Y sỹ	5720101	Trung cấp
10	Dược	6720201	Trung cấp

11	Điều dưỡng	6720301	Trung cấp
12	Công nghệ ô tô	5510216	Trung cấp
13	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp
14	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	Trung cấp
15	Điện Công nghiệp	5520227	Trung cấp
16	Kỹ thuật xây dựng	5580201	Trung cấp
17	Quản lý đất đai	5850102	Trung cấp

Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN [1.1.04].

100% chương trình đào tạo đã có quyết định ban hành đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu ra [2.1.01], [2.1.02]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường đều có kế hoạch cập nhật, bổ sung các quy định mới về công tác tuyển sinh vào quy chế tuyển sinh của nhà trường. Nhằm kịp thời phục vụ cho công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt, với phương châm: “Tạo điều kiện thuận lợi nhất, cơ hội học tập tốt nhất cho mọi người học theo đúng quy định của pháp luật”.

Phòng Quản lý đào tạo thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tư, văn bản hướng dẫn và các quy định mới của các cơ quan có thẩm quyền các cấp về các hoạt động liên quan đến công tác tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp. Kịp thời tham mưu lên lãnh đạo nhà trường tiến hành điều chỉnh, bổ sung và ban hành quy chế tuyển sinh hàng năm theo quy định.

Trên cơ sở Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ LĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, Thông tư 07/2019/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ LĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Thông tư số 05/2021/TT - BLĐTBXH ngày 07/7/2021 Thông tư Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng. và Quy chế tuyển sinh năm 2021. Quy chế này áp dụng kể từ mùa tuyển sinh các ngành cao đẳng và trung cấp hệ chính quy năm học 2021 - 2022 [2.2.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh [2.3.01], thành lập Hội đồng tuyển sinh [2.3.02], phát hành các thông báo tuyển sinh (có hướng dẫn thủ tục hồ sơ) rộng rãi trên các phương tiện truyền thông [2.3.03]. Công tác tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy định đảm bảo nghiêm túc, công bằng và khách quan ở tất cả các bước từ

nhận hồ sơ tuyển sinh, lập danh sách người đăng ký học [2.3.04], tổ chức xét tuyển, có báo cáo kết quả tuyển sinh về cơ quan có thẩm quyền theo quy định [2.3.05], công bố mức điểm chuẩn [2.3.06] và gọi thí sinh nhập học, số lượng thí sinh làm thủ tục nhập học hàng năm luôn ổn định [2.3.07]. Công tác xét tuyển, phân lớp được tổ chức thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan [2.3.08].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng nhu cầu học tập của người học, trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang đã tổ chức đào tạo theo 02 phương thức: đào tạo theo niên chế và đào tạo theo tích lũy tín chỉ [1.4.01], [2.4.01], [2.4.02].

Hầu hết người học tham gia học tập tại trường là các em học sinh vừa mới tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc những người đã có việc làm ổn định có nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp để đáp ứng theo yêu cầu thực tiễn công việc và sản xuất.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Phương thức đào tạo
I/ Trình độ đào tạo Cao đẳng gồm 12 ngành, nghề			
1	Tiếng Anh	6220206	Tích lũy tín chỉ
2	Tài chính - Ngân hàng	6340202	Tích lũy tín chỉ
3	Kế toán	6340301	Tích lũy tín chỉ
4	Quản trị văn phòng	6340403	Tích lũy tín chỉ
5	Quản trị kinh doanh	6340404	Tích lũy tín chỉ
6	Tin học ứng dụng	6480205	Tích lũy tín chỉ
7	Dịch vụ thú y	5640201	Tích lũy tín chỉ
8	Dược	6720201	Tích lũy tín chỉ
9	Điều dưỡng	6720301	Tích lũy tín chỉ
10	Công nghệ ô tô	6510216	Tích lũy tín chỉ
11	Điện Công nghiệp	6520227	Tích lũy tín chỉ
12	Kỹ thuật xây dựng	6580201	Tích lũy tín chỉ
II/ Đào tạo trình độ Trung cấp gồm 17 ngành, nghề			
1	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Tích lũy tín chỉ
2	Kế toán hành chính sự nghiệp	5340307	Tích lũy tín chỉ
3	Thiết kế và quản lý Website	5480215	Tích lũy tín chỉ
4	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	Tích lũy tín chỉ Niên chế
5	Quản trị mạng máy tính	5480209	Tích lũy tín chỉ Niên chế
6	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	5540108	Tích lũy tín chỉ Niên chế
7	Máy thời trang	5540205	Niên chế
8	Thú y	5640101	Tích lũy tín chỉ

			Niên chế
9	Y sỹ	5720101	Tích lũy tín chỉ
10	Dược	6720201	Tích lũy tín chỉ
11	Điều dưỡng	6720301	Tích lũy tín chỉ
12	Công nghệ ô tô	5510216	Tích lũy tín chỉ Niên chế
13	Cắt gọt kim loại	5520121	Tích lũy tín chỉ Niên chế
14	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	Tích lũy tín chỉ Niên chế
15	Điện Công nghiệp	5520227	Tích lũy tín chỉ Niên chế
16	Kỹ thuật xây dựng	5580201	Tích lũy tín chỉ Niên chế
17	Quản lý đất đai	5850102	Tích lũy tín chỉ

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Xác định công tác đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Trước khi bắt đầu mỗi khóa học, trường đã xây dựng và phê duyệt tiến độ đào tạo cho từng lớp học của từng ngành/ngành cụ thể thuộc khóa học đó căn cứ theo khung chương trình đào tạo của các ngành/ngành đã ban hành [2.1.01], [2.4.02], [2.5.01].

Căn cứ chương trình đào tạo của từng ngành, nghề và tiến độ đào tạo, các Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể cho các ngành/ngành, xác định rõ nội dung chương trình, khối lượng kiến thức theo từng học kỳ, từng năm học được thể hiện chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo [2.5.02], [2.5.03]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện theo đúng tiến độ, phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các Khoa tiến hành xây dựng kế hoạch và phân công nhà giáo phụ trách giảng dạy từng môn học trong từng học kỳ, năm học [2.6.01]. Đối với tất cả các môn học được phân công phụ trách giảng dạy, nhà giáo chuẩn bị đầy đủ tài liệu tham khảo, chương trình môn học và bài giảng phục vụ giảng dạy theo quy định. Các hoạt động trên lớp học của nhà giáo và người học được thể hiện trên các Sổ lên lớp/Sổ đầu bài [2.6.02] được phòng Quản lý đào tạo kiểm tra thường xuyên và tổng kết vào cuối mỗi học kỳ theo từng năm học.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các hoạt động đào tạo trong nhà trường luôn được thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Căn cứ chương trình đào tạo toàn khóa của các ngành/ngành, kết hợp với kế hoạch đào tạo chi tiết của từng học kỳ, năm học, trường luôn chủ động liên hệ và phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động tổ chức các đợt thực hành, thực tập thực tế tại các cơ sở. Trường định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa các hoạt động đào tạo so với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo.

Các hợp đồng đã ký kết: Hợp đồng thực tập tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang [2.7.01]; Hợp đồng thực tập tại Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Hậu Giang [2.7.02].

Hàng năm, trường lập kế hoạch đi thực tập thực tế [2.7.03] và giới thiệu cho người học đến thực hành, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động [2.7.04].

Trong quá trình thực tập, người học có cơ hội tiếp xúc thực tiễn và tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu [2.7.05]. Chính vì thế, kết quả sau mỗi đợt thực hành, thực tập của người học đều đạt yêu cầu và đã được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Xuất phát từ nhu cầu của xã hội là cần nguồn nhân lực năng động, chất lượng cao cùng với việc áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, công tác đào tạo của nhà trường là luôn hướng đến việc kết hợp vừa rèn luyện kỹ năng thực hành vừa trang bị kiến thức chuyên môn nhằm phát huy tính tích cực, năng động, tự học, tự nghiên cứu của người học. Qua đó, rèn luyện cho người học khả năng làm việc độc lập và khả năng tổ chức làm việc theo nhóm.

Công tác đào tạo của trường được triển khai thực hiện luôn đảm bảo khối lượng kiến thức và nội dung chương trình có sự kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, trường đã mạnh dạn đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp dạy học như: thuyết trình, báo cáo semina, làm việc theo nhóm, viết tiểu luận, làm bài tập nghiên cứu khoa học, ...

Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức cho sinh viên học tập theo hình thức tham quan thực tế, giảng dạy thực tế tại cơ sở. Tùy theo đặc trưng của từng ngành/ngành, từng môn học và cả năng lực học tập của người học mà nhà giáo áp dụng các phương pháp dạy học phù hợp [2.8.01].

Đa số các môn học đang được giảng dạy trong trường đều có biên soạn chương trình môn học chi tiết, giáo án điện tử phục vụ việc giảng dạy [2.8.02]. Trong các buổi học trên lớp, nhà giáo luôn tạo được không khí học tập sinh động, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động nhằm rèn luyện cho người học khả năng làm việc độc lập. Trong các buổi thực hành/bài tập, nhà giáo tổ chức lớp học thành từng nhóm và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm rèn luyện cho người học khả năng tổ chức và làm việc nhóm.

Hàng năm, Trường tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường, Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm, cử nhà giáo tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh (nếu có). Qua đó, đánh giá nội dung và phương pháp giảng dạy của nhà giáo về việc kết hợp năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học [2.8.03].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Lao động-TB&XH về việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý và giảng dạy nhà trường đã ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT trong hoạt động của đơn vị.

Hiện tại tất cả các Khoa đều có sử dụng phần mềm quản lý của Trường trong việc quản lý quá trình đào tạo như lên điểm, thông tin giảng viên, thi tốt nghiệp, ... tại trang web của trường <https://www.hgcc.edu.vn> [2.9.01].

Bên cạnh đó, từng khoa chuyên môn còn sử dụng chung phòng máy Vi tính với Khoa Công nghệ (gồm 03 phòng với số lượng trên 60 máy) để sử dụng giảng dạy môn Tin học. Ngoài ra, nhà trường luôn khuyến khích giảng viên của các khoa ứng dụng công nghệ trong giảng dạy cho người học, thiết kế bài giảng điện tử bằng phần mềm PowerPoint, sử dụng các phần mềm chuyên ngành như: phần mềm ứng dụng là HitoSoft; các phần mềm đồ họa như: AutoCad, Sketchup; phần mềm Inventor, Carmin STD, Auto Codes, Cade-Simu, Protues, S7-200 Simulator, Festo Fluidsim, để thiết kế bài giảng và trong mô phỏng, từ đó giúp người học được tiếp thu bài giảng một cách trực quan. Các giảng viên Khoa đều tự trang bị máy tính xách tay và các máy chiếu Projecter dùng chung của Trường để giảng dạy các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo [2.9.02], [2.9.03].

Tuy nhiên hệ thống các bài giảng điện tử của giảng viên hiện tại về ứng dụng CNTT của mình bằng: video, hình ảnh minh họa, hệ thống E-Learning, ... chưa có nhiều phục vụ cho việc trao đổi bài trực tuyến giữa giảng viên và người học. Đa phần giảng viên chỉ có bài giảng trình chiếu tương đối hoàn chỉnh theo sự đóng góp của các giáo viên, giảng viên trong Khoa qua các kỳ thao giảng, hội giảng.

Đào tạo trực tuyến là một phương thức đào tạo mới trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (GDNN). Tuy nhiên, về cơ bản việc đào tạo trực tuyến đã có những quy định pháp luật thể hiện tại Thông tư số 09/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận

tốt nghiệp và Thông tư số 33/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và nhiều văn bản hướng dẫn khác của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cụ thể như:

- Công văn số 345/TCGDNN-ĐTCQ 21/02/2020 về việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo trong bối cảnh dịch COVID-19;
- Công văn số 587/TCGDNN-ĐTCQ 17/3/2020 về việc hướng dẫn ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo trước bối cảnh dịch bệnh COVID-19;
- Công văn số 1301/LĐTBXH-TCGDNN 14/4/2020 V/v hướng dẫn thực hiện quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo trực tuyến;
- Công văn số 1673/LĐTBXH-TCGDNN 15/5/2020 V/v tiếp tục tổ chức giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến;
- Công văn số 1819/TCGDNN-ĐTCQ 11/8/2020 V/v tuyển sinh, đào tạo trong tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát trở lại.

Từ những quy định của tổng cục GDNN trường đã ban hành quy chế đào tạo, học tập, thi trực tuyến [2.9.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm đảm bảo các hoạt động dạy và học trong nhà trường được thực hiện theo đúng kế hoạch và tiến độ đào tạo của các ngành/nghề. Ban Giám hiệu nhà trường đã giao phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các Khoa và phòng Công tác chính trị và Dịch vụ sinh viên (CTCT&DVSV) tiến hành kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động dạy và học trong trường xuyên suốt từ khi bắt đầu đến khi kết thúc mỗi học kỳ, năm học.

Căn cứ kế hoạch đào tạo chi tiết của các ngành/nghề kết hợp với tình hình thực tế tuyển sinh hằng năm, phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động dạy và học trong nhà trường. Vì thế, các hoạt động dạy và học trong nhà trường luôn được tổ chức thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định và đúng với kế hoạch, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt [2.10.01], [2.10.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học phản ánh trung thực về tình hình thực hiện các quy định, chủ trương của nhà trường về công tác đào tạo. Chính vì thế, phòng Quản lý đào tạo rất quan tâm trong quá trình thực hiện, luôn sẵn sàng báo

cáo đột xuất về tình hình dạy và học khi lãnh đạo nhà trường yêu cầu hoặc báo cáo định kỳ vào cuối mỗi năm [2.10.02].

Ngoài ra, công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học vẫn được thực hiện thường xuyên, phòng Quản lý đào tạo tiến hành kiểm tra, giám sát các hoạt động như: giờ giấc lên lớp, thời lượng giảng dạy, số đầu bài/số lên lớp và tiến độ giảng dạy; các Khoa phụ trách kiểm tra, giám sát về chuyên môn như: tác phong sư phạm của nhà giáo, nội dung giảng dạy, chương trình môn học, tài liệu tham khảo; phòng Quản lý HSSV phụ trách kiểm tra, giám sát về việc thực hiện quy định của trường đối với người học.

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện [1.4.01] và ban hành Quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng theo quy định [2.12.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại nhà trường có danh sách các ngành nghề đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đã được Bộ Lao động cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp [2.13.01].

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, Trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, học đi đôi với hành để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động. Nhà trường giao cho Khoa chủ động liên hệ với các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn do khoa phụ trách để cho học sinh thực tập, học tập trên công trình thực tế. Qua đó doanh nghiệp cùng với nhà trường đánh giá quá trình học tập, thực tập, của học sinh trong các đợt thực tập cuối khóa [2.13.02].

Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường giao cho các Khoa tham mưu, xây dựng kế hoạch đưa giáo viên thực tập tại doanh nghiệp để nắm bắt kịp thời những thay đổi của ngành nghề để cập nhật kiến thức mới kịp thời cho học sinh trong quá trình giảng dạy. Sau khi kết thúc đợt thực tập doanh nghiệp giáo viên của khoa đều thực hiện báo cáo kết quả thực tập và có ý kiến nhận xét của đơn vị nơi giáo viên thực tập [2.13.03], [2.13.04].

Trong quá trình thực tập, các giáo viên cùng với học sinh cũng đã tạo được mối quan hệ gắn bó với các công ty, doanh nghiệp. Thông qua đó, các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động đặt hàng học sinh sau khi tốt nghiệp liên hệ với Khoa để thông báo tuyển dụng học sinh cho doanh nghiệp.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định (Quy chế đào tạo).

Công tác tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan. Trường có quyết định thành lập Hội đồng thi, ban coi thi học kỳ, tốt nghiệp theo đúng quy chế [2.14.01]; Cuối khóa học, nhà Trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, Hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp và thi tốt nghiệp cho HSSV đủ điều kiện theo quy chế [2.14.02]. Căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp và thi tốt nghiệp, trường ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm và cấp phát các văn bằng, chứng chỉ theo quy định [2.14.03]. Công tác in ấn, cấp phát văn bằng chứng chỉ cũng được lưu sổ để báo cáo hàng năm [2.14.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ, và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Trường có thực hiện việc nhận xét, đánh giá, rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học. Sau khi sáp nhập, trường đã rà soát, cập nhật, điều chỉnh bổ sung ban hành Quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện [1.4.01] và Quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng theo quy định [2.12.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐ ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp thì hiện tại nhà trường chưa có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp về đào tạo liên thông.

2. Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2011, trường đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ và theo niên chế. Tất cả cơ sở dữ liệu của trường về các hoạt động đào tạo từ khi thành lập đến nay đều được lưu trữ trong hệ thống phần mềm này và có quyết định phân công viên chức phụ trách [2.17.01]

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo được tổ chức quản lý thành phần mềm quản lý đào tạo [2.17.02] với nhiều chức năng như: Số liệu tuyển sinh hằng năm, thông tin của sinh viên đang tham gia học tại trường, kết quả học tập của sinh viên, số liệu sinh viên đã tốt nghiệp, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các hoạt động dạy học, các sổ sách theo dõi, các báo cáo thống kê,

Ngoài ra, cơ sở dữ liệu của người học từ hồ sơ nhập học, sổ theo dõi quá trình học tập, bảng điểm, quyết định tốt nghiệp, ... được lưu trữ cẩn thận.

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo được tổ chức, quản lý một cách khoa học và được khai thác sử dụng hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu về công tác quản lý đào tạo của nhà trường theo đúng quy định qua các báo cáo tổng kết hàng năm của các phòng, khoa, trường [1.7.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

1. Mở đầu:

- Tổng số Viên chức, người lao động: **207** người, nữ **101**. Viên chức trong biên chế là **181**. Trong đó (Ban Giám hiệu: **04** người; lãnh đạo phòng khoa chức năng: **37** người; giảng viên: **111** người; giáo viên dạy mầm non thực hành: **03** người; viên chức hành chính: **26** người; nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68: **26** người).

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tiến sĩ: **01**, Chuyên khoa I: **02**, CKII: **01**, Thạc sĩ: **88** (*đang nghiên cứu sinh*: **07**); Đại học: **88** (*đang học Thạc sĩ*: **06**); Trung cấp: **03**. Trình độ chưa qua đào tạo: 24 người làm bảo vệ và tạp vụ.

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức (khi có nhu cầu), xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức giai đoạn 2020 - 2025 - 2030 và những năm tiếp theo; có chủ trương khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội ngũ tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Đội ngũ nhà giáo có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ; đạt chuẩn 100%, tỷ lệ trên chuẩn khá cao.

Tổ chức đánh giá và xếp loại viên chức và người Lao động đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy trình, quy định. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

2. Những điểm mạnh:

Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường. Xây dựng kế hoạch rà soát cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trường xây dựng kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức; hằng năm tổ chức đánh giá, phân loại viên chức chính xác, kịp thời, đúng quy định.

Phân công đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động thực hiện chức năng, nhiệm vụ, đúng quy định theo Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi, số lượng nhà giáo cơ hữu có tương đối đầy đủ để đảm nhận khối lượng công việc các ngành, nghề đào tạo theo quy định.

Đa số nhà giáo trẻ, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học về chuyên môn đạt cao.

Ban Giám hiệu nhà trường được phân công, phân cấp rõ ràng và hợp lý; đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng, là những người có tâm huyết, có trách nhiệm, đủ năng lực lãnh đạo trong quản lý, điều hành; thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn theo quy định.

Trường bổ nhiệm và bổ nhiệm lại đầy đủ cán bộ quản lý các phòng, khoa chức năng, đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình; có quy định cụ thể, rõ ràng và phù hợp với điều kiện hoạt động thực tiễn của nhà trường. Đội ngũ nhà giáo tích cực tham gia tốt phong trào thi đua hai tốt.

Đội ngũ nhà giáo có đầy đủ các chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về ngành chuyên viên, chuyên viên chính; chứng chỉ tin học, ngoại ngữ; chứng chỉ sư phạm dạy đại học, cao đẳng; chứng chỉ sư phạm nghề và chức danh nghề nghiệp...theo quy định.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn những hạn chế, yếu kém nhất định; sẽ được rà soát, điều chỉnh, khắc phục và kiện toàn trong thời gian tới.

3. Những tồn tại:

Đội ngũ nhà giáo thừa, thiếu cục bộ (chủ yếu giảng viên dạy văn hóa, các môn chung).

Chưa thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo/ngành học.

Chưa có biên bản tổng hợp ý kiến, phiếu khảo sát đội ngũ về việc thực hiện các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tiếp tục rà soát, phân công, bố trí đội ngũ phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ đúng vị trí việc làm.

Thực hiện kế hoạch rà soát cơ cấu tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thỉnh giảng một số bộ môn còn thiếu giảng viên; cố gắng khắc phục tình trạng thừa, thiếu giảng viên.

Tiếp tục tổ chức lấy ý kiến của viên chức và người Lao động về việc thực hiện các chính sách liên quan đến dạy và học, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	15
Tiêu chuẩn 1	1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các văn bản pháp quy của nhà nước như: Luật viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Nghị định 106/2020/NĐ-CP, ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Trường xây dựng Quy trình tuyển dụng [3.1.01], Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng viên chức [3.1.02], ban hành quy chế làm việc của Trường [3.1.03]

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức [3.1.04] đồng thời rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ quản lý theo từng giai đoạn, được Ban tổ chức Tỉnh ủy phê duyệt; Bổ sung quy hoạch A1 giai đoạn 2020 - 2025 [1.12.05].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2021 Nhà trường không thực hiện chức tuyển dụng. Tuy nhiên Nhà trường tổ chức rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ quản lý theo từng giai đoạn [1.12.05]. Trường thành lập Hội đồng đánh giá phân loại viên chức năm 2020 - 2021 [3.2.01]. Kết quả đánh giá phân loại viên chức năm học 2020 - 2021: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: **40**, hoàn thành tốt nhiệm vụ: **162**, hoàn thành nhiệm vụ: **03** [3.2.02].

- Đánh giá xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ (theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐ và Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTĐ): **74** nhà giáo. Trong đó đạt chuẩn loại A: **48**, không đạt chuẩn: **26** [3.2.03].

- Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT): **18** nhà giáo, xếp loại Khá, đạt **11,1%**, Tốt **16**, tỷ lệ **88,9%** [3.2.03].

- Trường thực hiện báo cáo đầy đủ chính sách đối viên chức [1.12.02] về phụ cấp ưu đãi 25% và 40% đối với giảng viên ngành sư phạm [1.12.03] và chính sách về phụ cấp thâm niên nghề [1.12.05].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn 100% về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác [3.3.01], hồ sơ của viên chức đầy đủ và được quản lý theo đúng quy định [3.3.02], Báo cáo về việc trình độ chuyên môn của viên chức (kèm danh sách trích ngang của đội ngũ nhà giáo) [3.3.03].

Hàng năm Trường đều tổ chức đánh giá xếp loại nhà giáo GDNN để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí công việc phù hợp [3.2.03].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà giáo, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy chế tổ chức và hoạt động nhà trường [1.3.03] đạt chuẩn 100% về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác [3.3.03], hồ sơ của viên chức đầy đủ và được quản lý theo đúng quy định [3.3.02]; được đánh giá, phân loại hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [3.2.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi theo đạt chuẩn 100% về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác [3.3.01].

Trường có số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận tương đối đầy đủ khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định. Hiện có đội ngũ nhà giáo có trình độ sau đại học là 89/150 giảng viên, đạt tỷ lệ đạt 59.3%.

Trong đó Trường có đầy đủ đội ngũ nhà giáo giảng dạy trình độ văn hóa theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 Ban hành chuẩn về nghề nghiệp giáo viên cơ sở phổ thông [3.5.01].

Trường xây dựng và ban hành Quy chế làm việc nhà giáo giáo dục nghề nghiệp kèm theo quy chế làm việc[1.6.03]; kế hoạch đào tạo từng lớp, khóa [3.5.02], Quyết định thành lập lớp hàng năm theo quy định [2.3.08], phân công giảng dạy phù hợp với năng lực chuyên môn của từng giáo viên và đảm bảo số giờ chuẩn và vượt giờ [3.5.03] và được thanh toán vượt giờ [3.5.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ chương trình đào tạo các ngành/ngành đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng ngành/ngành theo từng học kỳ, năm học có kế hoạch phân công nhà giáo phụ trách giảng dạy từng môn học cụ thể [2.5.03],[2.6.01], [3.3.01]

Nhằm giám sát các hoạt động giảng dạy của nhà giáo, trường có sổ lên lớp để theo dõi các hoạt động dạy và học trên lớp [2.6.02], tuy chưa có đầy đủ giáo án giảng dạy nhưng tất cả nhà giáo đều có bài giảng và tài liệu tham khảo khi lên lớp, nhà giáo phải thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu, trường hợp nhà giáo muốn thay đổi lịch giảng dạy thì phải được sự đồng ý cho phép của Ban Giám hiệu nhà trường.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho viên chức của Trường hàng năm đều có thông báo để viên chức đăng ký học tập sau đại học và đăng ký bồi dưỡng thường xuyên [3.7.01].

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho viên chức [3.1.04], cử viên chức đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ [1.12.06], báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác chế độ chính sách cho viên chức [3.12.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo [3.1.04]. Thành lập Hội đồng xét duyệt từng đối tượng cụ thể, gửi UBND tỉnh phê duyệt và ra quyết định cử đi học theo quy định [1.12.06].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp và tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo của Trường đạt chuẩn 100% về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác [3.3.01]. Trường lập kế hoạch cử 100% nhà giáo đến các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức thực tế, nắm bắt công nghệ mới, phương pháp tổ chức sản xuất theo quy trình, quy định [3.9.01];

Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường [1.5.01], các nhà giáo ngành Sư phạm và Y - Dược được đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu khắc khe của các ngành đào tạo có tính chất đặc biệt [3.9.02]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, trường có báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo [3.10.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm được giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCD Hậu Giang hiện có 01 Hiệu trưởng và 03 phó Hiệu trưởng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định về học vị, phẩm chất đạo đức, lý luận chính trị, có uy tín và kinh nghiệm trong công tác quản lý đúng theo quy định tại Điều lệ trường cao đẳng [3.11.01].

Ban Giám hiệu được UBND tỉnh Hậu Giang bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo đúng quy trình [3.11.02].

Kết quả đánh giá phân loại viên chức năm 2020 - 2021 [3.2.02].

Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường [1.5.01]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị trực thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xây dựng quy chế hoạt động theo đúng quy định [1.1.02], danh sách viên chức quản lý các đơn vị được quản lý theo đúng quy định [3.12.01]

Đội ngũ quản lý của các đơn vị trực thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đúng quy trình, quy định tại công văn số 193 của sở Nội vụ hướng dẫn quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý.

Căn cứ vào hoạt động thực tế của nhà trường theo từng giai đoạn. Hiệu trưởng ra Quyết định bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức vụ quản lý Phòng, Khoa, Tổ chuyên môn trực thuộc Trường đúng theo quy trình mà Điều lệ trường Cao đẳng quy định [3.12.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn được giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên quản lý của trường hiện có: 39 người, về chuyên môn, nghiệp vụ, đạt chuẩn 100% (trong đó trên chuẩn: 30/39, tỷ lệ: 76.9%); có đầy đủ hồ sơ cá nhân, thực hiện đúng quyền hạn được giao theo Quy chế tổ chức và hoạt động nhà trường [3.12.01], hồ sơ được quản lý theo đúng quy định [3.13.01].

Thực hiện báo cáo năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường [1.5.01], kết quả đánh giá viên chức năm 2020 - 2021 [3.2.02]. Trường hiện đào tạo 02 ngành sư phạm và Y-Dược có đội ngũ đủ và đạt chuẩn theo quy định [3.9.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho viên chức [3.1.04], cử viên chức đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ [1.12.06] đầy đủ, kịp thời, chính xác.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng công việc được giao, định kỳ bồi dưỡng trình độ.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có tương đối đầy đủ, đồng bộ về cơ cấu đội ngũ viên chức, người lao động có năng lực chuyên môn đáp ứng công việc được giao [3.15.01].

Thực hiện báo cáo năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường [1.5.01], cử viên chức đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ [1.12.06] đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

1. Mở đầu:

Từ khi thực hiện đề án mở mã ngành đào tạo, nhà trường đã rất quan tâm đến việc xây dựng chương trình, giáo trình phục vụ cho Đào tạo của nhà trường. Từ khi có luật dạy nghề quy định đào tạo nghề ở 02 cấp trình độ: Trung cấp và cao đẳng và các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng chương trình nghề trên cơ sở chương trình khung các nghề do Bộ Lao động TB&XH ban hành, Ban Giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo các phòng, khoa tiến hành xây dựng, thẩm định và ban hành các chương trình mà nhà trường có đào tạo. Tiến hành biên soạn giáo trình, lựa chọn giáo trình giảng dạy phù hợp với ngành nghề và điều kiện của địa phương.

Các chương trình đào tạo (CTĐT) được xây dựng đều phù hợp với quy định của Bộ Lao động TB&XH về mục tiêu, nội dung, quy trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo, còn có sự tham khảo từ những chương trình tiên tiến, đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo tính chủ động của người học, sự đáp ứng nhu cầu đào tạo của tỉnh và vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Các chương trình được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đảm bảo tính thực hành ứng dụng. Hằng năm, hoặc theo chu kỳ đào tạo chương trình đào tạo của trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với khoa học công nghệ mới cũng như đáp ứng yêu cầu của xã hội. Mỗi chương trình dạy nghề có đủ mô đun, môn học theo mẫu định dạng chung và được xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Đến nay nhà trường có đầy đủ chương trình, giáo trình và tài liệu tham khảo phù hợp với mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng. Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, đảm bảo được tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được các quy định về chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp. Chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật, bổ sung những kiến thức mới có liên quan đến ngành, nghề đào tạo và có tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ chương trình đào tạo, giáo trình các môn học, mô đun của tất cả các ngành nghề được cấp phép đào tạo.

Các chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo phù thực tiễn và đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và thị trường lao động trong tỉnh và trong khu vực.

Việc xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo, có sự tham gia của những giảng viên, cán bộ kỹ thuật ngoài trường tham gia thẩm định.

Các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế để phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội theo đúng quy định.

3. Những tồn tại:

Việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo còn hạn chế vì nhiều nguyên nhân khác nhau, như: kinh phí thực hiện còn nhiều khó khăn, nhân lực trong một số khoa còn hạn chế về số lượng.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trường sẽ tiếp tục cập nhật, điều chỉnh các chương trình đào tạo đã ban hành theo định kỳ hằng năm và tổ chức các buổi Hội thảo về điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm thu thập được nhiều ý kiến đánh giá từ các chuyên gia, các đơn vị sử dụng lao động.

Trong những năm tới, nhà trường sẽ xây dựng và triển khai chiến lược đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với mục tiêu, nhu cầu phát triển của địa phương, đơn vị sử dụng lao động trên cơ sở liên kết với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động từ khâu mở mã ngành đào tạo, xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, tuyển sinh, đào tạo và đánh giá kết quả học tập và việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Trong thời gian tới, trường sẽ nghiên cứu thực hiện về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

Có kế hoạch cụ thể về việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	13
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	0
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hầu hết các Khoa trong trường có đầy đủ các chương trình cho tất cả các ngành nghề hiện nay đang đào tạo mà Nhà trường giao Khoa quản lý. Nhà trường đăng ký các ngành đào tạo đúng theo tên ngành, nghề trong chương trình đào tạo theo Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo Cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Hiện tại nhà trường đang đào tạo các ngành nghề thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động-TB&XH [1.1.04]. Tất cả các CTĐT được xây

dựng trên cơ sở chương trình khung và các quy định do Bộ ban hành, đảm bảo đáp ứng được chuẩn đầu ra theo Thông tư số 51/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2018 và có thiết kế phù hợp với mục tiêu, sứ mạng phát triển cũng như đào tạo nguồn nhân lực của Trường.

Trường đã chú trọng việc xây dựng các CTĐT dựa trên nhu cầu của xã hội đảm bảo đào tạo nguồn nhân lực phục vụ theo đúng chuyên ngành có đủ năng lực, theo chuẩn, có đạo đức nghề nghiệp, ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và khả năng học tập nâng cao trình độ về sau. [2.1.01]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chương trình đào tạo của nhà trường được xây dựng theo đúng trình tự và qui định của Bộ LĐTB&XH. Các chương trình đào tạo của nhà trường có đầy đủ Quyết định thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo. [4.2.01] và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo [4.2.02].

Trong quá trình biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo có đầy đủ các biên bản đề ghi nhận kết quả biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo [4.2.03].

Chương trình đào tạo của nhà trường có đầy đủ các Quyết định ban hành chương trình đào tạo [4.1.02].

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của nhà trường được xây dựng và ban hành nói chung đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 12/2017/TT – BLĐTĐBXH.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo của Nhà trường. Trong từng chương trình đào tạo của Nhà trường đã thể hiện rõ mục tiêu đào tạo; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập của người học đạt được sau tốt nghiệp đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành và từng trình độ theo quy định của thông tư 03/2017/TT-BLĐTB&XH đối với chương trình cao đẳng, trung cấp và thông tư 42/2015/TT- BLĐTĐBXH đối với chương trình sơ cấp. [2.1.01]

Mỗi CTĐT đều có cấu trúc rõ ràng, hợp lý bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm HSSV cần đạt được cũng như vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, có quy định rõ thời lượng từng môn học/mô đun theo quy định trong từng nhóm kiến thức. Các môn học/mô đun trong từng khối kiến thức được phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, theo từng đối tượng và từng học kỳ, năm học, đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, trình độ, và các kỹ năng cần

thiết của người học trước khi ra trường, đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của đào tạo trình độ trung cấp[4.3.01]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (nếu có).

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, nhà trường ban hành đầy đủ các quyết định thành lập tổ biên soạn, lựa chọn chương trình đào tạo. [4.2.01]

Chương trình đào tạo của nhà trường khi xây dựng có sự tham gia thẩm định của các nhà giáo và đơn vị sử dụng lao động ngoài nhà trường thể hiện trong các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo [4.2.02].

Các chương trình đào tạo của nhà trường được thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ LĐTB&XH, có đầy đủ các biên bản trong quá trình biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo [4.2.03] và Quyết định ban hành chương trình đào tạo [2.1.01].

Việc xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tham gia quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo để phù hợp với nhu cầu làm việc sau khi ra trường [4.2.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của trường xây dựng đều có mục tiêu tổng quát của nghề thể hiện rõ những mức độ kiến thức chuyên môn cần phải đạt; kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần phải rèn luyện trong lúc thực hành cũng như thực tế làm việc, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học.[2.1.01], [4.3.01]

Ngoài ra, Chương trình đào tạo định kỳ được bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các chương trình tương ứng từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác, đánh giá và nhận xét của người sử dụng lao động và người tốt nghiệp đã đi làm về chương trình dạy nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Trong chương trình đào tạo của nhà trường được xây dựng và thẩm định các mô đun, môn học giáo viên có thể vừa giảng dạy tại trường và trên công trình thực tế và có mô đun để học sinh thực tập tốt nghiệp trên công trình tại công ty, doanh nghiệp sử dụng lao động để học sinh tiếp thu và tiếp cận thực tế các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thời đại mới.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng Chương trình đào tạo dựa trên khung chương trình của Bộ. Chương trình đào tạo đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Nội dung trong chương trình đã thể hiện việc liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và đảm bảo cho người học có cơ hội học tập nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Ngoài ra, Tổ biên soạn đã nghiên cứu biên soạn chương trình có tính liên thông chuyển tiếp cho các học viên tham gia học từ sơ cấp có thể tiếp tục tham gia học lên trung cấp trên nền tảng kiến thức đã học. [2.1.01]

Tuy nhiên, việc đánh giá một chương trình đào tạo (bậc trung cấp hay cao đẳng) có tính liên thông lên bậc cao hơn thì khó xác định.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Cập nhật và điều chỉnh các chương trình đào tạo đã ban hành đáp ứng theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, phù hợp với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội được xác định là hoạt động quan trọng nhất trong tất cả các hoạt động đào tạo của trường.

Năm học 2020 - 2021, trường có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng mục tiêu đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội. Các tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo theo từng ngành/ nghề tiến hành thu thập ý kiến đóng góp của tập thể nhà giáo đang trực tiếp tham gia giảng dạy, của những sinh viên đang tham gia học tập tại trường, của cựu sinh viên các khóa, của các chuyên gia trong cùng lĩnh vực và ý kiến đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động, ... về mức độ phù hợp giữa chương trình đào tạo so với yêu cầu thực tiễn của vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, các tiểu ban tiến hành xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng theo yêu cầu của xã hội [4.7.01], [4.7.02].

Việc cập nhật, điều chỉnh các chương trình đào tạo đã ban hành được thực hiện theo thông tư hướng dẫn của Bộ LĐTBXH kết hợp với các chương trình khung của từng ngành/ngành do Bộ LĐTBXH ban hành

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của trường thực hiện cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo đúng theo quy định tại Điều 9 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, giáo viên một số nghề của trường trong quá trình xây dựng còn tham khảo chương trình đào tạo từ các nước khu vực lân cận có giáo dục nghề nghiệp tốt như Malaysia (trường có

02 giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng xây dựng chương trình đào tạo nghề tại Malaysia).

Chương trình đào tạo của nhà trường thường xuyên được đánh giá, cập nhật và điều chỉnh. Việc cập nhật điều chỉnh chương trình được thực hiện có đầy đủ quyết định ban hành lần đầu [4.8.01], quyết định ban hành chương trình chỉnh sửa, bổ sung [2.1.01]. Việc cập nhật và điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo của nhà trường đảm bảo cập nhật đầy đủ những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Theo quy định và trong quá trình thực hiện có sự đóng góp ý kiến từ doanh nghiệp trong lúc giáo viên tham gia giảng dạy trên công trình thực tế của doanh nghiệp và học sinh tham gia thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp.

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các môn đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp thì hiện tại nhà trường chưa có chương trình đào tạo liên thông.

2. Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các môn học được nhà trường lựa chọn sử dụng các giáo trình của các trường Đại học, Cao đẳng, trung cấp làm nguồn tài liệu phục vụ cho giảng dạy, cho nghiên cứu, tài liệu học tập cho sinh viên. Ngoài ra, nhiều khoa còn sử dụng giáo trình do giảng viên biên soạn. Công tác biên soạn tài liệu giảng dạy, hệ thống hoá kiến thức cần dạy (lý thuyết và thực hành), đã được lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo thực hiện. Tất cả cán bộ, giáo viên, giảng viên tham gia giảng dạy đều có đăng ký sử dụng giáo trình, bài giảng theo yêu cầu của nhà trường vào đầu năm học.

Một số môn học chung Khoa sử dụng giáo trình chung do Bộ Lao Động-TB&XH quy định; đối với các môn học chuyên môn ngành đều sử dụng giáo trình, bài giảng do các giảng viên có kinh nghiệm tham gia giảng dạy biên soạn và được tổ chức thẩm định đúng theo quy định và đưa vào sử dụng lưu hành nội bộ.

- Danh sách các chương trình đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp [1.1.04], [2.1.01].

- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề và bản in kèm theo [4.10.01], [4.10.02], [4.10.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngoài các giáo trình thuộc các môn học chung theo quy định của Bộ Lao động - TB&XH; các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành của Khoa đảm nhận được biên soạn lưu hành nội bộ, tổ chức lựa chọn giáo trình tham khảo theo quy định.

Hiện nay, việc triển khai giảng dạy các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo tại trường được sử dụng 02 nguồn tài liệu. Giáo trình tham khảo bên ngoài và giáo trình, bài giảng do giảng viên biên soạn. Công tác biên soạn tài liệu giảng dạy, hệ thống hoá kiến thức cần dạy, đã được lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo thực hiện đến các Khoa, Bộ môn, ưu tiên trước việc biên soạn tài liệu cho các môn chuyên ngành, việc biên soạn và nghiệm thu tài liệu giảng dạy đã được tổ chức tại Khoa, bộ môn.

- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo [4.10.01].

- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo [4.10.02].

- 100% giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng được xây dựng, lựa chọn đúng theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các giáo trình đã được phê duyệt và đưa vào giảng dạy và tài liệu giảng dạy đều đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. [1.1.04],

Các chương trình đào tạo của nhà trường được ban hành có đầy đủ các nội dung của chương trình chi tiết các mô-đun, môn học. [2.1.01] được phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình được lựa chọn sử dụng và có bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo [4.10.01]

Các giáo trình dạy học được biên soạn phù hợp với chương trình đào tạo, về mục tiêu đào tạo, nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong quá trình đào tạo. Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định giáo trình của giảng viên khoa, tổ bộ môn biên soạn, có đầy đủ biên bản thẩm định giáo trình các ngành nghề và có danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp [4.10.01],[4.12.01].

Các bài giảng dạy học được biên soạn chi tiết phù hợp với từng ngành, nghề đào tạo, theo đúng quy định về việc biên soạn, Bộ Lao động-TB&XH ban hành, về mục tiêu đào tạo, nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong quá trình học tập. Tất cả các bài giảng đều được các tác giả có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm biên soạn. Có mời

doanh nghiệp góp ý sát với thực tiễn công việc phù hợp nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình đào tạo.

Hàng năm khoa đã cử giảng viên, giáo viên thực tập doanh nghiệp theo qua đó ngoài các kiến thức đã học cũng tiếp thu thực nghiệm để chỉnh sửa bổ sung giáo trình hàng năm theo trình độ tiên tiến nhất, thực hiện việc thu thập những ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ, giảng viên, người học về chất lượng tài liệu giảng dạy đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình dạy nghề thể hiện qua phiếu góp ý của học sinh về chất lượng tài liệu giảng dạy, nhận xét đánh giá của cán bộ, giảng viên [2.13.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các giáo trình, bài giảng được lựa chọn, biên soạn dựa trên chương trình chi tiết trong trường trình đào tạo được biên soạn lưu hành nội bộ, thẩm định theo đúng quy định của Phòng Quản lý đào tạo về việc biên soạn, thẩm định giáo trình. Các giáo trình lưu hành nội bộ được tổ chức phản biện và nghiệm thu của khoa cũng như được Nhà trường phê duyệt, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học và được lưu hành nội bộ phục vụ công tác giảng dạy, kèm theo danh sách các chương trình đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp [4.13.01].

Trong quá trình chỉ đạo công tác biên soạn, ngoài việc đảm bảo những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần đạt được, các tác giả luôn chú ý đảm bảo giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính tự giác của người học. Bên cạnh đó Khoa rất quan tâm đến quá trình soạn thảo đề cương môn học, giáo án và viết giáo trình, chương trình môn học của các giảng viên... Nhằm thực hiện tốt, hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, giúp người học đạt kết quả cao trong học tập. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, kèm theo danh sách thống kê và bản in giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp của trường [4.10.01], [4.10.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình đào tạo của trường được xây dựng với sự tham gia đóng góp ý kiến của các giảng viên từ các bộ môn, cán bộ quản lý của trường, các nhà tuyển dụng lao động và được Hội đồng Khoa học, Trường xem xét phê duyệt trước khi ban hành và đưa vào triển khai đào tạo. Các giáo trình đào tạo của Trường có mục tiêu cụ thể thể hiện năng lực của người học bao gồm thái độ, kiến thức, kỹ năng; thời gian học tập cụ thể, các hình thức đánh giá đáp ứng được các yêu cầu về mục tiêu cần đạt được trong quy định chuẩn đầu ra [4.10.03].

Việc thu thập ý kiến đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động và người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo là nội dung rất quan trọng trong đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, việc đánh giá này đòi hỏi tốn nhiều thời gian, kinh phí và nguồn lực khác nên trong những năm qua việc đánh giá này của nhà trường mới chỉ lấy ý kiến về chương trình đào tạo của một vài ngành khi tổ chức hội thảo về điều chỉnh chương trình đào tạo [4.14.01].

2. Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác cập nhật được khoa luôn coi trọng và thực hiện công tác rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chương trình đào tạo và giáo trình, nhằm đảm bảo cho chương trình đào tạo và giáo trình đáp ứng ngày càng cao yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của người học trước các nhu cầu mới của xã hội. Các đơn vị liên quan thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá lại để cập nhật và bổ sung, điều chỉnh CTĐT song song với giáo trình phù hợp với nhu cầu thực tế định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành [4.8.01], [2.1.01].

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, cập nhật bổ sung các thông tin và điều chỉnh khi cần thiết, trong quá trình giảng dạy, trên cơ sở các ý kiến phản hồi, những đóng góp của GV và HSSV, Khoa đã sửa đổi, bổ sung điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế. Trên cơ sở thay đổi về CTĐT, giáo trình đào tạo các môn học thay đổi theo cho phù hợp theo hướng thực hành, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích hợp các học phần để đảm bảo năng lực của người học [4.10.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

1. Mở đầu:

Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được bố trí tại Trụ sở chính, địa điểm đào tạo 1, địa điểm đào tạo 2, địa điểm đào tạo 3 và địa điểm đào tạo 4 với tổng diện tích đất là 338.493,8 m², cụ thể diện tích các khu vực như sau:

1.1. Tại Trụ sở chính (trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang):

Trụ sở chính của trường, địa chỉ: đường 19 tháng 8, ấp 5, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** Trụ sở chính có diện tích 178.635m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT07023.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** Trong phân diện tích đã san lấp mặt bằng, nhà trường đã được đầu tư xây dựng các hạng mục công trình như sau:

+ **Khối nhà học C1:** Diện tích sàn 5.880m², cao 3-4-5 tầng, gồm có: 10 phòng học 72 chỗ, 16 phòng học 36 chỗ, 1 phòng máy vi tính, 9 phòng nghỉ giữa giờ của giáo viên, 7 phòng thí nghiệm cơ bản, 2 giảng đường 200 chỗ và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khối nhà học A1 và B1:** Diện tích sàn 7.336m², cao 4 tầng, gồm có: 6 phòng học 80 chỗ, 20 phòng học 48 chỗ, 6 phòng thí nghiệm cơ bản, 6 phòng nghỉ giữa giờ của giáo viên, 1 giảng đường 200 chỗ và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Thư viện trung tâm:** Diện tích sàn 2.454 m², cao 3 tầng, gồm có: Kho sách kín 180m², kho sách hở 300m², phòng đọc lớn 210m², phòng đọc nghiên cứu 270m², phòng đọc thư viện điện tử 90m², phòng trưng bày và giới thiệu sách 60m², phòng thư mục và chỗ mượn sách 60m², phòng chủ nhiệm 24m², phòng phục vụ sản xuất 90m² và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Ký túc xá Sinh viên:** Diện tích sàn 5.886m², 2 dãy, cao 5 tầng, gồm có 116 phòng ở và các khu vực phụ trợ khác, đáp ứng cho 940 sinh viên ở nội trú.

+ **Trường Mầm non Thực hành:** Khối nhà chính: bao gồm khối hiệu bộ, lớp học, giáo dục thể chất - nghệ thuật, nhà bếp và các khu vực phụ trợ khác; quy mô 1 trệt, 1 lầu; diện tích xây dựng: 1.113,61m²; diện tích sử dụng: 2.081,13m².

+ **Nhà ăn sinh viên:** Diện tích sàn 2.444m², cao 3 tầng, trong đó: diện tích phòng ăn 480m², diện tích bếp và phụ trợ 240m², diện tích Câu lạc bộ 240m², diện tích phục vụ khác 150m².

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: cống rãnh, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh, đất dự trữ giai đoạn 1,... diện tích khoảng 212.000 m². Trong đó diện tích khu vực trồng cỏ và cây xanh khoảng 68.000m².

1.2. Tại địa điểm đào tạo 1 (trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang cũ):

Địa điểm đào tạo 1 của trường, địa chỉ: đường 19 tháng 8, ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** có diện tích 64.000m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** nhà trường đã tiếp nhận các hạng mục công trình như sau:

+ **Khối hiệu bộ:** Diện tích sàn 1.159m², cao 2 tầng, gồm có 19 phòng làm việc và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khu học lý thuyết:** Diện tích sàn 4.122 m², cao 3 tầng, gồm có: 38 phòng học lý thuyết 48 chỗ ngồi và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khối xưởng thực hành:** Diện tích sàn 4.106m², gồm có 07 xưởng thực hành (trong đó 03 xưởng quy mô 1 trệt 1 lầu) các nghề: May, Điện - Điện tử; Gò hàn - Máy nổ, Tiện - Phay - Bào, Tin học, Xây dựng và Thú y.

+ **Thư viện:** Nhà trệt, diện tích sử dụng 348m².

+ **Hội trường:** Nhà trệt, diện tích sử dụng: 565m², có sức chứa 250 chỗ ngồi.

+ **Ký túc xá sinh viên:** Diện tích sàn 3.120m², 1 trệt 1 lầu, gồm có 60 phòng ở và các khu vực phụ trợ khác, đáp ứng cho 480 sinh viên ở nội trú.

+ **Nhà ở giáo viên:** Nhà trệt, diện tích sử dụng 1.464m², có 20 phòng ở.

+ **Nhà ăn sinh viên:** Nhà trệt, diện tích sử dụng 896m².

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: cống rào, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh.

1.3. Tại địa điểm đào tạo 2 (trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang cũ):

Địa điểm đào tạo 2 của trường, địa chỉ: Số 3567, đường Hùng Vương, khu vực 4, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** có diện tích là 28.380,1 m² thuộc trường Trung cấp Nghề Ngã Bảy trước đây. Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số CT04015, diện tích đất là 14.853,9m², phần diện tích còn lại là 13.526m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** nhà trường đã tiếp nhận các hạng mục công trình như sau:

+ **Khối hiệu bộ:** Diện tích sàn 846,8m², cao 2 tầng, gồm có 17 phòng làm việc và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khu học lý thuyết:** Diện tích sàn 1.739,4m², cao 3 tầng, gồm có: 23 phòng học lý thuyết 48 chỗ ngồi và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khối xưởng thực hành:** Nhà trệt, diện tích sử dụng 2.757,44m², gồm có 06 xưởng thực hành các nghề: Cơ khí ô tô, Cơ khí chế tạo, Điện tử - Tin học; Gò hàn, Xây dựng và Thú y.

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: cống rào, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh.

1.4. Tại địa điểm đào tạo 3 (cơ sở 3 của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang):

Địa điểm đào tạo 3 của trường, địa chỉ: Số 3291, đường Hùng Vương, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** có diện tích là 8.390 m² thuộc Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Ngã Bảy trước đây. Nhà trường đã tiếp nhận và đặt cơ sở đào tạo nhằm đáp ứng mục tiêu nâng cấp đô thị Ngã Bảy lên đô thị loại III, khi tiếp nhận không được bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** nhà trường đã tiếp nhận các hạng mục công trình cũ Thị đội Ngã Bảy và cải tạo lại để đáp ứng nhu cầu của cơ sở đào tạo như sau:

+ **Khối hiệu bộ:** Diện tích sàn 646,4m², cao 2 tầng, gồm có 5 phòng làm việc, 01 phòng máy vi tính, 03 phòng học 48 chỗ ngồi và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khu học lý thuyết:** Nhà trệt, diện tích 795,4m², gồm có: 3 phòng học lý thuyết 80 chỗ ngồi và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: cống rào, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh.

1.5. Tại địa điểm đào tạo 4 (trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang cũ):

Địa điểm đào tạo 4 của trường, địa chỉ: Ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** Diện tích đất là 58.149,7m², đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số: CT07793, CT07794, CT07795, CT07796, CT07797.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** nhà trường đã tiếp nhận các hạng mục công trình như sau:

+ **Khối hiệu bộ:** Diện tích sàn 2.165,6m², cao 2 tầng, gồm có 16 phòng làm việc, 02 phòng hội trường và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khối giảng đường:** Diện tích sàn 1.521m², cao 3 tầng, gồm có: 10 phòng học lý thuyết 48 chỗ ngồi, 02 phòng thực hành cơ bản, 02 phòng máy vi tính và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: công rào, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh.

Thư viện của Trường có tổng diện tích sàn 2454 m², với các phòng được bố trí liên kề gồm có: Kho sách kín 180 m²; kho sách hở 320 m²; phòng đọc lớn 210 m²; các phòng đọc nghiên cứu 270 m²; phòng đọc thư viện điện tử 90 m²; phòng trưng bày, giới thiệu sách 60 m²; phòng thư mục, chỗ mượn sách 60 m²; phòng chủ nhiệm 24 m²; các phòng phục vụ sản xuất 90 m², có đủ các kệ để sắp xếp tài liệu theo qui định, bảo quản an toàn thoáng mát thuận tiện việc phục vụ cho cán bộ giảng viên và sinh viên, có 01 nhân viên thư viện chuyên trách.

2. Những điểm mạnh

Vị trí của trường tương đối gần trung tâm thành phố, phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư và mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại.

Khuôn viên trường được quy hoạch hợp lý có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho hoạt động dạy và học.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ được bê tông hóa) của nhà trường đảm bảo được các hoạt động đào tạo, thực hành, thực nghiệm.

Nhà trường có đủ các trang thiết bị dụng cụ đáp ứng cơ bản cho công tác đào tạo. Các trang thiết bị, dụng cụ có chất lượng cao, hiện đại và đa dạng. Trong mỗi phòng thực hành đều có kho chứa vật tư, thiết bị nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, bảo vệ. Tất cả các phòng thực hành đều có hệ thống chiếu sáng, chống ẩm mốc đầy đủ. Vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu thực hành luôn được bảo quản tốt và an toàn.

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư đủ các trang thiết bị có chất lượng cao để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, hầu hết các máy móc, thiết bị đều đúng chủng loại, có chất lượng và đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật.

Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng được hoạt động đào tạo của trường. Các công trình bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách giữa khu lý thuyết và thực hành, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận

hành thiết bị. Các công trình được thực hiện đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động bình thường.

Thư viện được xây dựng có thiết kế hợp lý với các phòng chức năng được bố trí liên kế thuận tiện trong việc khai thác, có số đầu sách và tài liệu tối thiểu phục vụ cho các ngành đào tạo của trường. Với quy mô đào tạo như hiện nay, trang thiết bị của thư viện về cơ bản đáp ứng các nhu cầu phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Danh mục tài liệu thư viện được phân loại theo chuẩn nghiệp vụ thư viện.

Hàng năm Trường có bổ sung tài liệu tham khảo cho các ngành học đang đào tạo. Hệ thống thiết bị máy tính tại thư viện luôn hoạt động bình thường, nhờ có sự hỗ trợ cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin.

3. Những tồn tại

Khuôn viên nhà trường được đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn nên các khu vực mới diện tích cây xanh đang trong thời gian trồng nên diện tích phủ kín còn hạn chế; nguồn vốn đầu tư trang thiết bị cho nhà trường còn hạn chế, các trang thiết bị máy móc chưa bổ sung kịp thời.

Các phòng thực hành thí nghiệm của trường chưa được đầu tư chuẩn hoá nên việc bố trí gặp nhiều khó khăn.

Trang thiết bị và dụng cụ chỉ đáp ứng cơ bản cho các ngành nghề đào tạo của nhà trường.

Trang thiết bị tại thư viện còn thiếu, các hoạt động trong thư viện chủ yếu là tra cứu mục lục, đọc tại chỗ và mượn sách về nhà; thư viện chưa hoạt động vào các buổi tối trong tuần. Số lượng sách trong thư viện chưa đáp ứng đủ theo qui định.

Số đầu sách phục vụ các ngành đào tạo của trường; các ngành đào tạo của các trường liên kết và phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và sinh viên chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu người học; chưa kịp thời bổ sung tài liệu cần thiết, chưa có các dịch vụ thư viện.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Lập kế hoạch đầu tư thêm trang thiết bị để đáp ứng theo quy định của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp.

Lập kế hoạch sắp xếp hợp lý và xây dựng thêm phòng thực hành, phòng học chuyên môn trong thời gian tới.

Thực hiện việc bảo dưỡng máy móc trang thiết bị nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các hư hỏng trong quá trình sử dụng.

Tiếp tục hoàn chỉnh và xây dựng thêm hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động khác cho sự phát triển lâu dài của nhà trường.

Từng bước nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện cũng như các dịch vụ, sản phẩm của Thư viện.

Đầu tư thêm: Các loại sách chuyên môn; Các máy vi tính phòng đọc điện tử; Tăng cường nhân viên làm việc cả buổi tối và nhân viên chuyên trách phòng máy thư viện. Lập kế hoạch mới về mạng lưới cộng tác viên thư viện với nhân sự là HS-SV có

thành tích học tập tốt, cùng với một số giáo viên trong trường. Tăng cường việc giao lưu trao đổi thông tin tài liệu mới với các thư viện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện các quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được thành lập theo Quyết định số 4128/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2020, Sau khi thực hiện sáp nhập trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang theo Quyết định số 281/QĐ-BLĐTBXH ngày 12/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 605/UBND-NCTH ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, giữa 03 trường đã tiến hành việc kiểm tra, bàn giao và tiếp nhận cơ sở vật chất, tài sản của 02 trường Trung cấp [1.1.02].

Nhà trường được xây dựng phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh và mạng lưới các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề; trục lộ giao thông rộng thuận tiện cho việc đi lại cho người học và cán bộ giảng viên nhà trường. Địa điểm trường nằm ở trung tâm thành phố, cách xa khu công nghiệp nên không bị ảnh hưởng tiếng ồn, bụi bặm, chất thải độc, ô nhiễm không khí, nguồn nước; bảo đảm an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy và học tập; Hệ thống giao thông bên ngoài và đường nội bộ bên trong nhà trường thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước. [5.1.01].

Hệ thống điện của nhà trường được cung cấp từ mạng lưới điện thành phố Vị Thanh và có trạm biến áp riêng nên luôn đảm bảo nhu cầu cung cấp điện ổn định cho nhà trường. Hệ thống nước của nhà trường được sử dụng từ nguồn nước máy nên đáp ứng được yêu cầu nguồn nước hợp vệ sinh [5.1.02].

Hiện tại nhà trường đang đào tạo các ngành, nghề lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Song song đó, trường còn đào tạo các khối ngành Sư phạm và Y dược [...]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch mặt bằng tổng thể hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Mặt bằng tổng thể khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý phù hợp với chức năng đào tạo nghề đảm bảo yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc cảnh quan và đảm bảo cảnh giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên [5.1.01].

Nhà trường đảm bảo có đủ các khu vực phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động trong nhà trường (các khối công trình được bố trí độc lập không ảnh hưởng nhau) như: dãy phòng học lý thuyết, các phòng thực hành, khu vệ sinh, nhà giữ xe, ký túc xá, hội trường, sân chơi, sân thể dục thể thao. Giữa các khối công trình có hệ thống đường giao thông nên rất thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển thiết bị khi cần [5.2.01].

Khu vực trồng cây xanh được nhà trường quy hoạch theo từng cụm khu vực trước sân trường, xung quanh tường rào, khu học lý thuyết, xưởng thực hành, khu sinh hoạt thể dục thể thao... có diện tích khoảng 68.000 m², với kết cấu xây dựng trường hiện nay thuộc nhà kiên cố, nhiều tầng do đó diện tích các tầng dưới được che mát bởi các tầng trên vì thế đảm bảo tiêu chuẩn che mát theo quy định [5.2.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường và vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu vực phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống các phòng học lý thuyết và các phòng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường [5.2.01].

Khuôn viên của trường có đường giao thông nội bộ thuận tiện, các xưởng bố trí sơ đồ trang thiết bị hợp lý đảm bảo cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tự nhiên tối đa. Các phòng thực hành đều có bố

trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để HSSV thực hành, thực tập. So với lưu lượng học sinh hiện nay thì hệ thống các phòng học, phòng thực hành đáp ứng được các hoạt động đào tạo của trường [5.2.02].

Các công trình trong nhà trường được sử dụng đúng công năng, khu vực học tập và sinh hoạt vui chơi đều riêng biệt, có đội ngũ bảo vệ, quản lý, thường xuyên kiểm tra các lớp sau giờ học và có nhân viên vệ sinh hàng ngày đảm bảo vệ sinh các khu vực [5.3.01].

Ngoài ra hàng năm nhà trường ký hợp đồng phối hợp đào tạo thực hành thực tế tại các bệnh viện, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và đưa sinh viên khối ngành Sư phạm đi kiến tập, thực tập tại các trường Mầm non, Tiểu học [5.3.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường đã được thiết kế xây dựng trong khuôn viên với tổng diện tích đất là 68.000 m² trên nền đất cát, vị trí cao chưa bị ngập lụt, đủ đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động giảng dạy, thực nghiệm, thực hành. Trong đó khu nhà làm việc, dãy phòng học lý thuyết, phòng thực hành, hội trường, ký túc xá, căn tin, thư viện được xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp 3. Có đường dây trung hạ thế 3 pha 22/0,4 KV và trạm biến áp 800 KVA riêng đáp ứng công suất tiêu thụ điện cho các hoạt động, có thiết kế lắp đặt đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng và vận hành thiết bị. Trong đó hệ thống đã lắp đặt thiết bị ngắt điện bảo vệ tự động và thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các công trình khi có sự cố xảy ra. [5.2.01].

Hệ thống cấp nước đảm bảo sinh hoạt theo nguồn nước máy. Hệ thống thoát nước từ các công trình có đường cống dẫn đến nơi rút theo thiết kế. Hệ thống xử lý thoát nước được thiết kế đảm bảo, không gây ô nhiễm môi trường, độc hại và ngập úng đặc biệt vào mùa mưa. Đường giao thông nội bộ được bê tông, thiết kế rộng đảm bảo vận chuyển thiết bị, phục vụ phòng cháy... [5.2.02]

Các công trình phục vụ việc đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt như khu làm việc, phòng học lý thuyết, phòng thực hành... đều thiết kế có hệ thống thông gió, phòng cháy chữa cháy. Trong đó công tác phòng cháy chữa cháy nhà trường được kiểm định đúng theo tiêu chuẩn và hằng năm đều được phòng Cảnh sát PCCC&CNCH công an tỉnh Hậu Giang kiểm tra đánh giá theo định kỳ [5.4.01].

Hằng năm nhà trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng đường dây, trạm biến áp và công tác quản lý và bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường được đảm bảo hoạt động đúng chức năng. Tổ Thiết bị thuộc Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện đảm bảo vận hành đúng quy trình, hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế. Bộ phận Thiết bị kết hợp với các khoa kiểm tra các trang thiết bị của các phòng học, phòng thực hành, các hệ thống điện nước để kịp thời phát hiện ra hư hỏng và sửa chữa. Ngoài công tác bảo dưỡng thường xuyên, hằng năm vào dịp nghỉ hè Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện đều có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng gia cố các hư hỏng như: bàn

ghế, lát gạch các phòng học, các nhà vệ sinh, xem xét để xử lý chống dột vào mùa mưa, khai thông cống rãnh, kiểm tra các hệ thống điện nước... [5.4.02]; [5.4.03].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống các phòng học lý thuyết và các phòng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường. Nhà trường có đường giao thông nội bộ thuận tiện, các xưởng bố trí sơ đồ trang thiết bị hợp lý đảm bảo cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tự nhiên tối đa. Các phòng thực hành đều có bố trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để HSSV thực hành, thực tập [5.2.02].

Các công trình trong nhà trường được sử dụng đúng công năng, khu vực học tập và sinh hoạt vui chơi đều riêng biệt, có đội ngũ bảo vệ, quản lý, thường xuyên kiểm tra các lớp sau giờ học và có nhân viên vệ sinh hằng ngày đảm bảo vệ sinh các khu vực [5.3.01].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong các phòng thực hành đều có nội quy quy định việc thực hành, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, sổ bàn giao các ca thực tập tại các xưởng [5.6.01]. Trong các phòng thực hành, thí nghiệm của trường đều có bảng thống kê danh mục thiết bị [5.6.02], các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường.

Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về công tác cơ sở vật chất trong trường, bao gồm các quy định về việc đầu tư mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng và quản lý sử dụng [5.4.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành các quy định về việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, phòng học chuyên môn hóa. Quy định của trường phù hợp với quy định của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan quản lý trực tiếp trường. Các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định của trường [5.6.01].

Hằng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm tra việc sử dụng cơ sở vật chất và báo cáo thống kê hiệu quả sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, phòng học chuyên môn hóa [5.7.01].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các trang thiết bị của nhà trường được đầu tư từ dự án: đầu tư xây dựng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, dự án VSEP và dự án đầu tư ngành nghề trọng điểm nên các trang thiết bị đảm bảo chất lượng, phù hợp với công nghệ sản xuất, dịch vụ trong giai đoạn hiện nay và đáp ứng nhu cầu tối thiểu danh mục thiết bị đào tạo theo quy định [5.8.01]. Thiết bị, dụng cụ và tài liệu cho các hoạt động giảng dạy thực hành đáp ứng đúng về chủng loại, công năng, thông số kỹ thuật và đảm bảo các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động. Tất cả các máy, trang thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, năm sản xuất đảm bảo tính đồng bộ và được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên [5.8.02].

Đối với các chuyên ngành thuộc khối ngành Sư phạm, Y dược và một số ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp chưa được ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó [5.8.03].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị, dụng cụ trong phòng thực hành được bố trí vị trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, cả nhóm hoặc cho từng cá nhân [5.9.01].

Các phòng thực hành bảo đảm các yêu cầu về thẩm mỹ khoa học và sư phạm, có hệ thống thông gió, hệ thống ánh sáng đầy đủ; an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ trong phòng thực hành [5.2.02], [5.9.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành các quy định về công tác cơ sở vật chất trong trường, bao gồm các quy định về việc đầu tư mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng và quản lý sử dụng. Trong các văn bản của trường quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo [5.4.02].

Tất cả các máy, trang thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, năm sản xuất đảm bảo tính đồng bộ và được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên [5.8.02].

Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị đánh giá mức độ sử dụng còn lại, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường [5.9.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành các quy định về công tác cơ sở vật chất trong trường, bao gồm các quy định về việc đầu tư mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng và quản lý sử dụng. Trong các văn bản của trường quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo [5.4.02].

Tất cả các máy, trang thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, năm sản xuất đảm bảo tính đồng bộ và được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên [5.8.02].

Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị đánh giá mức độ sử dụng còn lại, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường [5.9.02].

Trong các phòng thực hành chuyên môn đều có nội quy quy định việc thực hành, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, sổ bàn giao các ca thực tập tại các xưởng, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường [5.6.01]. Trong các phòng thực hành, thí nghiệm của trường đều có bảng thống kê danh mục thiết bị [5.6.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường chưa tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cơ sở theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Thông tư 14/2017/TT-BLĐTBXH. Tuy nhiên, nhà trường đã ban hành quy định về định mức vật tư tiêu hao thực hành, thí nghiệm phục vụ cho giảng dạy thực hành các ngành nghề của trường [5.12.01]

Nhà trường có xây dựng các văn bản quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo. Có sơ đồ bố trí các kho lưu trữ vật tư phục vụ đào tạo [5.4.02].

Hằng năm, nhà trường luôn có các kế hoạch đề xuất nhu cầu về vật tư, vật liệu phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo [5.12.02]. Cuối năm học các khoa đều có báo cáo việc sử dụng vật tư tiêu hao đã được cấp phát [5.12.03].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong năm 2010 nhà trường đã được đầu tư xây dựng Thư viện có tổng diện tích sàn 2454 m², với các phòng được bố trí liền kề gồm có: Kho sách kín 180 m²; kho sách hở 320 m²; phòng đọc lớn 210 m²; các phòng đọc nghiên cứu 270 m²; phòng đọc thư viện điện tử 90 m²; phòng trưng bày, giới thiệu sách 60 m²; phòng thư mục, chỗ mượn sách 60 m²; phòng chủ nhiệm 24 m²; các phòng phục vụ sản xuất 90 m². Hiện tại nhà trường đã được đầu tư một số trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của Thư viện như: Giá trưng bày và giới thiệu sách, bàn đọc sách, bàn máy tính, tủ thư mục, máy vi tính.... [5.2.01].

Nhà trường cũng đã ban hành nội quy hoạt động của Thư viện, quy định về thời gian phục vụ và các hoạt động chuyên môn của Thư viện [5.13.01].

Thư viện của trường hiện có các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường; các loại sách phục vụ nâng cao trình độ chính trị tư tưởng; các loại sách báo phục vụ nhu cầu tìm hiểu về văn học, lịch sử và văn hoá. Đến nay, Thư viện trường có 2.022 đầu sách, giáo trình cho các ngành đào tạo với số lượng 6.388 quyển, được phân loại theo từng lĩnh vực như sau: Tin học, kiến thức tổng quát có 122 đầu sách với 354 quyển; Triết học và tâm lý có 95 đầu sách với 339 quyển; Kinh tế và khoa học xã hội có 719 đầu sách với 1.587 quyển; Ngoại ngữ có 156 đầu sách với 396 quyển; Khoa học tự nhiên có 155 đầu sách với 483 quyển; Công nghệ và khoa học ứng dụng có 578 đầu sách với 1.816 quyển; Nghệ thuật, mỹ thuật có 40 đầu sách với 74 quyển; Văn học có 108 đầu sách với 241 quyển; Lịch sử, địa lý có 43 đầu sách với 84 quyển; còn lại là các loại sách tham khảo khác. Đồng thời trong năm 2020, sau khi sáp nhập trường cũng đã bổ sung kịp thời giáo trình cho các ngành đào tạo và đảm bảo đủ tối thiểu 05 bản in cho mỗi loại giáo trình [5.13.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để quản lý tốt hoạt động của thư viện và đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu học tập, tra cứu của độc giả, nhà trường đã có các quy định cụ thể về hoạt động và nội quy thư viện phù hợp với điều kiện thực tế, hư viện làm việc suốt tuần từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần [5.13.01].

Thư viện của trường hiện có các loại sách và tài liệu cơ bản phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường; các loại sách phục vụ nâng cao trình độ chính trị tư tưởng; các loại sách báo phục vụ nhu cầu tìm hiểu về văn học, lịch sử và văn hoá [5.13.02].

Thư viện hiện có 01 chuyên viên trình độ đại học chuyên ngành Thông tin Thư viện thường xuyên phục vụ tốt nhu cầu của độc giả [5.14.01].

Thư viện còn có các hoạt động giới thiệu các loại sách mới cho người đọc thông qua các thông báo danh mục sách mới, được thông báo tại thư viện. Ngoài ra thông tin về sách mới còn được phổ biến tại các buổi họp lớp trưởng và sinh hoạt chủ nhiệm lớp. Hằng năm, nhà trường đều thực hiện tổ chức ngày Hội đọc sách theo kế hoạch chung của tỉnh Hậu Giang [5.14.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, thư viện của Trường được bổ sung trang bị 01 phòng máy tính với 30 máy tính có kết nối internet để phục vụ nhu cầu tra cứu và tìm tài liệu của người học. Nhà trường đã xin chủ trương và thực hiện đầu tư phần mềm thư viện điện tử [5.15.01].

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường chưa được số hóa.

2. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

1. Mở đầu:

Theo quy định về chế độ làm việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, việc thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là nhiệm vụ bắt buộc đối với nhà giáo. Nhà trường có chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường phục vụ thiết thực công tác đào tạo; có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học trong nước. Mặt khác, trường có thiết lập mối quan hệ đối tác với các trường nước ngoài, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

2. Những điểm mạnh:

Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiện cho tập thể cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thông qua việc ban hành các quy định, định mức kinh phí hỗ trợ và hệ thống biểu mẫu hướng dẫn.

Trường đã có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho tập thể cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên thực hiện nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Tập thể cán bộ quản lý và nhà giáo của trường có trình độ chuyên môn cao nên có nhiều thuận lợi trong nghiên cứu, viết báo và các ấn phẩm khoa học.

Có nhiều công trình nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo.

Là 1 trong 3 trường trên cả nước được thụ hưởng Dự án Kỹ năng Nghề nghiệp Việt Nam (VSEP), nhà trường có điều kiện trao đổi học tập kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, được hỗ trợ về nguồn lực tài chính và trang thiết bị dạy học, chất lượng đào tạo của nhà trường được nâng cao.

3. Những tồn tại:

Trường chưa có chính sách khuyến khích riêng theo từng lĩnh vực trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Chưa có cơ chế giám sát, kiểm tra và tổng hợp kết quả khi ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến vào thực tiễn công việc.

Chưa có bài báo, ấn phẩm khoa học đăng trên các báo, tạp chí khoa học quốc tế.

Tính ứng dụng thực tiễn phục vụ công việc, sản xuất chưa cao.

Trường chỉ mới thiết lập được mối quan hệ đối tác với trường Cao đẳng Durham và tổ chức Princeton In Asia.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trường sẽ có chính sách khuyến khích riêng theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm tạo động lực cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và học sinh sinh viên trong toàn trường tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Trường sẽ đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến phục vụ thiết thực cho công tác đào tạo của trường. Đồng thời xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra chặt chẽ khi ứng dụng vào thực tiễn và đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn, từng năm học.

Trường sẽ khuyến khích tập thể cán bộ quản lý và nhà giáo nghiên cứu viết bài báo, ấn phẩm khoa học nhiều hơn nữa. Đặc biệt là đăng trên các báo, tạp chí khoa học quốc tế.

Khuyến khích tập trung nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và sáng kiến cải tiến nâng cao chất lượng và phải gắn liền với thực tiễn công việc, lao động sản xuất.

Trong tương lai, trường sẽ tăng cường mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế để có thể kết giao thêm nhiều đối tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, trường có chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên trong toàn trường tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; hằng năm nhà trường thông báo đến các phòng khoa chức năng, giảng viên, giáo viên đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học và viết giáo trình. Bên cạnh đó, cũng có nhiều chính sách hỗ trợ thực hiện cho 01 đề tài tối đa không quá 10.000.000 đồng để chi trả các chi phí phục vụ công tác nghiên cứu khoa học như: khảo sát, thu thập số liệu, hội đồng, hội thảo, văn phòng phẩm ...; viết giáo trình được chi trả theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ [6.1.01], [1.3.02]. Nhà trường thông báo cho viên chức đăng ký học sau đại học [6.1.02] và thực hiện đúng theo chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút nhân lực tỉnh Hậu Giang [6.1.03]; và có nhiều viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ sau đại học [6.1.04], [6.1.05].

Căn cứ trên phiếu đăng ký đề tài NCKH, viết giáo trình của viên chức hằng năm. Nếu đề tài NCKH, viết giáo trình được phê duyệt thì có quyết định giao thực hiện và thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH, viết giáo trình đúng quy trình. Tất cả đề tài NCKH, viết giáo trình được nghiệm thu sẽ hỗ trợ, chi trả theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ.

Nhà trường cũng đã tham mưu và thực hiện tốt các chế độ hỗ trợ, giải quyết kinh phí thu hút nhân lực cho viên chức sau khi hoàn thành chương trình sau đại học [6.1.04], [6.1.05] và chi trả viết giáo trình cũng được thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ ban hành [1.3.02], [6.1.06], [6.1.07] nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của trường.

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Nhà trường triển khai thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, nhiều sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực cho các công tác quản lý, đào tạo và hoạt động của nhà trường [6.2.01], [6.1.06]; và có quyết định giao đề tài NCKH, quyết định công nhận nhiều sáng kiến cải tiến phù hợp với tình hình thực tế [6.2.03], [6.2.04] và [6.1.07].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, trường có nhiều bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước và ngoài nước, kết quả như sau [6.3.01], [6.3.02], [6.3.03], [6.3.04], [6.3.05]

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm qua, nhà trường đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến trong công tác quản lý và trong dạy học. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu và sáng kiến thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn nên còn hạn chế trong triển khai ứng dụng vào thực tiễn công việc và sản xuất. Mặt khác, nhà trường chưa có cơ chế giám sát, kiểm tra và tổng hợp kết quả ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến vào thực tiễn [6.4.01], [6.2.02], [6.2.03].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thiết lập mối quan hệ đối tác với trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ ứng dụng Durham (Canada) thông qua Dự án Kỹ năng Nghề nghiệp Việt Nam (VSEP) do Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada (DFATD) tài trợ và Công ty tư vấn Agriteam Canada quản lý [6.5.01].

Trong quá trình thực hiện dự án, trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ ứng dụng Durham đã đồng ý cho phép nhà trường tham khảo chương trình ngành/nghề Công nghệ Khoa học Thực phẩm và Dược phẩm để xây dựng chương trình đào tạo ngành/nghề Công nghệ Thực phẩm – Dược phẩm trình độ cao đẳng. Ban quản lý dự án VSEP cũng đã hỗ trợ, cung cấp các trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy thực hành, thí nghiệm đối với ngành/nghề học mới này. Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ ứng dụng Durham cử đoàn chuyên gia sang làm việc với cán bộ và nhà giáo của nhà trường về đổi mới phương pháp dạy học, kỹ năng hướng dẫn thực hành thí nghiệm. Đồng thời, nhà trường cũng đã cử đoàn cán bộ sang thăm và học tập kinh nghiệm tại trường đối tác – Durham. Bên cạnh đó, dự án VSEP cũng đã tài trợ 01 suất học bổng cho nhà giáo của nhà trường học tập nâng cao trình độ tại Canada để phục vụ giảng dạy ngành học mới; Hợp tác thực hiện dự án “Xây dựng mô hình đào tạo trực tuyến tạo công ăn việc làm cho người lao động ở tỉnh Hậu Giang trong thị trường ngành BPO (Dịch vụ Thuê ngoài Doanh nghiệp) ở Việt Nam” [6.5.02], [6.5.03].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

1. Mở đầu:

Công tác quản lý tài chính của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Nước và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường. Các nguồn kinh phí như: kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, học phí của sinh viên học sinh, các khoản thu từ hoạt động liên kết đào tạo, các nguồn thu từ dịch vụ được sử dụng cho các hoạt động phục vụ đào tạo, nâng cao thu nhập cho viên chức, nhân viên và chi cho các hoạt động thường xuyên, mua sắm dụng cụ, trang thiết bị, sửa chữa ký túc xá... Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập dựa vào nhu cầu thực tế thông qua tình hình sử dụng kinh phí các năm trước cân đối cho phù hợp, đúng mục đích và mục tiêu phát triển của nhà trường.

Công tác lập kế hoạch tài chính của nhà trường đạt chuẩn theo hướng dẫn, đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính.

Công tác quản lý tài chính của nhà trường đảm bảo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo tính minh bạch và công khai.

Ngoài ra, nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán và công khai tài chính theo quy định.

- Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 3 năm gần đây:

+ Năm 2019: 13.475.000.000 đồng.

+ Năm 2020: 39.352.671.171 đồng.

+ Năm 2021: 26.717.000.000 đồng.

- Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm gần đây:

+ Năm 2019: 3.850.000.000 đồng.

+ Năm 2020: 3.881.200.000 đồng.

+ Năm 2021: 3.301.660.000 đồng.

2. Những ưu điểm:

Trường luôn thực hiện công tác tài chính kế toán theo đúng quy định, có hệ thống báo cáo tài chính, có sổ sách đầy đủ, rõ ràng và chính xác. Thường xuyên cập nhật đầy đủ các Nghị định mới, các Thông tư hướng dẫn mới để áp dụng chính xác vào công tác tài chính kế toán của nhà trường.

Hàng năm, nhà Trường đều có điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế của trường và đúng theo quy định của pháp luật.

Nhà trường luôn thực hiện nội dung công khai tài chính theo đúng quy định của nhà nước, thực hiện công khai những nội dung chi tiêu theo yêu cầu của cán bộ giảng viên nhà trường, nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính cho mục tiêu đào tạo, nâng cao mức thu nhập cho viên chức, nhân viên của trường. Đồng thời, nhằm đảm bảo có sự giám sát chặt chẽ về chi tiêu của Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và của tập thể viên chức, nhân viên trong nhà trường.

Hằng năm, phòng Kế hoạch - Tài chính luôn lập dự toán kinh phí đảm bảo cho các hoạt động dạy và học trong nhà trường.

Trường có nguồn thu ổn định, được khai thác một cách hợp pháp. Thông qua việc cân đối các nguồn tài chính, trường đã phần nào đáp ứng được các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho viên chức, nhân viên.

3. Những tồn tại:

Kế hoạch tài chính của nhà trường phụ thuộc vào định mức ngân sách Nhà nước cấp.

Quy chế chi tiêu nội bộ chưa bao quát, chưa dự đoán hết các tình huống thu chi đối với các hoạt động phát sinh của nhà trường.

Việc công bố công khai tài chính thường chậm hơn so với yêu cầu và kế hoạch đề ra do tài chính phải được thẩm định dự toán, quyết toán trước khi công khai

Nguồn thu từ cung ứng dịch vụ thường trễ hạn so với hợp đồng nên gây khó khăn trong việc phân bổ tài chính.

Việc phân bổ, sử dụng kinh phí cho hoạt động NCKH còn hạn chế, chủ yếu chỉ là hỗ trợ văn phòng phẩm. Việc trang bị, bổ sung tài liệu cho thư viện cũng còn hạn hẹp.

Trường chưa đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính cũng như chưa đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn tài chính.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí mua và sửa chữa vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa phục vụ cho học tập và giảng dạy.

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ sát với tình hình thực tế hơn.

Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật các văn bản quy định về công tác tài chính để tham mưu cho Ban Giám hiệu chỉ đạo thực hiện.

Lập kế hoạch chi tiết, tăng cường phát triển các hoạt động thuộc mảng dịch vụ tạo thêm các nguồn thu và tiết kiệm chi tối đa để tăng thu nhập cho viên chức và nhân viên.

Bổ trí và tăng dần nội dung chi các hoạt động NCKH, giáo trình, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Trong thời gian tới trường sẽ tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính để đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2020, trường CĐCD Hậu Giang thực hiện quyền tự chủ, quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Điều lệ trường Cao đẳng ban hành tại thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT. Nhà trường tổ chức bộ máy kế toán theo tiêu chuẩn của Luật kế toán số 03/2003/QH11. Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo Thông tư 71/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 08 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 [1.3.02].

Quy chế chi tiêu nội bộ (QCCTNB) thể hiện đầy đủ các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu cụ thể từng nội dung hoạt động thường xuyên của nhà trường như: Chế độ tiền lương, thu nhập tăng thêm, phúc lợi, khen thưởng, định mức chi tiêu cho các hoạt động (giảng dạy, tổ chức thi, thực hành, các hoạt động phong trào khác...), chế độ đi công tác. Các tiêu chuẩn, định mức và nội dung chi của nhà trường thực hiện đúng quy định của nhà nước.

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, công nhân viên đóng góp, điều chỉnh, bổ sung QCCTNB cho phù hợp với tình hình thực tế và thông qua Sở Tài chính xem xét góp ý [7.1.01].

Công tác quản lý tài chính tại trường thực hiện đúng theo chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, hạch toán đúng từng nội dung tài khoản, đúng từng nội dung mục chi theo mục lục ngân sách nhà nước; nhà trường có đầy đủ hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán [7.1.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác quản lý tài chính tại trường thực hiện đúng theo chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, hạch toán đúng từng nội dung tài khoản, đúng từng nội dung mục chi theo mục lục ngân sách nhà nước; nhà trường có đầy đủ hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán.

Báo cáo tài chính do bộ phận kế toán của nhà trường lập hàng năm, biểu mẫu thực hiện theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính và Quyết định số: 4377/QĐKBNN ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước [7.2.01].

Nhà trường có hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính đầy đủ và thực hiện báo cáo tài chính và tình hình sử dụng biên lai đều đặn hàng năm theo quy định [7.2.02], [7.2.03].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có nguồn tài chính ổn định, nguồn tài chính của trường được cấp một phần từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp khác của đơn vị.

Nguồn ngân sách nhà nước được cấp ổn định cho nhà trường hàng năm thông qua Quyết định giao dự toán hàng năm Các nguồn thu sự nghiệp bao gồm: học phí; các khoản thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ: căn tin và bãi xe; thu phí; thu từ hoạt động liên kết đào tạo với các Trường Đại học trích lại [7.3.01].

Công tác quản lý tài chính tại trường thực hiện đúng theo chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, hạch toán đúng từng nội dung tài khoản, đúng từng nội dung mục chi theo mục lục ngân sách nhà nước; nhà trường có đầy đủ hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán [7.1.02], [7.2.03]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường thực hiện việc quản lý tài chính bằng cách hạn chế thanh toán tiền mặt, các khoản thanh toán cho cá nhân, cho đơn vị cung ứng dịch vụ hầu hết được thanh toán qua hệ thống ngân hàng như: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT. ngân hàng Xây dựng, ngân hàng Scombank... Trong việc sử dụng và phân bổ nguồn kinh phí hằng năm nhà trường thực hiện theo đúng dự toán thu chi đầu năm trong kế hoạch của năm tài chính trên cơ sở tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ. Trong công tác thu chi Nhà trường có đầy đủ hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính [7.4.01].

Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán bộ phận kế toán của nhà trường lập hàng năm, biểu mẫu thực hiện theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính và Quyết định số: 4377/QĐKBNN ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước [7.1.02].

Định kỳ, Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang đến nhà trường kiểm toán công tác kế toán, thanh tra công tác quản lý tài chính của nhà trường và lập biên bản kiểm toán, thanh tra tài chính cho thấy trường thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng theo quy định[7.4.02],.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường luôn thực hiện công khai tài chính theo quy chế công khai tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ. Các đối tượng chi, định mức chi, nội dung chi đều thể hiện rõ ràng, công khai trong QCCTNB [1.3.02]. Tất cả cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong trường đều có thể tham gia kiểm tra, giám sát. Định kỳ trong các cuộc họp Hội đồng, Hội nghị cán bộ công nhân viên chức [7.5.01], [7.2.03], phòng Kế hoạch - Tài chính có báo cáo công khai dự toán thu chi hàng năm. Công khai danh mục mua sắm trang thiết bị, tài sản hàng năm, Công khai quỹ phúc lợi, khen thưởng và các quỹ khác...

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm Nhà trường giao cho phòng chuyên môn cụ thể là phòng Kế hoạch Tài chính kết hợp với các đơn vị liên quan như phòng Đào tạo và Trung tâm Liên kết Đào tạo, phòng Hành chính Tổng hợp... đánh giá hiệu sử dụng nguồn tài chính của Nhà trường. Cụ thể là:

- Hằng năm, phòng Kế hoạch - Tài chính luôn sớm lập dự toán trình Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phê duyệt, cấp kinh phí đảm bảo phục vụ tốt nhất cho các hoạt động của nhà trường.

- Rà soát, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ.

Ngoài ra hằng năm Phòng Kế hoạch Tài chính có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo Nhà Trường các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng Tài chính như:

Cắt giảm các khoản chi không cần thiết tránh lãng phí tài sản và nguồn lực của Nhà trường như: tiết kiệm điện nước, xăng xe, văn phòng phẩm điều này được thể hiện trong báo cáo tài chính qua các năm.

Hằng năm vào cuối kỳ kế toán (theo năm tài chính) Nhà trường luôn xác định chênh lệch thu chi [7.6.01] được Kho bạc Nhà nước xác nhận.

Hàng năm Nhà trường đều thực hiện báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gửi cơ quan quản lý tài chính cấp theo qui định [7.6.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

1. Mở đầu:

Phòng Công tác Chính trị và Dịch vụ sinh viên (viết tắt là: CTCT&DVSV) là đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được thành lập theo Quyết định số 203 /QĐ-CĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang; Phòng có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức thực hiện công tác quản lý HSSV và hỗ trợ và cung cấp dịch vụ đối với học sinh, sinh viên (viết tắt là: HSSV); thực hiện giáo dục kỹ năng mềm cho HSSV; tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao trong, ngoài Trường; tham

mưu thực hiện các chế độ chính sách theo quy định; công tác văn thư - lưu trữ theo quy chế công tác HSSV và quy chế đào tạo.

Tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền và xây dựng đạo đức lối sống trong HSSV. Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định; Thống kê, tổng hợp dữ liệu; quản lý, lưu trữ hồ sơ và giải quyết các công việc hành chính liên quan đến HSSV; Theo dõi, đánh giá ý thức học tập, kết quả rèn luyện của HSSV; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, tạo điều kiện cho HSSV tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học; tham dự kỳ thi tay nghề các cấp; giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của HSSV; thường trực công tác khen thưởng và kỷ luật HSSV; Tham mưu Ban Giám hiệu trong quan hệ gắn kết với các doanh nghiệp trên địa bàn để tiếp cận thông tin và nắm yêu cầu của doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động phối hợp giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng người lao động nhằm tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho HSSV phù hợp với yêu cầu thực tiễn; khai thác các hoạt động với doanh nghiệp nhằm phục vụ hoạt động của Trường cũng như thông tin, tư vấn, giới thiệu hỗ trợ việc làm cho HSSV trong thời gian học và khi ra trường.

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch của hệ thống tổ chức quản lý HSSV thông qua các quy định, quy chế, các chính sách và bằng các phương pháp, biện pháp cụ thể, với những nội dung cụ thể nhằm đạt được các mục đích, yêu cầu của công tác HSSV. Công tác tổ chức hành chính, Công tác tổ chức, quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của HSSV (theo dõi, đánh giá ý thức học tập, rèn luyện của HSSV; phân loại, xếp loại HSSV; tổ chức thi đua, khen thưởng, kỷ luật HSSV; tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”; tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, thi HSSV giỏi, Olympic các môn học; tổ chức triển khai công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho HSSV; tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ và các hoạt động ngoài giờ lên lớp khác; tổ chức đối thoại định kỳ giữa Hiệu trưởng nhà trường với HSSV; theo dõi công tác phát triển Đảng trong HSSV; tổ chức tư vấn học tập, nghề nghiệp, việc làm cho HSSV...);

Công tác y tế, thể thao; Thực hiện các chế độ, chính sách đối với HSSV; Thực hiện công tác an ninh chính trị, trật tự, an toàn, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; Thực hiện công tác quản lý HSSV nội trú, ngoại trú...

Trong những năm qua, thực hiện "Quy chế học sinh, sinh viên của nhà trường ban hành theo Quyết định số 176 /QĐ-CĐCĐ ngày 10/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, với sự nỗ lực, cố gắng toàn diện của nhà trường, công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho HSSV của nhà trường đã thu được những kết quả tốt đẹp. Đa số HSSV có nhận thức đúng đắn về mục tiêu đào tạo, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có ý thức kỷ luật, có đạo đức, lối sống lành mạnh.

3. Những tồn tại:

Việc tổ chức các hoạt động nhằm tập hợp HSSV ngoại trú chưa được thực hiện, vẫn còn tình trạng buông lỏng quản lý đối với HSSV ngoại trú. Cơ sở vật chất trong khu nội trú chưa đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của HSSV, nhà ăn tập thể chưa phát huy được hiệu quả...

Phòng công tác HSSV, Hội sinh viên chưa xây dựng được các câu lạc bộ, các mô hình học thuật để tạo điều kiện giúp đỡ HSSV trong học tập, rèn luyện. Sự phối hợp

giữa các phòng, khoa, giáo viên chủ nhiệm lớp với phòng Công tác HSSV chưa thật nhịp nhàng (do dịch covid -19 diễn biến phức tạp trong thời gian qua).

Một bộ phận HSSV còn thiếu trung thực trong học tập và thi cử, một số chưa có hoài bão, lý tưởng, một bộ phận có biểu hiện của lối sống hưởng thụ, đua đòi, chưa thực sự tự giác, tích cực trong học tập, rèn luyện.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Xây dựng kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác quản lý HSSV và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người học. Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, tổ chức hoạt động TĐTT, văn nghệ.... Kịp thời tuyên dương, khen thưởng HSSV đạt thành tích cao trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác xã hội.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV. quản lý HSSV chặt chẽ, đánh giá chính xác, công bằng và khách quan, cán bộ quản lý HSSV phối hợp chặt chẽ với nhiều bộ phận để nắm bắt các thông tin về việc chấp hành của HSSV.

Nhà trường cần huy động mọi nguồn lực để nâng cấp, xây mới Kí túc xá HSSV đáp ứng nhu cầu nhà ở của các em. Nâng cao điều kiện phục vụ sinh hoạt về điện nước, đảm bảo an ninh trật tự nhằm thu hút HSSV vào ở trong khu Nội trú.

Xây dựng tiêu chí nhà trường đảm bảo an ninh trật tự và an toàn, nhà trường văn hoá, tuyên truyền pháp luật. Khơi gợi ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp trong HSSV

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	9
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Sở HSSV cung cấp cho người học qui chế, nội quy của Bộ và nhà trường. Cách tính điểm rèn luyện cho từng HSSV [8.1.01]. Nhà trường có xây dựng quy chế đào tạo [1.4.01], quy chế làm việc của trường [1.3.03]. Ngoài ra, Các chế độ chính sách hiện hành cũng được nhà trường phổ biến đến HSSV vào đầu mỗi năm học, đầu khóa học.

Nhà trường còn xây dựng và ban hành Quy chế Công tác HSSV [8.1.02], nội quy nhà trường, nội quy ký túc xá [8.1.03].

Hàng năm, nhà trường thường xuyên cập nhật các văn bản quy định về các chế độ chính sách liên quan đến HSSV làm căn cứ để ban hành các văn bản thực hiện các chế độ chính sách của nhà trường dành cho người học [8.1.04]. Nhà trường ban hành các quyết định và danh sách người hưởng chế độ chính sách của nhà trường [8.1.05]. Hàng năm, nhà trường có tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng và người học để người học được trao đổi ý kiến với lãnh đạo nhà trường về những vấn đề liên quan đến người học [8.1.06]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chế độ chính sách đối với học sinh sinh viên được Nhà trường thực hiện theo đúng chủ trương và quy định của Nhà nước, giải quyết quyền lợi chính đáng của người học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV trong quá trình học tập. Việc phổ biến chế độ chính sách đối với HSSV thực hiện vào đầu khóa, đầu năm học. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, qui chế, danh sách các đối tượng được hưởng các chế độ dựa trên các văn bản của Chính phủ, các Bộ và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Căn cứ vào quy định của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang ban hành [8.1.04].

Miễn giảm học phí, Trợ cấp ưu đãi, Hỗ trợ chi phí học tập được thực hiện theo qui định của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ số lượng HSSV theo từng năm học, đồng thời thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí và cấp trợ cấp xã hội chỉ cần nộp một bộ hồ sơ vào đầu năm học cho đối tượng mà mình được hưởng [8.1.05]. Hàng năm, nhà trường đều có thống kê báo cáo kết quả thực hiện [1.5.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

HSSV thuộc diện chính sách được xếp vào nhóm ưu tiên trong hệ chính qui do nhà trường đào tạo, như: Ban hành quyết định quy định cấp xét học bổng của trường [8.3.01], Quy định về hỗ trợ HSSV vay vốn để học tập [8.3.02], lập danh sách nhà trợ đảm bảo vệ sinh, an toàn trật tự an ninh để giới thiệu cho học sinh, sinh viên khi có nhu cầu [8.3.03]. Hàng năm, nhà trường đều ban hành quyết định phân công cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm để hướng dẫn, hỗ trợ học sinh, sinh viên trong quá trình học tập [8.3.04]. Nhà trường còn xây dựng, triển khai quy chế công tác học sinh, phân công viên chức phụ trách quản lý, hỗ trợ học sinh, sinh viên [1.3.01]. Nhà trường có chế độ chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập như: cấp học bổng khối giáo dục và khen thưởng khối nghề nghiệp [8.3.05], Căn cứ vào qui chế chi tiêu nội bộ nhà trường có chọn khen thưởng các tân HSSV đạt điều cao đầu vào ở các khối ngành đào tạo [8.3.06], Khen thưởng cho HSSV cuối khóa tốt nghiệp loại Giỏi, xuất sắc [8.3.07]. Nhà trường ban hành quyết định cấp học bổng

[8.1.05], ban hành các văn bản thực hiện chế độ chính sách cho người học [8.1.04] có cập nhập số liệu vào báo cáo của nhà trường [1.5.01]. Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học [8.3.08].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Quyết định số 4996 /QĐ-BGDĐT ngày 28 /10 /2016 về bình đẳng giới của ngành Giáo dục giai đoạn 2016 - 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo mục tiêu thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng giữa nam và nữ về cơ hội tiếp cận, tham gia, hưởng lợi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế. Trong nhà trường tất cả người học đều được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (hiện trong trường có dân tộc Kinh, Hoa, Khơme). Luật Bình đẳng giới được nhà trường lồng ghép vào các buổi sinh hoạt tập thể. HSSV khi trúng tuyển được sắp xếp đúng ngành trúng tuyển [8.4.01].

Nhà trường ban hành nội quy KTX, kế hoạch kiểm tra KTX, ... Hồ sơ KTX, sơ đồ, thiết bị KTX đều được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định [8.4.02]. Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra sức khỏe đầu khóa và cuối khóa cho HSSV [8.4.03]. Hàng năm, đều được nhà trường thống kê báo cáo số liệu đầy đủ [1.5.01] và có khảo sát lấy ý kiến người của người học [8.3.08]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá (KTX) đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Ký túc xá nội trú với tổng diện tích sàn 5.886 m², với số phòng ở là 116 phòng với diện tích 23m² / phòng; Ban giám hiệu nhà trường giao cho Phòng Công tác Chính trị và DSVS tổ chức thực hiện việc quản lý Ký túc xá trường đảm bảo đủ chỗ cho học sinh sinh viên vào nội trú. Mỗi phòng được tách khu ở và khu vệ sinh riêng, Mỗi phòng bố trí có 6 đến 8 HSSV/4 giường đôi. Diện tích bình quân 2,8m²/HSSV. Khu KTX có 01 căn tin nhà ăn, nhà xe KTX, thư viện mở cửa về đêm (từ 6 giờ đến 9 giờ) phục vụ cho giảng viên lưu trú và HSSV ở KTX. Hiện nhà trường đang quản lý 100/100 người học có nhu cầu nội trú. Các phòng được trang bị tiện nghi: 2 bàn học, hai tủ 4 ngăn, 4 ghế; thiết bị: 2 đèn 1m², 2 quạt trần, bình chữa cháy,... tất cả đều đảm bảo điều kiện ăn, ở sinh hoạt và học tập của HSSV nội trú. Nhà trường có ban hành nội qui KTX, qui định cụ thể quyền và trách nhiệm đối với HSSV nội trú [8.4.02]. Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch kiểm tra, báo cáo, đánh giá KTX [8.5.01]. Nhà trường xây dựng danh mục thiết bị, cơ sở vật chất theo quy định đặc thù của từng ngành [8.5.02] và có khảo sát ý kiến người học về việc cung cấp dịch vụ KTX hàng năm [8.3.08].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường không có dịch vụ y tế, nhưng có khoa Y – Dược đủ thực hiện việc chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trường: có kế hoạch hoạt động của Khoa Y dược, danh mục thuốc trong tủ y tế [8.6.01], danh sách cán bộ cung cấp dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học [8.6.02], danh mục các thiết bị y tế cơ bản, tủ thuốc với các loại thuốc dự phòng dùng sơ cấp cứu ban đầu [8.6.03]; Hàng năm đều có báo cáo kết quả hoạt động của khoa Y dược [8.6.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Người học được tạo mọi điều kiện trong hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội như: Triển khai Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17-6-2016 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020. Nhà trường trang bị đủ dụng cụ, xây dựng sân bãi đủ phục vụ dạy môn Giáo dục thể chất [8.7.01]. HSSV được tham gia các hoạt động TDTT vào các ngày Lễ: Thành lập Đoàn thanh niên, Ngày Nhà giáo Việt Nam, Tổ chức mùa hè xanh, thành lập nhiều đoàn thể thao, văn nghệ tham gia Hội diễn trong và ngoài nhà trường [8.7.02]. Hàng năm nhà trường còn phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh Hậu Giang tổ chức Hội thi An toàn giao thông. Xây dựng qui chế phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nhà trường trong công tác an ninh trật tự trường học. Thành lập đội tự quản trong HSSV nhất là khu KTX, cán bộ quản lý đã tuyên truyền, động viên, tổ chức cho người ở nội trú thành lập đội tự quản để làm tốt công tác tự quản. Nhiệm vụ đội tự quản trong HSSV làm nhịp cầu nối với phòng CTCT&DVSV [8.7.03]. Hàng năm, nhà trường đều có thực hiện báo cáo về tình hình an toàn trong khuôn viên nhà trường [8.7.04] và thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học [8.3.08].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường có thực hiện công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm hỗ trợ HSSV trong quan hệ với doanh nghiệp và khởi nghiệp. Ngày Hội tư vấn việc làm cho HSSV kết nối với các đơn vị tuyển dụng nhân sự trong và ngoài tỉnh và Trung tâm tư vấn hướng nghiệp [8.8.01]. Nhà trường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Hậu Giang triển khai đến HSSV thông tin tuyển dụng, các tờ rơi, hình ảnh về việc làm [8.8.02]; Lập phiếu điều tra người đi học và tốt nghiệp có việc làm và việc làm đúng ngành nghề đào tạo [8.3.08].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án “Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp”. Hàng năm đều tổ chức Hội chợ tư vấn và giới thiệu việc làm cho HSSV, giúp người học chủ động, sáng tạo trong học tập, am hiểu về ngành, nghề đang học để phát huy được năng lực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp cũng như có những thông tin về thị trường lao động và tìm được việc làm phù hợp [8.9.01]. Nhà trường có mời các đơn vị tuyển dụng như: Công ty mía đường Cần Thơ, Sở Nội vụ tỉnh, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Y tế, CTy viễn thông VNPT, CTy viễn thông Viettheo....[8.9.02]. Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo kết quả công tác giới thiệu việc làm cho HSSV [8.9.03] và có nhận định đánh giá [8.9.04]. Bên cạnh đó, nhà trường còn lập phiếu khảo sát lấy ý kiến người học và người đã đi làm [8.9.05].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

1. Mở đầu:

Giám sát, đánh giá chất lượng là các hoạt động có phối hợp để định hướng và kiểm soát của nhà trường về chất lượng. Việc giám sát và đánh giá về chất lượng nói chung bao gồm các hoạt động kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng. Trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm thực hiện việc cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo qua từng năm học. Nhà trường đã thực hiện báo cáo tự đánh giá, qua đó, nhà trường đã nhìn nhận được những điểm mạnh và những tồn tại yếu kém để có hướng khắc phục trong thời gian tới.

2. Những điểm mạnh:

Một số ngành đặc thù, HSSV sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng ngành nghề đào tạo đạt 80% trở lên. Có lập phiếu khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp.

Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đúng quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động và các chức danh chủ chốt đúng tiêu chuẩn, quy định và phù hợp với hoạt động thực tế của nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện các báo cáo tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của các Bộ chủ quản. Qua tự đánh giá nhà trường đã nhìn nhận được những điểm mạnh và những tồn tại yếu kém để có hướng khắc phục.

Trường luôn quan tâm thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo qua từng năm học thích ứng theo nhu cầu của xã hội.

3. Những tồn tại:

Một số ngành ngoài sư phạm, khối Y Dược thì các ngành còn lại chưa có cơ sở thống kê tỷ lệ có việc làm đúng với chuyên ngành.

Việc thực hiện thu thập ý kiến đánh giá của người học, doanh nghiệp, cán bộ

quản lý và giáo viên còn hạn chế.

Phương án thu thập ý kiến đánh giá của người học chưa được phong phú, đa dạng. Đối tượng tham gia lấy ý kiến chủ yếu tập trung vào người học là sinh viên hệ chính quy.

Nhà trường chưa thực hiện được đánh giá ngoài.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trong thời gian tới sẽ tiến hành khảo sát ý kiến tối thiểu các đơn vị sử dụng lao động trong tỉnh và các tỉnh lân cận về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Phối hợp, để đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp sử dụng lao động với người lao động về tính chuyên môn của người lao động: đúng ngành nghề, lĩnh vực, trình độ,... của nhà trường cần có sự tham gia phối hợp của các đơn vị tư vấn có chuyên môn và kinh nghiệm thực.

Liên hệ, phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm của các huyện, thị, thành và một số tỉnh lân cận khảo sát có việc tại các cơ sở tuyển dụng lao động có HSSV trường đào tạo sau khi tốt nghiệp có việc làm. Phối hợp với các đơn vị trực thuộc trường, tăng cường giáo dục kỹ năng sống để HSSV có thêm cơ hội tìm việc.

Trong những năm tới, trường sẽ mở rộng đối tượng thu thập ý kiến đánh giá sang người học hệ vừa làm vừa học và hệ liên thông.

Có kế hoạch đề từng bước cải tiến chất lượng giáo dục tiến đến thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 9:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang có học sinh sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo. Vì vậy nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động [9.1.01], lập danh sách đơn vị sử dụng lao động [9.1.02] và khảo sát lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động [9.1.03] có báo cáo kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động [9.1.04] nhằm để phục vụ tốt cho công tác hướng nghiệp giúp HSSV tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, đồng thời định hướng ngành

nghề đào tạo của nhà trường trong việc đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội. Sinh viên ra trường có kỹ năng nghề nghiệp tốt, đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách có liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ, đồng bộ về cơ cấu đội ngũ viên chức, người lao động có năng lực chuyên môn đáp ứng công việc được giao [3.15.01].

Trường tổ chức Hội nghị viên chức đúng quy định lưu trữ và triển khai thực hiện đầy đủ các văn kiện Hội nghị viên chức năm học 2021 - 2022 [9.2.01].

Thực hiện việc khảo sát thu thập ý kiến của viên chức quản lý và giảng viên hàng năm nhằm điều chỉnh kịp thời các chế độ chính sách, chương trình, quy trình cũng như đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo tại trường [9.2.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang có xây dựng kế hoạch khảo sát học sinh sinh viên ở các chuyên ngành đào tạo về chất lượng đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện các chế độ chính sách liên quan người học [9.3.01]. Kế hoạch được triển khai rộng rãi đến toàn bộ học sinh, sinh viên đang học tại trường từ cao đẳng, trung cấp [9.3.02], [9.3.03]. Xây dựng thêm kênh thông tin phản hồi để giúp các đơn vị chức năng xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ đào tạo, phục vụ người học tốt hơn. Học sinh, sinh viên cần hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu phiếu. Thông tin phản hồi từ học sinh sinh viên được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích [8.3.08]. Phương pháp khảo sát bằng phiếu trực tiếp, làm qua mail, điện thoại trực tiếp, zalo phòng,...Số lượng HSSV được khảo sát có tổng hợp, đánh giá, báo cáo [9.3.04].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định. Hàng năm, để phục vụ công tác tự đánh giá, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng [9.4.01], thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng [9.4.02], hoàn thành báo cáo tự đánh giá chất lượng [9.4.03] nộp đúng theo quy định và thực hiện công bố trên website của nhà trường [9.4.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định. Sau kết quả tự đánh, trường luôn quan tâm thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá. Qua đó, trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động tổng thể của nhà trường trên các lĩnh vực hoạt động, trong đó có thể hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo [9.5.01] và báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm của nhà trường được thực hiện [1.5.01].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang có học sinh sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo [9.6.01]. Việc chọn nghề phải phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, nhu cầu của xã hội, phù hợp với sở thích sở trường và sức khỏe của người lao động. Xem mình có thích, có cần, có yêu ngành nghề mình chọn không. Sau đó xây dựng kế hoạch cụ thể cho bản thân trong chọn ngành nghề, năng lực, nhận thức, thị trường lao động, nhu cầu xã hội,... Xây dựng kế hoạch khảo sát theo tiến độ đào tạo nhà trường đối với HSSV năm cuối và HSSV đã tốt nghiệp. Sau chương trình đào tạo, nhà trường có phiếu thu thập số liệu HSSV tốt nghiệp có việc làm sau thời gian từ 6 tháng trở lên có việc làm qua mail, điện thoại trực tiếp [9.6.02]. Qua đó, đã thu thập được trên 80% HSSV ra trường có việc làm tại các trường THCS, các trường Mầm Non và một số công ty, doanh nghiệp trên địa bàn Hậu Giang và các tỉnh khác [9.6.03]; [9.6.04].

Bên cạnh đó còn một số HSSV ra làm trái ngành, trái nghề; một vài sinh viên còn chưa tìm được công việc phù hợp với hoàn cảnh gia đình cũng như chuyên môn nghề nghiệp

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Năm 2020, nhà trường đã tiến hành thực hiện tự đánh giá chất lượng theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá năm 2019, trường thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung minh chứng mới đối với các tiêu chuẩn đã được đánh giá đạt năm 2019; thực hiện cải tiến chất lượng, đánh giá lại đối với các tiêu chuẩn đánh giá chưa đạt trong năm 2019.

Kết quả tự đánh giá năm 2020, có 95/100 tiêu chuẩn đạt, đủ điều kiện đạt chuẩn chất lượng giáo dục nghề nghiệp. So với năm 2019, số tiêu chuẩn đạt tăng thêm 07 tiêu chuẩn, đó là kết quả của việc thực hiện nâng cao chất lượng của nhà trường trong năm qua. Tuy nhiên, vẫn còn một số tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu trong đánh giá. Vì vậy trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục giữ vững, duy trì, phát huy đối với các tiêu chuẩn đã đạt yêu cầu và cải tiến, nâng cao chất lượng đối với các tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu chất lượng.

Cụ thể, trong những năm tiếp theo trường sẽ tập trung thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng chủ yếu ở một số nội dung chính sau đây:

- Ban hành các chính sách còn thiếu so với yêu cầu của bộ tiêu chí.
- Rà soát chuẩn đầu ra đối với từng ngành nghề đào tạo.
- Tổng kết và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường.
- Xây dựng kế hoạch cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.
- Đầu tư và đa dạng hóa các dịch vụ sinh viên.
- Thiết lập mối quan hệ với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để tạo điều kiện cho nhà giáo, sinh viên thực tập và tìm kiếm việc làm.
- Tiếp tục đánh giá thị trường lao động để xác định quy mô đào tạo và hình thức đào tạo.
- Xây dựng các chương trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường: công tác cán bộ, các chính sách liên quan đến CBVC và người học, công tác đào tạo, công tác giảng dạy...
- Đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng đào tạo: đổi mới phương pháp giảng dạy, đa dạng hóa cách đánh giá người học, ứng dụng phương tiện dạy học hiện đại...
- Xây dựng lộ trình thực hiện tự chủ.
- Tiếp tục tìm kiếm quan hệ hợp tác quốc tế.
- Đầu tư trang thiết bị và tài liệu phục vụ công tác dạy và học.
- Xây dựng thư viện điện tử và số hóa danh mục tài liệu lưu trữ.
- Xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường theo quy định.

PHẦN IV

ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

Về kinh phí phục vụ cho công tác tự đánh giá: Hiện tại Tổng Cục Giáo dục Nghề nghiệp có ban hành công văn số 822/LĐTBOXH-TCGDNN ngày 11 tháng 3 năm 2020 V/v hướng dẫn nội dung và mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tuy nhiên các văn bản quy định chi tiết các khoản chi có liên quan đã hết hiệu lực. Do đó, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang khuyến nghị Tổng Cục Giáo dục Nghề nghiệp:

Xem xét ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (trong thời gian sớm nhất)

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá

Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng

Số: 234/QĐ-CĐCD

Hậu Giang, ngày 04 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng
cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG

Căn cứ Quyết định số 4128/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-BLĐTBXH, ngày 12/3/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-CĐCD ngày 14/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí - KĐCL.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021 của nhà trường. Hội đồng bắt đầu làm việc kể từ ngày ký quyết định và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đoàn thể trực thuộc Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang và các Ông (Bà) có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT-KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Văn

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-CDGD ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hữu Văn	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Bà Trần Thị Thu Thủy	Phó Hiệu trưởng-CTGD	P. Chủ tịch HĐ	
3	Ông Lý Thanh Tùng	Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ	
4	Ông Trần Văn Trung	Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ	
5	Ông Nguyễn Văn Hiền	P.Trưởng phòng KT-KĐCL	Thư ký	
6	Ông Phan Thanh Quốc	Trưởng phòng KT-KĐCL	Thành viên	
7	Ông Lê Văn Dũng	P.Trưởng phòng KT-KĐCL	Thành viên	
8	Ông Phạm Văn Diệp	Trưởng phòng TC-HC	Thành viên	
9	Ông Nguyễn Văn Bảy	GD TTLKĐT&BDTX	Thành viên	
10	Ông Phạm Văn Nhung	Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
11	Ông Nguyễn Hữu Thượng	Trưởng phòng QTTB-TV	Thành viên	
12	Ông Dương Mộng Tuấn	TP NCKH-HTQT&DN	Thành viên	
13	Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều	Trưởng phòng QLĐT	Thành viên	
14	Bà Phan Thị Diệp Thúy	Trưởng phòng CTCT&DVSV	Thành viên	
15	Bà Lê Trương Ngọc Châu	Phó Bí thư Đoàn trường	Thành viên	
16	Ông Nguyễn Minh Thương	Trưởng khoa Kinh tế	Thành viên	
17	Ông Trần Văn Hạnh	Trưởng khoa Y - Dược	Thành viên	
18	Ông Bùi Thanh Tùng	Phó khoa Khoa học CB	Thành viên	
19	Ông Lê Hoàng Thế	Trưởng khoa Nông nghiệp	Thành viên	
20	Ông Võ Văn Thắng	Trưởng khoa Điện - Điện tử	Thành viên	
21	Ông Nguyễn Tấn Tài	Trưởng khoa Xây dựng	Thành viên	
22	Ông Trần Minh Triết	Phó Trưởng khoa Cơ khí	Thành viên	
23	Ông Võ Văn Liệt	Trưởng khoa Công nghệ	Thành viên	
24	Ông Nguyễn Văn Thành	GD Chi nhánh nhà máy Dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Thành viên	
25	Ông Nguyễn Chí Tâm	Tổng Thư ký Hiệp Hội Doanh Nghiệp tỉnh Hậu Giang	Thành viên	

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 822/LĐTBXH-TCGDNN ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn nội dung và mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 1323/TCGDNN-KĐCL ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-CĐCD ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021;

Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang phê duyệt Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021.

I. MỤC TIÊU TỰ ĐÁNH GIÁ

- Nhằm đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề của Nhà trường để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo.
- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh toàn Trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường Cao đẳng, qua đó huy động tất cả các đơn vị cùng thực hiện công tác tự kiểm định.
- Thu thập và xử lý các minh chứng để chứng minh mức độ đạt chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu trong hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

II. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

Thực hiện tự đánh giá theo quy trình được quy định tại Mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp cụ thể như sau:

- 1) Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- 2) Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- 3) Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- 4) Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

III. CÔNG CỤ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Sử dụng Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2. Sử dụng Hướng dẫn đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chi tiết tại Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

3. Áp dụng các biểu mẫu, hướng dẫn gợi ý tìm minh chứng của Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Sử dụng các văn bản Quy phạm pháp luật liên quan đến yêu cầu của từng chỉ số để tham chiếu.

5. Sử dụng phương pháp thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng.

IV. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Hoạt động chuẩn bị của Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp:

- Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp phân công cho thành viên phụ trách theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định.

- Nghiên cứu bộ tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan...

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc trường tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ.

- Dự kiến nguồn lực tài chính để thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.1. Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng của đơn vị mình phụ trách theo nội dung và thời gian quy định.

- Tiến hành thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan. Bên cạnh đó phân tích, chỉ rõ những điểm mạnh, những tồn tại và đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn của đơn vị mình phụ trách.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị, gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng của nhà trường.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn mà đơn vị phụ trách.

2.2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đồng:

- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các đơn vị thuộc trường.

- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).

- Đối chiếu, đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thống kê các văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng các chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của nhà trường, gửi các đơn vị thuộc trường để lấy ý kiến.

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng nhà trường.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đúng thời hạn quy định.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CỤ THỂ:

Stt	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách	Ghi chú
1	Ban Chấp hành Đảng bộ	<i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 9	1 TC
2	Phòng Quản lý đào tạo	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 4: Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường) <i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 2 <i>Tiêu chí 2:</i> Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 16, 17 <i>Tiêu chí 3:</i> Tiêu chuẩn 6	16 TC

		<i>Tiêu chí 4:</i> Tiêu chuẩn 7, 9	
3	Phòng Khảo thí - KĐCL	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Kết quả tự đánh giá (Mục 1: Đặt vấn đề Mục 2: Tổng quan chung: Căn cứ, mục đích, yêu cầu, phương pháp và các bước tiến hành tự đánh giá) <i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 7, 8 <i>Tiêu chí 2:</i> Tiêu chuẩn 12, 14, 15 <i>Tiêu chí 9:</i> Tiêu chuẩn 4, 5	7 TC
4	Phòng Tổ chức - Hành chính	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 1: Thông tin chung về trường Mục 2: Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường Mục 3: Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường) <i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 1, 3, 4, 5, 6, 11, 12 <i>Tiêu chí 3:</i> Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 <i>Tiêu chí 9:</i> Tiêu chuẩn 2	22 TC
5	Phòng Kế hoạch - Tài chính	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 5. Tài chính) <i>Tiêu chí 7:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 6	6 TC
6	Phòng QTTB - TV	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 5: Cơ sở vật chất, thư viện) <i>Tiêu chí 5:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 15	15 TC
7	Phòng CTCT & DVSV	<i>Tiêu chí 8:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 9 (trừ tiêu chuẩn 6) <i>Tiêu chí 9:</i> Tiêu chuẩn 1, 3, 6	11 TC
8	Phòng NCKH - HTQT&DN	<i>Tiêu chí 6:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 5	5 TC
9	Các khoa chuyên môn	<i>Tiêu chí 2:</i> Tiêu chuẩn 9, 13 <i>Tiêu chí 4:</i> Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15. Riêng khoa y dược đánh giá thêm tiêu chuẩn 6 của tiêu chí 8	15 TC + 1 TC riêng của khoa Y Dược
10	Công đoàn, Đoàn thanh niên	<i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 10	1 TC
Tổng cộng			100 TC

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG (có phụ lục kèm theo)

VII. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian	Nội dung công việc	Phụ trách
Từ 14/9 đến 17/9/2021	- Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng. - Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2021.	Phòng Khảo thí - KĐCL
Từ 20/9 đến 30/9/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá, hướng dẫn thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng năm 2021. - Các đơn vị xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng của đơn vị mình. - Phổ biến Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cho tất cả viên chức, nhân viên trong trường.	- Hội đồng TĐG - Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường
Từ 01/10 đến 30/10/2021	- Các đơn vị tiến hành thực hiện tự đánh giá chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. - Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị. - Họp nghiệm thu cấp đơn vị dự thảo báo cáo tự đánh giá của đơn vị mình (<i>Có thể mời các thành viên Hội đồng tự đánh giá dự</i>) - Các đơn vị gửi báo cáo kèm theo hồ sơ minh chứng cho Hội đồng tự đánh giá (qua Ban thư ký).	Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường
Từ 01/11 đến 05/11/2021	- Họp Hội đồng nghiệm thu báo cáo tự đánh giá của các đơn vị.	- Hội đồng TĐG - Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường
Từ 08/11 đến 23/11/2021	- Các đơn vị chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và viết phần cơ sở dữ liệu (có phân công cụ thể ở mục 5 của kế hoạch này) gửi cho Ban thư ký để tổng hợp.	Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường
Từ 24/11 đến 10/12/2021	- Ban thư ký tổng hợp báo cáo kết quả tự đánh giá (dự thảo lần 1). - Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo dự thảo lần 1. - Lấy ý kiến dự thảo báo cáo lần 1 (nếu có)	- Hội đồng TĐG - Ban thư ký - Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường
Từ 13/12 đến 24/12/2021	- Tổng hợp báo cáo dự thảo lần 2. - Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo dự thảo lần 2.	- Hội đồng TĐG - Ban thư ký
Từ 27/12 đến 31/12/2021	- Hoàn thiện, trình Hiệu trưởng ký duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng của nhà trường. - Công bố công khai báo cáo tự đánh giá chất lượng trong nội bộ nhà trường. - Lưu trữ, nộp báo cáo tự đánh giá chất lượng cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 31/12/2021.	- Hội đồng TĐG - Ban thư ký

*** Ghi chú:** Báo cáo kết quả tự đánh giá các đơn vị phải làm theo đúng mẫu quy định (có mẫu kèm theo), soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13.

VIII. KINH PHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ:

Có bảng dự trù kinh phí kèm theo

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của nhà trường, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân.

Yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường phải thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KT-KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Hữu Văn

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHỈ ĐẠO CỦA LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG
*(Kèm theo Kế hoạch số: 32/KH-CĐCĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 Về Kế hoạch thực hiện
tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021)*

TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị phụ trách chỉ đạo	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hữu Văn	Chủ tịch HĐ	- Phòng Tổ chức - Hành chính - Phòng Kế hoạch - Tài chính - Phòng Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế và Doanh nghiệp - Trung tâm Liên kết Đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên	
2	Bà Trần Thị Thu Thủy	Phó chủ tịch	- Phòng Quản lý Đào tạo - Phòng Khảo thí - Kiểm định chất lượng - Phụ trách Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên của Trường.	
3	Ông Trần Văn Trung	Phó Chủ tịch	- Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện - Khoa Điện - Điện tử - Khoa Công nghệ - Khoa Cơ khí - Khoa Nông nghiệp - Khoa Xây dựng	
4	Ông Lý Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	- Phòng Công tác chính trị và Dịch vụ sinh viên - Khoa khoa học Cơ bản - Khoa Y- Dược - Khoa Kinh tế	

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	1	1	1.1.01		- Số 1554/TTr-UBND ngày 02/7/2019 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc Thẩm định Đề án sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật vào Trường CĐCD Hậu Giang - Số 2982/BC-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc Báo cáo Báo cáo Hiệu quả Đề án sau sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật vào Trường CĐCD Hậu Giang
			1.1.02		- Thông tư 47/2016/TT- BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về điều lệ trường. - QĐ số 4128/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/8/2005 về việc thành lập trường CĐCD Hậu Giang của Bộ trưởng Bộ BGD&ĐT. - Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường CĐCD Hậu Giang.
			1.1.03		- Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011-2020
			1.1.04		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
			1.1.05		Công văn số 2115/BGDĐT-GDDH ngày 24/5/2021 về việc Thông báo chỉ tiêu đào tạo nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2021
			1.1.06		Kế hoạch số 02/KH-CTCTHSSV ngày 27/7/2020 về việc khảo sát tình hình HSSV tốt nghiệp có việc làm về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại các đơn vị sử dụng lao động.
			1.1.07		Công bố mục tiêu sứ mạng của trường trên, website của Trường.
	1	2		1.1.03	Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011 - 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			1.2.01		Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 06/01/2016 của UBND tỉnh Hậu Giang Chương trình Thực hiện chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang
			1.2.02		Biên bản họp Hội đồng trường xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo năm 2021
				1.1.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHHĐ - TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHHĐ - TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
	1	3		1.1.02	- QĐ số 4128/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/8/2005 về việc thành lập trường CĐCD Hậu Giang của Bộ trưởng Bộ BGD&ĐT. - Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.
			1.3.01		- Quyết định 197/QĐ-CĐCD ngày 27/4/2020 về việc thành lập Phòng Tổ chức - Hành chính trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - QĐ 198/QĐ-CĐCD ngày 27/4/2020 về việc thành lập Phòng QLĐT trực thuộc Trường CĐCD HG - Quyết định 199/QĐ-CĐCD ngày 27/4/2020 về việc thành lập Phòng Khảo thí - Kiểm định chất lượng trực thuộc Trường CĐCD Hậu Giang. - Quyết định 200/QĐ-CĐCD ngày 27/4/2020 về việc thành lập Phòng Kế hoạch - Tài chính trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - Quyết định 201/QĐ-CĐCD ngày 27/4/2020 về việc thành lập Phòng QT-TB-TV trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - Quyết định 202/QĐ-CĐCD ngày 27/4/2020 về việc thành lập Phòng Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế và Doanh nghiệp trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - Quyết định 203/QĐ-CĐCD ngày 27/4/2020 về việc thành lập Phòng CTCT&DVSV trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					- Quyết định 204/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 về việc thành lập Trung tâm LKĐT&BDTX trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - QĐ 205/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 về việc thành lập Trường MNTH trực thuộc Trường CĐCĐ HG - QĐ 206/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 về việc thành lập Khoa Sư phạm trực thuộc Trường CĐCĐ HG - Quyết định 207/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 về việc thành lập Khoa Khoa học cơ bản trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - Quyết định 208/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 về việc thành lập Khoa Kinh tế trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - Quyết định 209/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 về việc thành lập Khoa Y - Dược trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - Quyết định 210/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 về việc thành lập Khoa Nông nghiệp trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - Quyết định 211/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 về việc thành lập Khoa Điện - Điện tử trực thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - QĐ 212/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 về việc thành lập Khoa Xây dựng trực thuộc Trường CĐCĐ HG - QĐ 213/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 v/v thành lập Khoa Cơ khí trực thuộc Trường CĐCĐ Hậu Giang. - QĐ 214/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 V/v thành lập Khoa Công nghệ trực thuộc Trường CĐCĐ HG
			1.3.02		Quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021.
				1.1.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
				1.1.05	Công văn số 2115/BGDĐT-GDĐH ngày 24/5/2021 về việc Thông báo chỉ tiêu đào tạo nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2021
			1.3.03		Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Hậu Giang;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	1	4		1.3.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Hậu Giang;
			1.4.01		- Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. - Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Quyết định số 383/QĐ-CĐCĐ ngày 20/8/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 và Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
				1.3.02	Quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021.
			1.4.02		Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 6/7/2021 về việc thành lập Hội đồng Trường
			1.4.03		Quyết định số 30/QĐ-CĐCĐ ngày 19/01/2021 của HT Trường CĐCĐ Hậu Giang V/v ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động Trường CĐCĐ Hậu Giang;
			1.4.04		Chương trình số 13-CTr/ĐU ngày 06/10/2021 của Đảng ủy Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang thống nhất cho chủ trương về việc chỉ đạo rà soát vị trí việc làm, sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy các phòng khoa chức năng và định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức QL
			1.4.05		Quyết định số: 490/QĐ-CĐCĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2021 của trường CĐCĐ Hậu Giang về Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện rà soát vị trí việc làm, sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy phòng, khoa chức năng thuộc trường CĐCĐ Hậu Giang;
	1	5		1.3.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của HT Trường CĐCĐHG V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Hậu Giang;
				1.1.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
			1.5.01		Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10/2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021 - 2022.
			1.5.02		BB xét Thi đua - Khen thưởng NH 2020 - 2021 đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị.
	1	6		1.4.02	Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 6/7/2021 về việc thành lập Hội đồng Trường
			1.6.01		- QĐ Số 66/QĐ-CĐCĐ ngày 26/01/2021 thành lập Hội đồng tuyển sinh. - QĐ số 129/QĐ-CĐCĐ-HĐTS ngày 01/3/2021 v/v thành lập Ban tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp trực tiếp trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp của trường Cao đẳng Cộng đồng HG năm 2021 - Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều trong Quy chế tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021. Số: 384/QĐ-CĐCĐ ngày 20/8/2021
				1.3.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của HT Trường CĐCĐHG V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Hậu Giang;
			1.6.02		Quyết định số 64/QĐ-CĐCĐ ngày 26/01/2021 về việc quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo.
				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10/2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020 - 2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021 - 2022.
			1.6.03		- Quyết định số 434/QĐ-CĐCĐ ngày 14/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Công nhận danh hiệu LĐTĐ cho các tập thể và cá nhân năm học 2020 - 2021. - Quyết định số 436/QĐ-CĐCĐ ngày 14/9 /2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc tặng giấy khen cho các tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020 - 2021. - Quyết định số 435/QĐ-CĐCĐ ngày 14/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2020 - 2021.
	1	7	1.7.01		Quyết định số 199/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Về việc thành lập phòng Khảo thí - KĐCL trực thuộc trường CĐCĐ Hậu Giang
				1.3.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Hậu Giang;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			1.7.02		BC TK công tác hàng năm của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường năm 2021
				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10/2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020 - 2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.
			1.7.03		Kế hoạch Số: 33/KH-CĐCĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Về việc Kiểm tra Hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang năm 2021
			1.7.04		Báo cáo Số: 82/BC-CĐCĐ ngày 30/11/2021 của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang về Kết quả kiểm tra việc thực hiện các quy trình bảo đảm chất lượng Trường CĐCĐ Hậu Giang năm 2021
			1.7.05		Quyết định số 313 /QĐ-CĐCĐ ngày 16/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Về việc công bố Sổ tay chất lượng, Chính sách chất lượng; Mục tiêu chất lượng và Hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng của trường CĐCĐ Hậu Giang
	1	8		1.7.01	Quyết định số 199/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Về việc thành lập phòng Khảo thí - KĐCL trực thuộc trường CĐCĐ Hậu Giang
				1.3.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Hậu Giang
				1.7.02	BC TK công tác hàng năm của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường năm 2021
				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10/.2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021 - 2022.
			1.8.01		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN năm, 2018, 2019, 2020
			1.8.02		Quyết định số 1342/QĐ-UBND, ngày 11/09/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang Khen thưởng Tập thể lao động xuất sắc năm học 2017-2018 Quyết định số 1341/QĐ-UBND, ngày 11/09/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang Tặng Bằng khen của UBND tỉnh năm học 2017-2018 Quyết định số 1816/QĐ-TTg, ngày 17/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Tặng Bằng khen của TTCP năm học 2018 - 2019 Quyết định số 434/QĐ-CĐCĐ ngày 14/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang quyết định

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến năm học 2020 - 2021
	1	9	1.9.01		Quyết định số 4291-QĐ/ĐUK ngày 06/7/2015 của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh Hậu Giang về việc chuẩn y kết quả bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang lần thứ III, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Quyết định số 424-QĐ/ĐUK ngày 04/6/2020 của Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang về việc chuẩn y Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025
			1.9.02		Kế hoạch số 51-KH/ĐU, ngày 04/5/2020 và Quyết định số 79-QĐ/ĐU ngày, 04/5/2020 về việc sáp nhập, đổi tên, đặt tên và thành lập các Chi bộ trực thuộc Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang.
			1.9.03		Nghị quyết số 70-NQ/ĐU ngày 24/01/2019 nhiệm vụ công tác năm 2019 và Nghị quyết số 78-NQ/ĐU ngày 13/01/2020 nhiệm vụ công tác năm 2020
			1.9.04		Báo cáo số 17-BC/ĐU ngày 15/01/2021 của Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang về việc tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020.
			1.9.05		Báo cáo số 37-BC/ĐU ngày 02/11/2021 của Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang về việc tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2021.
			1.9.06		Báo cáo số 40/BC-CĐCD ngày 23/10/2020 về việc kết quả thực hiện Nghị quyết năm học 2019-2020 của Trường CĐCD Hậu Giang.
				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCD ngày 30/10/2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.
			1.9.07		Bảng tự chấm điểm đánh giá tổ chức cơ sở Đảng năm 2021
	1	10		1.3.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCD ngày 14/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.
			1.10.01		Quyết định số 353/QĐ-LĐLĐ ngày 09/10/2017 của Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Hậu Giang v/v chuẩn y BCH, BTV, CT, PCT, UBKT CĐCS trường CĐCD Hậu Giang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2017-2022 Quyết định số 460/QĐ-LĐLĐ ngày 10/6/2020 của Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Hậu Giang v/v công nhận

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					kết quả bầu bổ sung UVBCH CĐCS trường CĐCD Hậu Giang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2017-2022 Quyết định số 06/QĐ-CD ngày 12/6/2020 của BCH Công đoàn trường CĐCD Hậu Giang v/v kiện toàn Ban Nữ công quản chúng CĐCS trường CĐCD Hậu Giang Quyết định số 126-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 10/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Hậu Giang v/v công nhận BCH Đoàn TNCSHCM trường CĐCD Hậu Giang khóa V, nhiệm kỳ 2019-2022
			1.10.02		Kế hoạch số 01/KH-CD ngày 08/01/2021 của BCH CĐCS trường CĐCD Hậu Giang Kế hoạch hoạt động của BCH Công đoàn trường CĐCD Hậu Giang năm 2021. Chương trình số 07-CTr/ĐTN ngày 18/3/2021 của BTV Đoàn trường CĐCD Hậu Giang về Công tác đoàn và phong trào Thanh thiếu nhi năm 2021.
			1.10.03		Báo cáo số 15/BC-CĐCS ngày 30/6/2021 của BCH Công đoàn cơ sở Trường CĐCD Hậu Giang Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng mái ấm Công đoàn. Báo cáo số 17/BC-CĐCS ngày 28/10/2021 của BCH Công đoàn cơ sở Trường CĐCD Hậu Giang Báo cáo kết quả thực hiện công trình "trường học xanh" năm 2021. Báo cáo số 18/BC-CĐCS ngày 06/11/2021 của BCH Công đoàn cơ sở Trường CĐCD Hậu Giang Báo cáo năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.
			1.10.04		BC số 85-BC/ĐTN ngày 20/10/2021 của BTV Đoàn trường Tổng kết công tác Đoàn và PTTN 2021
			1.10.05		Quyết định số 206-QĐKT/TĐTN-VP ngày 28/12/2020 của BTV Tỉnh đoàn Hậu Giang Khen thưởng tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Hậu Giang năm 2020.
	1	11	1.11.01		Quyết định số 18/QĐ-CDCD ngày 14/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Ban Tự Kiểm tra - Thanh tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp tại các phòng, khoa chức năng trực thuộc trường CĐCD Hậu Giang.
			1.11.02		KH số 03/KH-CDCD ngày 18/01/2021 về việc Tự Kiểm tra - Thanh tra nội bộ việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang năm học 2020-2021.
			1.11.03		Kế hoạch số 08/KH-CDCD, ngày 02/3/2021 V/v kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản năm 2021.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			1.11.04		Quyết định số 167/QĐ-CĐCĐ ngày 31/8/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.
	1	12	1.12.01		Quyết định số 751/QĐ-CĐCĐ ngày 08/4/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Ban hành quy định về việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho viên chức người lao động.
			1.12.02		Báo cáo số 55/BC-CĐCĐ ngày 28/9/2021 về việc thực hiện chế độ chính sách cho viên chức và người lao động.
			1.12.03		Danh sách viên chức được hưởng phụ cấp ưu đãi 25% và 40% đối với giảng viên ngành sư phạm năm 2021.
			1.12.04		Danh sách viên chức được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp nặng nhọc, độc hại năm 2021.
			1.12.05		Quyết định số 828/QĐ-CĐCĐ ngày 16/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc phê duyệt chức danh trưởng phó, phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường CĐCĐ Hậu Giang giai đoạn 2020-2025 (A1) QĐ số 852/QĐ-CĐCĐ ngày 22/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung chức danh phó phòng, khoa CTCT&DVSV thuộc Trường CĐCĐ HG giai đoạn 2020-2025 (A1)
			1.12.06		Danh sách cử viên chức đi học tập năm 2021 của trường.
			1.12.07		QĐ số 106/QĐ-CĐCĐ ngày 19/2/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với CC, viên chức và người lao động.
	2	1		1.1.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
			2.1.01		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo: - Quyết định số 573/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán doanh nghiệp trình độ trung cấp (kèm theo chương trình đào tạo).

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					- Quyết định số 574/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán hành chính sự nghiệp trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 575/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 576/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Quản trị mạng máy tính trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 577/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 578/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề May thời trang trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 579/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 580/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 581/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 582/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 583/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 584/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Chế biến và bảo quản thủy sản trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 585/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 586/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Quản lý đất đai trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>).

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					- Quyết định số 769/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 770/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Tiếng Anh trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 771/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Tin học ứng dụng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 772/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Thiết kế và quản lý website trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 773/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 774/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 775/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Dịch vụ thú y trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 776/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 777/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Y sỹ trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 778/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Quản trị văn phòng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 779/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 780/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Tài chính – Ngân hàng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 781/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Thú y trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>).

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					- Quyết định số 782/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Được trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 304/QĐ-CĐCĐ ngày 07/6/2021 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 305/QĐ-CĐCĐ ngày 07/6/2021 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 306/QĐ-CĐCĐ ngày 07/6/2021 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>).
			2.1.02		Quyết định ban hành Quy định chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ đối với đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: số 189/QĐ-CĐCĐ ngày 01/4/2021 của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang
	2	2	2.2.01		Quy chế tuyển sinh năm 2021, Số: 63/QĐ-CĐCĐ ngày 26/01/2021 Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều trong Quy chế tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021, Số: 384/QĐ-CĐCĐ ngày 20/8/2021
	2	3	2.3.01		Kế hoạch tuyển sinh, Số: 05/KH-CĐCĐ-HĐTS ngày 27/01/2021.
			2.3.02		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh số: 66/QĐ-CĐCĐ ngày 26/01/2021 QĐ thành lập Ban tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp trực tiếp trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang năm 2021. Số: 90/QĐ-CĐCĐ-HĐTS ngày 28/01/2021
			2.3.03		Thông báo tuyển sinh Số: 06/TB-CĐCĐ ngày 28/01/2021
			2.3.04		Danh sách người đăng ký học (<i>kèm theo hồ sơ đăng ký</i>)
			2.3.05		Báo cáo kết quả tuyển sinh về Sở LĐ – TBXH Hậu Giang, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thông qua phần mềm quản lý tuyển sinh năm 2021. http://qltuyensinh.gdnn.gov.vn/
			2.3.06		Thông báo Điểm chuẩn xét tuyển ngành Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng hệ Chính quy năm 2021 Số: 79/QĐ-CĐCĐ-HĐTS ngày 23/9/2021
			2.3.07		- Các Quyết định trúng tuyển

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt tháng 3), Số: 190/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 01/4/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt tháng 3) Số: 191/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 01/4/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt tháng 7) Số: 366/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 05/8/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề trình độ Trung cấp hệ Chính quy (đợt tháng 7), Số: 367/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 05/8/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt tháng 8) Số: 424/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 06/9/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt tháng 8) Số: 425/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 06/9/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt tháng 9), Số: 441/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 15/9/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính (đợt tháng 9) Số: 442/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 15/9/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt tháng 9 bổ sung 1), Số: 464/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 29/9/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt tháng 9 bổ sung 1), Số: 465/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 29/9/2021 Quyết định về việc công nhận thí sinh trúng tuyển ngành Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng hệ chính quy năm 2021, Số: 466/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 29/9/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt tháng 10) Số: 478/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 04/10/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt tháng 10 bổ sung 01), Số: 484/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 05/10/2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt tháng 10 bổ sung 01), Số: 485/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 05/10/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt tháng 10 bổ sung 02), Số: 494/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 14/10/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt tháng 10 bổ sung 02), Số: 495/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 14/10/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt tháng 10 bổ sung 03), Số: 507/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 21/10/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt tháng 10 bổ sung 03), Số: 508/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 21/10/2021 Quyết định về việc công nhận thí sinh trúng tuyển ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy năm 2021 (Đợt bổ sung 01), Số: 551/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 08/11/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt tháng 11) Số: 573/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 10/11/2021 Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành/nghề trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt tháng 11), Số: 575/QĐ-HĐTS-CĐCĐ ngày 10/11/2021
			2.3.08		- Các Quyết định mở lớp Quyết định mở lớp Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy năm 2021, Số: 486/QĐ-CĐCĐ ngày 06/10/2021 Quyết định về việc mở các lớp đào tạo trình độ Trung cấp, hệ chính quy năm 2021 (đợt 1), Số: 487/QĐ-CĐCĐ ngày 06/10/2021 Quyết định về việc mở các lớp đào tạo trình độ Cao đẳng, hệ chính quy năm 2021 (đợt 1), Số: 488/QĐ-CĐCĐ ngày 06/10/2021 - Các Quyết định thu nhận học sinh/sinh viên Quyết định thu nhận sinh viên các lớp đào tạo trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt 1), Số: 511/QĐ-CĐCĐ ngày 22/10/2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Quyết định thu nhận sinh viên các lớp đào tạo trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt 1), Số: 512/QĐ-CĐCĐ ngày 22/10/2021 Quyết định thu nhận sinh viên các lớp đào tạo trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt 2), Số: 546/QĐ-CĐCĐ ngày 04/11/2021 Quyết định thu nhận sinh viên các lớp đào tạo trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt 2), Số: 547/QĐ-CĐCĐ ngày 04/11/2021 Quyết định về việc thu nhận sinh viên lớp Giáo dục mầm non khoá 16 trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy năm 2021 (Đợt bổ sung 01), Số: 574/QĐ-CĐCĐ ngày 10/11/2021 Quyết định về việc huỷ kết quả trúng tuyển, nhập học của sinh viên lớp Giáo dục mầm non khoá 16 Số: 538/QĐ-CĐCĐ ngày 03/11/2021
	2	4	1.4.01		- Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. - Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 383/QĐ-CĐCĐ ngày 20/8/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 và Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
			2.4.01		Kế hoạch đào tạo các lớp.
			2.4.02		Danh sách học sinh các lớp năm 2021 (theo ngành, nghề)
	2	5	2.1.01		
			2.4.02		
			2.5.01		Kế hoạch đào tạo toàn khóa
			2.5.02		Tiến độ đào tạo năm học 2020 - 2021;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.5.03		Kế hoạch đào tạo năm học 2020 - 2021;
	2	6	2.6.01		Kế hoạch phân công giảng dạy 2020 - 2021;
			2.6.02		Sổ lên lớp. Tổng cộng: 46 lớp (29 Cao đẳng, 17 Trung cấp)
	2	7	2.7.01		Hợp đồng thực tập tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang;
			2.7.02		Hợp đồng thực tập tại Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Hậu Giang
			2.7.03		Kế hoạch đi thực tập thực tế (của các Khoa) - Khoa Nông nghiệp - Khoa Điện – Điện tử - Khoa Công nghệ - Khoa Cơ khí - Khoa Y – Dược - Khoa Kinh tế - Khoa Xây dựng
			2.7.04		Giấy giới thiệu học sinh, sinh viên thực tập
			2.7.05		Báo cáo kết quả thực tập (lưu tại Khoa) - Khoa Nông nghiệp - Khoa Điện – Điện tử - Khoa Công nghệ - Khoa Cơ khí - Khoa Y – Dược - Khoa Kinh tế - Khoa Xây dựng
	2	8	2.8.01		Kế hoạch giảng dạy tại cơ sở (của các Khoa) - Khoa Điện – Điện tử - Khoa Cơ khí

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.8.02		Đề cương chi tiết môn học, mô đun Giáo án điện tử
			2.8.03		KH số 29/KH-CĐCĐ ngày 10/8/2021 Kế hoạch về việc Hội thi thiết kế dạy học trực tuyến năm 2021. BC số 64/BC-CĐCĐ ngày 16/9/2021 Báo cáo kết quả Hội thi thiết kế dạy học trực tuyến năm 2021. Kế hoạch số 36/KH-CĐCĐ ngày 18/10/2021 Kế hoạch về việc Hội thi thiết kế dạy học trực tuyến lần 2 - năm 2021.
	2	9	2.9.01		Công văn số 973/UBND-VX ngày 25 tháng 6 năm 2013 Chủ trương đầu tư xây dựng hệ thống thông tin tích hợp quản lý trường học của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Quyết định số 17/QĐSKH&ĐT ngày 6 tháng 9 năm 2013 báo cáo đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống tích hợp thông tin quản lý trường học của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
			2.9.02		Danh sách các phần mềm khoa sử dụng: Inventor, AutoCad, Carmin STD, Auto Codes.....
			2.9.03		Biên bản họp khoa về triển khai sử dụng phần mềm: Inventor, AutoCad, Carmin STD, Auto Codes....
			2.9.04		Quyết định số 480/QĐ-CĐCĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về đào tạo trực tuyến
	2	10	2.10.01		Kế hoạch số 9A/KH-QLĐT ngày 21/2/2021 của Phòng QLĐT về việc tổ chức kiểm tra giám sát công tác đào tạo năm học 2020 - 2021
			2.10.02		Báo cáo số 35A/BC-QLĐT ngày 30/7/2021 của phòng QLĐT về báo cáo kết quả kiểm tra theo Kế hoạch số 21/KH-CĐCĐ ngày 01/6/2021 về việc kiểm tra hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm học 2020 – 2021.
	2	11		2.10.02	Báo cáo số 35A/BC-QLĐT ngày 30/7/2021 của phòng QLĐT về báo cáo kết quả kiểm tra theo Kế hoạch số 21/KH-CĐCĐ ngày 01/6/2021 về việc kiểm tra hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm học 2020 – 2021.
	2	12		1.4.01	- Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. - Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					- Quyết định số 383/QĐ-CĐCĐ ngày 20/8/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 và Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
			2.12.01		Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 26/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Ban hành quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng
	2	13	2.13.01		Danh sách nghề đào tạo theo: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
			2.13.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá
			2.13.03		Quyết định cử giáo viên thực tập tại doanh nghiệp.
			2.13.04		Báo cáo kết quả thực tập tại doanh nghiệp
	2	14	2.14.01		- Quyết định số 638/QĐ-CĐCĐ ngày 01/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Ban thư ký kỳ thi tốt nghiệp các lớp trung cấp K14 hệ chính quy - Quyết định số 622/QĐ-CĐCĐ ngày 29/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Ban chấm thi tốt nghiệp các lớp trung cấp K14 hệ chính quy - Quyết định số 620/QĐ-CĐCĐ ngày 29/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Ban đề thi tốt nghiệp các lớp trung cấp K14 hệ chính quy - Quyết định số 539/QĐ-CĐCĐ ngày 3/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Hội đồng thi kết thúc học kỳ II, 2020 - 2021 - Quyết định số 550/QĐ-CĐCĐ ngày 8/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Ban coi thi kết thúc học kỳ II, 2020 - 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.14.02		- Quyết định số 345/QĐ-CĐCĐ ngày 7/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp năm 2021 cho SV bậc cao đẳng hệ chính quy- Quyết định số 664/QĐ-CĐCĐ ngày 6/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Công nhận HS đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp trung cấp chính quy khóa 14 năm 2021
			2.14.03		- Quyết định số 410/QĐ-CĐCĐ ngày 30/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc công nhận tốt nghiệp cho SV bậc cao đẳng hệ chính quy đợt 1 năm 2021 - Quyết định số 558/QĐ-CĐCĐ ngày 8/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc công nhận tốt nghiệp cho SV bậc cao đẳng hệ chính quy đợt 2 năm 2021
			2.14.04		Báo cáo tình hình sử dụng, cấp phát văn bằng chứng chỉ hàng năm
	2	15		1.4.01	- Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. - Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 383/QĐ-CĐCĐ ngày 20/8/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 và Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
				2.12.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 26/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Ban hành quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng
	2	16			Không có minh chứng
	2	17	2.17.01		Quyết định số 165/QĐ-CĐCĐ ngày 24/4/2019 về việc phân công viên chức phụ trách quản trị phần mềm quản lý đào tạo và khai thác văn bản thông quan hệ thống quản lý văn bản của tỉnh.
			2.17.02		Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo được tổ chức quản lý thành website quản lý đào tạo (hình chụp giao diện website)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.7.02	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường năm 2021
	3	1	3.1.01		Quy trình tuyển dụng (Ban hành kèm theo QĐ số 313/QĐ-CĐCĐ Hậu Giang ngày 16/6/2021 V/v công bố Sổ tay chất lượng, Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng và Hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
			3.1.02		Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng viên chức (Ban hành kèm theo QĐ số 113/QĐ-CĐCĐ Hậu Giang ngày 05/3/2020 V/v công bố Sổ tay chất lượng, Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng và Hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
			3.1.03		Quyết định số 29/QĐ-CĐCĐ ngày 18/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường CĐCĐ Hậu Giang;
			3.1.04		Kế hoạch số 16/KH-CĐCĐ ngày 10/7/2019 Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT cho VC, NLĐ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo.
				1.12.05	- Quyết định số 828/QĐ-CĐCĐ ngày 16/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc phê duyệt chức danh trưởng phó, phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường CĐCĐ Hậu Giang giai đoạn 2020-2025 (A1) - Quyết định số 852/QĐ-CĐCĐ ngày 22/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung chức danh phó phòng, khoa CTCT&DVSV thuộc Trường CĐCĐ Hậu Giang giai đoạn 2020-2025 (A1)
	3	2		1.12.05	- Quyết định số 828/QĐ-CĐCĐ ngày 16/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc phê duyệt chức danh trưởng phó, phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường CĐCĐ Hậu Giang giai đoạn 2020-2025 A1) - Quyết định số 852/QĐ-CĐCĐ ngày 22/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung chức danh phó phòng, khoa CTCT&DVSV thuộc Trường CĐCĐ Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025 A1)
			3.2.01		Quyết định 361/QĐ-CĐCĐ, ngày 30/7/2021 về việc thành lập Hội đồng đánh giá, phân loại viên chức năm học 2020 - 2021.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			3.2.02		Quyết định số 431/QĐ-CĐCĐ ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2020 - 2021.
			3.2.03		Báo cáo số 57/BC-CĐCĐ ngày 02/8/2021 về việc Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ năm học 2020 - 2021.
				1.12.02	Báo cáo số 14/BC-CĐCĐ, ngày 10/3/2021 v/v thực hiện chế độ chính sách cho viên chức và người lao động năm học 2020 - 2021.
				1.12.03	Danh sách viên chức được hưởng phụ cấp ưu đãi 25% và 40% đối với giảng viên ngành sư phạm năm học 2020 - 2021.
				1.12.05	Danh sách viên chức được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp nặng nhọc, độc hại năm học 2022 - 2021.
	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, tên môn học, mô đun, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học.năm học 2021 - 2022
			3.3.02		Danh mục hồ sơ quản lý có theo quy định năm học 2022 - 2021.
			3.3.03		Báo cáo số 40/BC-CĐCĐ ngày 25/9/2021 về việc trình độ chuyên môn của viên chức (kèm danh sách trích ngang của đội ngũ nhà giáo).
				3.2.03	Báo cáo số 57/BC-CĐCĐ ngày 02/8/2021 về việc Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ năm học 2020 - 2021.
	3	4		1.3.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.
				3.3.03	Báo cáo số 40/BC-CĐCĐ ngày 25/9/2021 về việc trình độ chuyên môn của viên chức (kèm danh sách trích ngang của đội ngũ nhà giáo).
				3.3.02	Danh mục hồ sơ quản lý có theo quy định năm học 2022-2021.
				3.2.02	Quyết định số 431/QĐ-CĐCĐ ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2020-2021.
	3	5		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, tên môn học, mô đun, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			3.5.01		Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 Ban hành chuẩn về nghề nghiệp giáo viên cơ sở phổ thông.
				1.6.03	Quyết định số 64/QĐ-CĐCĐ ngày 26/01/2021 về việc quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo.
			3.5.02		Kế hoạch đào tạo các lớp, khóa năm học 2020-2021.
				2.3.08	- Các Quyết định mở lớp Quyết định mở lớp Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy năm 2021, Số: 486/QĐ-CĐCĐ ngày 06/10/2021 Quyết định về việc mở các lớp đào tạo trình độ Trung cấp, hệ chính quy năm 2021 (đợt 1), Số: 487/QĐ-CĐCĐ ngày 06/10/2021 Quyết định về việc mở các lớp đào tạo trình độ Cao đẳng, hệ chính quy năm 2021 (đợt 1), Số: 488/QĐ-CĐCĐ ngày 06/10/2021 - Các Quyết định thu nhận học sinh/sinh viên Quyết định thu nhận sinh viên các lớp đào tạo trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt 1), Số: 511/QĐ-CĐCĐ ngày 22/10/2021 Quyết định thu nhận sinh viên các lớp đào tạo trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt 1), Số: 512/QĐ-CĐCĐ ngày 22/10/2021 Quyết định thu nhận sinh viên các lớp đào tạo trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy (đợt 2), Số: 546/QĐ-CĐCĐ ngày 04/11/2021 Quyết định thu nhận sinh viên các lớp đào tạo trình độ Trung cấp, hệ Chính quy (đợt 2), Số: 547/QĐ-CĐCĐ ngày 04/11/2021 Quyết định về việc thu nhận sinh viên lớp Giáo dục mầm non khoá 16 trình độ Cao đẳng, hệ Chính quy năm 2021 (Đợt bổ sung 01), Số: 574/QĐ-CĐCĐ ngày 10/11/2021 Quyết định về việc huỷ kết quả trúng tuyển, nhập học của sinh viên lớp Giáo dục mầm non khoá 16 Số: 538/QĐ-CĐCĐ ngày 03/11/2021
			3.5.03		Tổng hợp giờ giảng nhà giáo năm học 2020 - 2021
			3.5.04		Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2020 - 2021
	3	6		2.5.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2020 - 2021;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				2.6.01	Kế hoạch phân công giảng dạy 2020 - 2021;
				3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy.
				2.6.02	Sổ lên lớp, tổng cộng: 46 lớp (29 Cao đẳng, 17 Trung cấp)
	3	7	3.7.01		Số 53/CĐCĐ ngày 26/11/2020 về việc đăng ký bồi dưỡng năm 2021
				3.1.04	Kế hoạch số 16/KH-CĐCĐ ngày 10/7/2019 Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT cho CCVC, NLĐ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo.
				1.12.06	Danh sách cử viên chức đi học tập năm 2021 của Trường.
				1.12.02	BC số 55/BC-CĐCĐ ngày 28/9/2021 về việc thực hiện chế độ chính sách cho viên chức và người LĐ
	3	8		3.1.04	Kế hoạch số 16/KH-CĐCĐ ngày 10/7/2019 Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT cho CCVC, NLĐ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo.
				1.12.06	Danh sách cử viên chức đi học tập năm 2021 của Trường.
	3	9		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, tên môn học, mô đun, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học.
			3.9.01	2.7.01	- HĐ số 08/HĐHDSVTT-CĐCĐ ngày 15/6/2020 thực tập tại Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm Hậu Giang. - Hợp đồng số 31/HĐHDSVTT-CĐCĐ ngày 20/7/2020. - Kế hoạch đi thực tập thực tế
				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10/2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.
			3.9.02		Danh sách đào tạo bồi dưỡng ngành Sư phạm, Y- Dược.
	3	10	3.10.01		Báo cáo Tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo năm 2021.
	3	11	3.11.01		Danh sách trích ngang BGH Trường CĐCĐ Hậu Giang
			3.11.02		Danh mục hồ sơ của Ban giám hiệu: Quyết định bổ nhiệm, văn bằng, chứng chỉ.
				3.2.02	Quyết định số 431/QĐ-CĐCĐ ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2020-2021.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10./2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.
	3	12		1.3.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Hậu Giang;
			3.12.01		Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị thuộc Trường.
			3.12.02		- Quyết định số 170/QĐ-CĐCĐ ngày 29/3/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ Phó Trưởng khoa Khoa học cơ bản Trường CĐCĐ Hậu Giang (Bùi Thanh Tùng). - Quyết định số 65/QĐ-CĐCĐ ngày 26/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ Phó Trưởng khoa Sư phạm Trường CĐCĐ Hậu Giang (Trương Trần Phương Thảo).
	3	13		3.12.01	Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị thuộc Trường.
			3.13.01		Danh mục hồ sơ của Trường/Phó các đơn vị trong trường.
				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10./2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.
				3.2.02	Quyết định số 431/QĐ-CĐCĐ ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2020-2021.
				3.9.02	Danh sách đào tạo bồi dưỡng ngành Sư phạm, Y- Dược.
	3	14		3.1.04	Kế hoạch số 16/KH-CĐCĐ ngày 10/7/2019 Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT cho CCVC, NLĐ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo.
				1.12.06	Danh sách cử viên chức đi học tập năm 2021 của Trường.
	3	15	3.15.01		Danh sách trích ngang nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động: họ và tên, trình độ đào tạo, vị trí công tác.
				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10./2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				1.12.06	Danh sách cử viên chức đi học tập năm 2021 của Trường.
	4	1		1.1.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
				2.1.01	Quyết định ban hành Chương trình đào tạo: - Quyết định số 573/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán doanh nghiệp trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 574/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán hành chính sự nghiệp trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 575/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 576/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Quản trị mạng máy tính trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 577/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 578/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề May thời trang trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 579/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 580/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 581/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 582/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>).

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					- Quyết định số 583/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 584/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Chế biến và bảo quản thủy sản trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 585/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 586/QĐ-CĐCĐ ngày 29/7/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Quản lý đất đai trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 769/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 770/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Tiếng Anh trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 771/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Tin học ứng dụng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 772/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Thiết kế và quản lý website trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 773/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 774/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 775/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Dịch vụ thú y trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 776/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 777/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Y sỹ trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>).

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					- Quyết định số 778/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Quản trị văn phòng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 779/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 780/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Tài chính – Ngân hàng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 781/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Thú y trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 782/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Dược trình độ trung cấp (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 304/QĐ-CĐCĐ ngày 07/6/2021 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 305/QĐ-CĐCĐ ngày 07/6/2021 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Điện công nghiệp trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>). - Quyết định số 306/QĐ-CĐCĐ ngày 07/6/2021 Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành, nghề Kỹ thuật xây dựng trình độ cao đẳng (<i>kèm theo chương trình đào tạo</i>).
	4	2	4.2.01		Các Quyết định thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng. QĐ số 62/QĐ/CĐCĐ ngày 25/01/2021 về việc TL ban xây dựng chương trình đào tạo năm 2021 QĐ thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo trung cấp Công nghệ ô tô và Cắt gọt kim loại.
			4.2.02		Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo: Quyết định 125/QĐ-TTCKTCN ngày 24/5/2017, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trung cấp Công nghệ ô tô và Cắt gọt kim loại Quyết định số: 350/QĐCĐCĐ ngày 9 tháng 10 năm 2019 về việc thành lập ban điều chỉnh chương trình đào tạo Quyết định 230/QĐ-CĐCĐ ngày 28/4/2021, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			4.2.03		Các Biên bản thẩm định chương trình đào tạo
				2.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo:
	4	3		2.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo:
			4.3.01		Quyết định ban hành chuẩn đầu ra: số 394/QĐ-CĐCĐ ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang
	4	4		4.2.01	Các Quyết định thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng. QĐ số 62/QĐ/CĐCĐ ngày 25/01/2021 về việc thành lập ban XD chương trình đào tạo năm 2021 QĐ thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo trung cấp Công nghệ ô tô và Cắt gọt kim loại.
				4.2.02	Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo: Quyết định 125/QĐ-TTCKTCN ngày 24/5/2017, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trung cấp Công nghệ ô tô và Cắt gọt kim loại Quyết định số: 350/QĐCĐCĐ ngày 9 tháng 10 năm 2019 về việc thành lập ban điều chỉnh chương trình đào tạo Quyết định 230/QĐ-CĐCĐ ngày 28/4/2021, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng
				4.2.03	Các Biên bản thẩm định chương trình đào tạo
				2.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo:
				4.2.01	Các Quyết định thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng. Quyết định số 62/QĐ/CĐCĐ ngày 25/01/2021 về việc thành lập ban xây dựng chương trình đào tạo năm 2021 QĐ thành lập Tổ biên soạn chương trình đào tạo trung cấp Công nghệ ô tô và Cắt gọt kim loại.
	4	5		2.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo:
				4.3.01	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra: số 394/QĐ-CĐCĐ ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang
	4	6		2.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo:

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	4	7	4.7.01		Kế hoạch số 04/KH-CĐCĐ ngày 26/01/2021 Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo trình độ CĐ
			4.7.02		Kế hoạch số 360/KH-CĐCĐ ngày 01/6/2020 Kế hoạch rà soát, bổ sung, cập nhật chương trình đào tạo trình độ trung cấp.
	4	8	4.8.01		Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo (lần đầu)
				2.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo:
	4	9			Không có minh chứng
	4	10		1.1.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
				2.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo:
			4.10.01		DS thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo GDNN của trường.
			4.10.02		Bản in các giáo trình của các mô đun, môn học của các chương trình đào tạo.
			4.10.03		Quyết định số: 684/QĐ-TTCKTCN, 27/12/2018 về việc ban hành giáo trình cho TC Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính Quyết định số: 683/QĐ-TTCKTCN ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Quản trị mạng máy tính Quyết định số: 682/QĐ-TTCKTCN ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề May thời trang Quyết định ban hành giáo trình trung cấp Kỹ thuật xây dựng. Quyết định 680/QĐ-TTCKTCN ngày 27/12/2018, Quyết định BH Giáo trình đào tạo TC Thú y Quyết định 659/QĐ-TTCKTCN ngày 28/12/2018, Quyết định ban hành và sử dụng giáo trình trung cấp Cắt gọt kim loại Quyết định ban hành giáo trình trung cấp nghề Công nghệ ô tô

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Quyết định 298/QĐ-CĐCD ngày 02/6/2021, Quyết định ban hành danh mục giáo trình đào tạo ngành công nghệ ô tô trình độ cao đẳng
	4	11		4.10.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp của trường.
				4.10.02	Bản in các giáo trình của các mô đun, môn học của các chương trình đào tạo.
	4	12		1.1.04	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
				2.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo (kèm theo chương trình chi tiết):
				4.10.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp của trường.
			4.12.01		Các Biên bản thẩm định giáo trình các ngành nghề
				2.13.02	Danh sách đơn vị tham gia đánh giá
	4	13	4.13.01		Danh sách các chương trình đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
				4.10.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp của trường năm 2021.
				4.10.02	Bản in các giáo trình của các mô đun, môn học của các chương trình đào tạo.
	4	14		4.10.03	Các quyết định ban hành giáo trình đào tạo
			4.14.01		Danh sách lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. (chỉ có khoa điện tổ chức lấy ý kiến)
	4	15		4.8.01	Các Quyết định ban hành chương trình lần đầu (kèm theo chương trình chi tiết):
				2.1.01	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo (kèm theo chương trình chi tiết):

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				4.10.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp của trường.
	5	1		1.1.02	- Quyết định số 4128/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường CĐCD Hậu Giang; - Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12/3/2020 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội Về việc sáp nhập Trường Trung cấp KT - CN tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp KT - KT tỉnh Hậu Giang vào Trường CĐCD Hậu Giang
			5.1.01		Quyết định số 1358/QĐ-UB ngày 17/9/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang V/v quy hoạch đất để đầu tư xây dựng trường CĐCD Hậu Giang; Hồ sơ, bản đồ vị trí xây dựng của trường
			5.1.02		Hợp đồng cung cấp điện, nước
	5	2		5.1.01	Quyết định số 1358/QĐ-UB ngày 17/9/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang V/v quy hoạch đất để đầu tư xây dựng trường CĐCD Hậu Giang; Hồ sơ, bản đồ vị trí xây dựng của trường
			5.2.01		Dự án đầu tư xây dựng trường (Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB ngày 6/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 về điều chỉnh khoản 7,9,10 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB)
			5.2.02		Biên bản nghiệm thu các hạng mục công trình
	5	3		5.2.01	Dự án đầu tư xây dựng trường (Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB ngày 6/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 về điều chỉnh khoản 7,9,10 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB)
				5.2.02	Biên bản nghiệm thu các hạng mục công trình
			5.3.01		Báo cáo cơ sở vật chất của trường
			5.3.02		Hợp đồng với các cơ sở thực hành thí nghiệm (Bệnh viện, Doanh nghiệp...)
	5	4		5.2.01	Dự án đầu tư xây dựng trường (Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB ngày 6/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 về điều chỉnh khoản 7,9,10 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				5.2.02	Biên bản nghiệm thu các hạng mục công trình
			5.4.01		Biên bản kiểm tra công tác PCCC hằng năm
			5.4.02		Quyết định số:423/QĐ-CĐCĐ ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Quy định thực hiện công tác CSVC.
			5.4.03		- Kế hoạch nâng cấp sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng - Biên bản nghiệm thu, thanh lý công tác sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hàng năm.
	5	5		5.2.02	Biên bản nghiệm thu các hạng mục công trình
				5.3.01	Báo cáo cơ sở vật chất của trường; Hình ảnh bố trí các phòng thí nghiệm, thực hành
	5	6	5.6.01		Quyết định của trường về quy định sử dụng phòng học, phòng thực hành.
			5.6.02		Tổng hợp danh mục thiết bị của trường
				5.4.02	Quyết định số:423/QĐ-CĐCĐ ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Quy định thực hiện công tác CSVC.
	5	7		5.6.01	Quyết định của trường về nội quy phòng học, phòng thực hành thí nghiệm
			5.7.01		Báo cáo về việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm
	5	8	5.8.01		Thông tư của Bộ LĐ-TB&XH về danh mục thiết bị tối thiểu
			5.8.02		Hợp đồng bàn giao thiết bị đào tạo (hợp đồng đầu tư trang thiết bị)
			5.8.03		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo
	5	9	5.9.01		Hình ảnh bố trí trang thiết bị các phòng thí nghiệm, thực hành
				5.2.02	Biên bản nghiệm thu các hạng mục công trình
			5.9.02		- Kế hoạch kiểm kê tài sản hằng năm - Báo cáo kiểm kê tài sản hằng năm
	5	10		5.4.02	Quyết định số:423/QĐ-CĐCĐ ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Quy định thực hiện công tác CSVC.
				5.8.02	Hợp đồng bàn giao thiết bị đào tạo (hợp đồng đầu tư trang thiết bị)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				5.9.02	- Kế hoạch kiểm kê tài sản hằng năm - Báo cáo kiểm kê tài sản hằng năm
	5	11		5.4.02	Quyết định số:423/QĐ-CĐCĐ ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Quy định thực hiện công tác CSVC.
				5.8.02	Hợp đồng bàn giao thiết bị đào tạo (hợp đồng đầu tư trang thiết bị)
				5.9.02	- Kế hoạch kiểm kê tài sản hằng năm - Báo cáo kiểm kê tài sản hằng năm
				5.6.01	Quyết định của trường về nội quy phòng học, phòng thực hành thí nghiệm
				5.6.02	Tổng hợp danh mục thiết bị của trường
	5	12	5.12.01		Quyết định số 647/QĐ-CĐCĐ ngày 11/8/2020 của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang về định mức vật tư thực hành và giao khoán kinh phí mua vật tư thực hành.
				5.4.02	Quyết định số:423/QĐ-CĐCĐ ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Quy định thực hiện công tác CSVC.
			5.12.02		Các bản đề nghị vật tư phục vụ đào tạo (các Khoa).
			5.12.03		Báo cáo sử dụng vật tư tiêu hao (các Khoa)
	5	13		5.2.01	Dự án đầu tư xây dựng trường (Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB ngày 6/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 về điều chỉnh khoản 7, 9, 10 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB)
			5.13.01		Quyết định ban hành nội quy thư viện
			5.13.02		- Danh sách giáo trình đã được trường phê duyệt - Danh mục sách của Thư viện trường
	5	14		5.13.01	Quyết định ban hành nội quy thư viện
				5.13.02	- Danh sách giáo trình đã được trường phê duyệt - Danh mục sách của Thư viện trường

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.14.01		Phân công nhiệm vụ cán bộ Thư viện
			5.14.02		- Báo cáo công tác hoạt động thư viện - Kế hoạch tổ chức ngày hội đọc sách
	5	15	5.15.01		Danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện (Thống kê số lượng máy tính); Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư trang thiết bị và phần mềm thư viện điện tử
	6	1	<u>6.1.01</u>		Thông báo số 1049/TB-CĐCĐ ngày 15/10/2020 về việc đăng ký đề tài NCKH và viết giáo trình của tập thể, cá nhân năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo.
				1.3.02	Quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021.
			6.1.02		CV 1027/CĐCĐ ngày 09/10/2020 của Trường CĐCĐ Hậu Giang v/v đăng ký học sau ĐH năm 2021.
			6.1.03		Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút nhân lực tỉnh HG
			6.1.04		CV số 1954/SNV-TCCB ngày 20/8/2020 của Sở Nội vụ về việc hỗ trợ đào tạo Sau ĐH đối với VC; Công văn số 2061/SNV-TCCB ngày 01/9/2020 của Sở Nội vụ về việc hỗ trợ đào tạo sau Đại học
			6.1.05		Công văn 1961/UBND-NCTH ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học
			6.1.06		Quyết định số 1390/QĐ-CĐCĐ ngày 31/12/2020 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021 Quyết định số 20/QĐ-CĐCĐ ngày 14/01/2021 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021 Quyết định số 1389/QĐ-CĐCĐ ngày 31/12/2020 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021 Quyết định số 21/QĐ-CĐCĐ ngày 14/01/2021 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021 Quyết định số 19/QĐ-CĐCĐ ngày 14/01/2021 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			6.1.07		Biên bản số 04/BB-CĐCĐ ngày 08/9/2021 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Họp Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường năm học 2020 - 2021. Biên bản số 02/BB-CĐCĐ ngày 08/9/2021 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Họp Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường năm học 2020 - 2021. Biên bản số 03/BB-CĐCĐ ngày 08/9/2021 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Họp Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường năm học 2020 - 2021.
	6	2	6.2.01		Phiếu đăng ký viết đề tài NCKH, viết giáo trình
				6.1.06	Quyết định số 1390/QĐ-CĐCĐ ngày 31/12/2020 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021 Quyết định số 20/QĐ-CĐCĐ ngày 14/01/2021 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021 Quyết định số 1389/QĐ-CĐCĐ ngày 31/12/2020 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021 Quyết định số 21/QĐ-CĐCĐ ngày 14/01/2021 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021 Quyết định số 19/QĐ-CĐCĐ ngày 14/01/2021 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc giao đề tài NCKH năm học 2020 - 2021
			6.2.02		Danh sách công nhận kết quả xếp loại SKKN năm học 2020 - 2021.
			6.2.03		QĐ số 387/QĐ-CĐCĐ ngày 23/8/2021 về việc công nhận kết quả xếp loại SKKN NH 2020 - 2021
				6.1.07	Biên bản số 04/BB-CĐCĐ ngày 08/9/2021 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Họp Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường năm học 2020 - 2021. Biên bản số 02/BB-CĐCĐ ngày 08/9/2021 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Họp Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường năm học 2020 - 2021. Biên bản số 03/BB-CĐCĐ ngày 08/9/2021 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Họp Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường năm học 2020 - 2021.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	6	3	6.3.01		“Nghiên cứu thu hồi dịch thủy phân từ đầu cá lóc bằng enzyme alcalase và flavourzyme” tập 57, số chuyên đề Công nghệ thực phẩm, Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN 1859 - 2333
			6.3.02		“Điều kiện vệ sinh của môi trường chế biến và mật số vi sinh vật trên cá tra: công đoạn chỉnh hình” Tạp chí Nông nghiệp và phát triển, Trường Đại học Nông lâm TP.HCM
			6.3.03		“Khảo sát bệnh viêm ruột do Parvovirus trên chó tại phòng mạch thú y thành phố Vĩnh Long”, tập XVIII, số 4, chuyên đề thú y, tạp chí khoa học kỹ thuật Thú y, Hội thú y Việt Nam
			6.3.04		“Thấp sáng ý tưởng khởi nghiệp cho học sinh phổ thông trong bối cảnh hiện nay”, kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia, Trường Cán bộ QL giáo dục TP.HCM - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.
			6.3.05		“Giáo dục thông minh và những yêu cầu đặt ra trong dạy học môn Giáo dục công dân ở các Trường THPT hiện nay”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học của CLB Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo các tỉnh/thành phía nam.
	6	4	6.4.01		Danh sách các bài NCKH, sáng kiến cải tiến
				6.2.02	Danh sách công nhận kết quả xếp loại SKKN năm học 2020 - 2021.
				6.2.03	QĐ số 387/QĐ-CĐCĐ ngày 23/8/2021 về việc công nhận kết quả xếp loại SKKN NH 2020 - 2021
	6	5	6.5.01		Thỏa thuận chung về hợp tác giữa Trường CĐCĐ Hậu Giang với Trường Cao đẳng nghệ thuật và ứng dụng công nghệ Durham
			6.5.02		Công văn số 2683/TCGDNN-ĐTCQ ngày 26/9/2016 của Tổng cục GDNN về việc thí điểm đào tạo trình độ cao đẳng; Thông báo số 40/TB-CĐCĐ ngày 30/3/2017 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc thông báo tuyển sinh trình độ CĐ, TC chính quy năm học 2017 - 2018; Quyết định số 255A/QĐ-CĐCĐ ngày 15/8/2017 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ CĐ đợt 2 chính quy năm học 2017 - 2018; Quyết định số 267/QĐ-CĐCĐ ngày 11/9/2018 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận sinh viên nhập học trình độ CĐ chính quy năm học 2018 - 2019 khóa 13; Quyết định số 408/QĐ-CĐCĐ ngày 20/12/2018 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận bổ sung sinh viên nhập học trình độ CĐ chính quy năm học 2018 - 2019 khóa 13-14;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			6.5.03		Biên bản ghi nhớ “Hợp tác thực hiện dự án: Xây dựng mô hình đào tạo trực tuyến tạo công ăn việc làm cho người lao động ở tỉnh Hậu Giang trong thị trường ngành BPO (dịch vụ thuê ngoài doanh nghiệp) ở Việt Nam.
	7	1		1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 29/3/2021.
			7.1.01		Biên bản Hội nghị viên chức năm 2021 ngày 19/11/2021.
			7.1.02		- Bản BC công khai tài chính Hội nghị viên chức năm 2020 theo TT 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017. - BC theo QĐ số: 4377/QĐKBNN ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước. - Đối chiếu quý I; II; III; IV với Kho bạc Nhà nước.
	7	2	7.2.01		Thu học phí; Thu liên kết; Thu từ cho thuê cơ sở vật chất.
			7.2.02		Sổ theo dõi nguồn thu; Báo cáo tình hình sử dụng biên lai.
			7.2.03		Kết luận số 02/KL-TTT ngày 28/4/2021 của chánh thanh tra tỉnh Hậu Giang.
	7	3	7.3.01		Quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Hậu Giang năm 2021 cho các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.
				7.1.02	Báo cáo tài chính. Báo cáo quyết toán năm 2019 theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017.
				7.2.03	Kết luận số 02/KL-TTT ngày 28/4/2021 của chánh thanh tra tỉnh Hậu Giang.
	7	4	7.4.01		Sổ sách kế toán theo thông tư 107/TT-BTC ban hành ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính.
				7.1.02	Biểu mẫu thực hiện theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính.
			7.4.02		Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2020 ngày 05/8/2021.
	7	5		1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 29/3/2021.
			7.5.01		Công khai trong Hội nghị viên chức năm 2021;
				7.2.03	Kết luận số 02/KL-TTT ngày 28/4/2021 của chánh thanh tra tỉnh Hậu Giang.
	7	6	7.6.01		Bản xác nhận chênh lệch thu - chi năm 2020.
			7.6.02		Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	8	1	8.1.01		Sổ tay HSSV
				1.4.01	- Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. - Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 383/QĐ-CĐCĐ ngày 20/8/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục mầm non theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 794/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 và Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 795/QĐ-CĐCĐ ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
				1.3.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Hậu Giang;
			8.1.02		Quyết định số 176/QĐ-CĐCĐ ngày 10/4/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v Quy chế Công tác HSSV trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.
			8.1.03		Nội quy nhà trường, nội quy Ký túc xá
			8.1.04		Bảng liệt kê các văn bản của Trường thể hiện các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học
			8.1.05		Quyết định số 637/QĐ-CĐCĐ ngày 01/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v cấp học bổng cho HSSV học kỳ I, năm học 2020-2021(đợt 1); Quyết định số 673/QĐ-CĐCĐ ngày 07/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v cấp học bổng cho HSSV khối ngành Sư phạm học kỳ II, năm học 2020-2021; Quyết định số 687/QĐ-CĐCĐ ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v cấp học bổng cho HSSV học kỳ 2, năm học 2020-2021(đợt 2); Quyết định số 672/QĐ-CĐCĐ ngày 07/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v khen thưởng cho HSSV tốt nghiệp đạt loại giỏi niên khoá 2018-2021 (đợt1)
			8.1.06		Biên bản đối thoại của hiệu trưởng với HSSV năm 2021
		2		8.1.04	Bảng liệt kê các văn bản của Trường thể hiện các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			8.1.05	Quyết định số 637/QĐ-CĐCĐ ngày 01/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v cấp học bổng cho HSSV học kỳ I, năm học 2020-2021(đợt 1); Quyết định số 673/QĐ-CĐCĐ ngày 07/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v cấp học bổng cho HSSV khối ngành Sư phạm học kỳ II, năm học 2020-2021; Quyết định số 687/QĐ-CĐCĐ ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v cấp học bổng cho HSSV học kỳ 2, năm học 2020-2021(đợt 2); Quyết định số 672/QĐ-CĐCĐ ngày 07/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v khen thưởng cho HSSV tốt nghiệp đạt loại giỏi niên khoá 2018-2021 (đợt1).	
			1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10/.2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.	
		3	8.3.01		QĐ số 355/QĐ-CĐCĐ ngày 18/10/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v Ban hành quy chế, cấp học bổng khuyến khích học nghề cho HSSV Trường CĐCĐ Hậu Giang
			8.3.02		QĐ số 1656/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng CP về điều chỉnh mức vay đối với HSSV.
			8.3.03		Danh sách nhà trọ giới thiệu cho học sinh, sinh viên
			8.3.04		Quyết định số 1135/QĐ-CĐCĐ ngày 28/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v phân công giảng viên, giáo viên làm công tác chủ nhiệm năm học 2020-2021; Quyết định số 1134/QĐ-CĐCĐ ngày 28/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v phân công giảng viên làm cố vấn học tập năm học 2020-2021.
			1.3.01		Quyết định 203/QĐ-CĐCĐ ngày 20/4/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng CTCT&DVSV
			8.3.05		Danh sách cấp học bổng khối giáo dục, và khen thưởng khối nghề nghiệp năm 2021
			8.3.06		Danh sách khen thưởng Tân HSSV của nhà trường
			8.3.07		Danh sách khen thưởng HSSV tốt nghiệp loại Giỏi, xuất sắc của trường.
			8.1.05		Quyết định số 637/QĐ-CĐCĐ ngày 01/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v cấp học bổng cho HSSV học kỳ I, năm học 2020-2021(đợt 1);

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Quyết định số 673/QĐ-CĐCĐ ngày 07/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v cấp học bổng cho HSSV khối ngành Sư phạm học kỳ II, năm học 2020-2021; Quyết định số 687/QĐ-CĐCĐ ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v cấp học bổng cho HSSV học kỳ 2, năm học 2020-2021(đợt 2); Quyết định số 672/QĐ-CĐCĐ ngày 07/12/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang V/v khen thưởng cho HSSV tốt nghiệp đạt loại giỏi niên khoá 2018-2021 (đợt1).
			8.1.04		Bảng liệt kê các văn bản của Trường thể hiện các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học
			1.5.01		Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10/.2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.
			8.3.08		Phiếu khảo sát ý kiến người học
		4	8.4.01		Thông báo tuyển sinh hàng năm
			8.4.02		Sơ đồ KTX, thiết bị KTX, Kế hoạch hoạt động KTX, Quyết định ban hành nội quy KTX, kế hoạch kiểm tra KTX, Hồ sơ quản lý KTX. Hồ sơ quản lý KTX.
			8.4.03		Thông báo 03/TB-CTCT&DVSV, thông báo số 06/TB-CTCT&DVSV về tổ chức khám sức khỏe đầu khóa 15 và HSSV tốt nghiệp năm 2020.
			1.5.01		Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10/.2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.
			8.3.08		Phiếu khảo sát ý kiến người học
		5	8.4.01		Sơ đồ KTX, thiết bị KTX, Kế hoạch hoạt động KTX, Quyết định ban hành nội quy KTX, kế hoạch kiểm tra KTX, Hồ sơ quản lý KTX. Hồ sơ quản lý KTX.
			8.5.01		Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá KTX
			8.5.02		Danh mục thiết bị, cơ sở vật chất theo quy định đặc thù của ngành
			8.3.08		Phiếu khảo sát ý kiến người học
		6	8.6.01		Kế hoạch hoạt động Y tế trường học của Khoa Y dược. Danh mục thuốc trong tủ y tế
			8.6.02		Danh sách cán bộ cung cấp dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			8.6.03		Danh mục các thiết bị y tế cơ bản. Danh mục thuốc trong tủ y tế
			8.6.04		Báo cáo kết quả hoạt động của Khoa y dược
		7	8.7.01		Thông tin sân bóng đá mini, các hội trường
			8.7.02		Kế hoạch số 33-KH/ĐTN ngày 27/10/2020 tổ chức hội thao chào mừng kỷ niệm 38 năm ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11, chào mừng Đại hội Hội sinh viên trường, nhiệm kỳ 2020-2023; Kế hoạch số 34-KH/ĐTN ngày 27/10/2020 tổ chức Hội thi “Tiếng hát HSSV” và “Tài năng HSSV” trường lần XIV năm 2020. Báo cáo tổng kết các hội thi
			8.7.03		Kế hoạch 01/KH-CTCT&DVSV ngày 02/01/2020 Tổ chức Hội thi tuyên truyền An toàn giao thông, tư vấn việc làm năm học 2019-2020; KH 06/KH-CTCT&DVSV ngày 26/10/2020 kế hoạch HSSV tham gia Hội thi “Thanh niên với văn hóa giao thông” năm 2020. QĐ thành lập Đội tự quản, các quy chế phối hợp ANTT trường học.
			8.7.04		Báo cáo của thanh tra nhân dân năm 2021
				8.3.08	Phiếu khảo sát ý kiến người học
		8	8.8.01		Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn việc làm
			8.8.02		Các thông báo tuyển dụng, các tờ rơi, hình ảnh thông tin về việc làm
				8.3.08	Phiếu khảo sát ý kiến người học
		9	8.9.01		Thông báo tham gia hội chợ việc làm hàng năm hoặc Kế hoạch phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm với các nhà tuyển dụng hàng năm
			8.9.02		Danh sách các nhà tuyển dụng
			8.9.03		Báo cáo kết quả họp tổ chức hội chợ việc làm hàng năm
			8.9.04		Nhận định đánh giá
			8.9.05		Phiếu khảo sát ý kiến người đã đi làm
	9	1	9.1.01		Kế hoạch số 02/KH-CĐCĐ ngày 27/7/2020 của Phòng CTCT&DVSV V/v khảo sát hình hình HSSV tốt nghiệp có việc làm và mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động
			9.1.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			9.1.03		Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động
			9.1.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động hàng năm
	9	2		3.15.01	DS trích ngang nhà giáo, CBQL, VC và người lao động; họ và tên, trình độ đào tạo, vị trí công tác.
			9.2.01		Văn kiện Hội nghị viên chức năm học 2021 - 2022
			9.2.02		Biên bản tổng hợp thu thập ý kiến và danh sách viên chức được thu thập ý kiến 2021
	9	3	9.3.01		Kế hoạch thu thập ý kiến người học
			9.3.02		Danh sách sinh viên thực học hàng năm
			9.3.03		Danh sách người học được thu thập ý kiến hàng năm
				8.3.08	Phiếu khảo sát ý kiến người học
			9.3.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến hàng năm
	9	4	9.4.01		Kế hoạch số 32/KH-CĐCĐ ngày 12/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021
			9.4.02		Quyết định số 234/QĐ-CĐCĐ ngày 4/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021
			9.4.03		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2018, 2019, 2020
			9.4.04		Công khai trên website của trường
	9	5	9.5.01		Kế hoạch hoạt động đầu năm học của nhà trường
				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCĐ ngày 30/10/.2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020 - 2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022.
	9	6	9.6.01		Quyết định 765/QĐ-CĐCĐ ngày 03/9/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên bậc Cao đẳng hệ Chính quy đợt 1 năm 2020. Quyết định 1034/QĐ-CĐCĐ ngày 12/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên bậc Cao đẳng hệ Chính quy đợt 2 năm 2020.
			9.6.02		- Gặp gỡ trực tiếp, gọi điện, gửi thư,... để thu thập thông tin về việc làm hàng năm của sv đã TN - DS thông tin sinh viên đã tốt nghiệp (trong đó có sđt, địa chỉ, email,... để liên lạc)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			9.6.03		- Phiếu điều tra - Danh sách sv được điều tra - Báo cáo kết quả điều tra
			9.6.04		Chứng chỉ hành nghề